

CÔNG TY TNHH BẮC CHƯỜNG DƯƠNG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

Của dự án : Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở

**Địa chỉ: Số 158 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên,
thành phố Hà Nội**

Hà Nội, tháng.... năm 2022

CÔNG TY TNHH BẮC CHƯƠNG DƯƠNG

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của dự án : Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở

Địa chỉ: Số 158 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên,
thành phố Hà Nội

CHỦ DỰ ÁN



CHỦ TỊCH HĐQT

Vũ Thị Thanh Thủy

Hà Nội, tháng..... năm 2022

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	v
DANH MỤC HÌNH VẼ.....	vi
Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	7
1.1. THÔNG TIN VỀ CHỦ CƠ SỞ.....	7
1.2. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ	7
1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ	10
1.3.1. Công suất hoạt động của Cơ sở.....	10
1.3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của Cơ sở đầu tư	11
1.3.3. Sản phẩm của Cơ sở đầu tư	11
1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN NƯỚC CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ	13
Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	16
2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG (NẾU CÓ).....	16
2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG (NẾU CÓ) ..	16
Chương III:.....	18
3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI.....	18
3.1.1. Công trình thu gom, thoát nước và xử lý nước mưa	18
3.1.2. Công trình thu gom, thoát nước và xử lý nước thải	20
3.2. Các công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	35
3.2.1. Biện pháp xử lý khí thải nhà bếp.....	35
3.2.2. Biện pháp thông gió tầng hầm.....	36
3.2.4. Biện pháp xử lý mùi và khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải	36
3.3. Các công trình, biện pháp thu gom lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.....	37
3.4. Các công trình, biện pháp thu gom lưu giữ chất thải nguy hại.....	39
3.5. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.....	41
3.6. Phương pháp phòng ngừa ứng phó với sự cố môi trường	42
3.7. Công trình biện pháp bảo vệ môi trường khác	43
3.7.1. Biện pháp giảm thiểu ách tắc giao thông	43
3.7.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới kinh tế - xã hội khu vực.....	43
3.7.3. Sự cố cháy nổ	43
3.7.4. Hệ thống phòng cháy chữa cháy	44

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án “Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở”

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả báo cáo đánh giá tác động môi trường. ...	48
3.9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.....	49
Chương IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	50
4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI	50
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải	50
4.1.2. Lưu lượng xả nước thải	50
4.1.3. Dòng nước thải.....	50
4.1.4. Chất lượng nước thải.....	51
4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải.....	51
4.1.5.1. Hệ thống dẫn nước thải sau xử lý ra đến nguồn nước tiếp nhận	51
4.1.5.2. Mô tả công trình của xả nước thải.....	51
4.1.5.3. Chế độ xả nước thải.....	51
4.1.5.4. Phương thức xả nước thải	51
4.1.5.5. Vị trí xả thải	52
4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI.....	52
4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải:	52
4.2.2. Dòng khí thải, vị trí xả thải:	52
4.2.3. Các chất ô nhiễm và giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải.....	52
4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG	53
4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:.....	53
4.4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI.....	53
4.5. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI CHẤT THẢI VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG	53
4.5.1. Quản lý chất thải	53
4.5.2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	55
Chương V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	57
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	57
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.	57
Chương VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	58
6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ	58
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	58
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải	58

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án “Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở”

6.1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện Kế hoạch.	59
6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI (TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC VÀ ĐỊNH KÌ) THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT.....	59
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	59
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	60
Không có.....	60
6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.	60
6.3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM	60
Chương VI: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	63
PHỤ LỤC BÁO CÁO – PHỤ LỤC PHÁP LÝ.....	Error! Bookmark not defined.
PHỤ LỤC BÁO CÁO – PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG LIÊN QUAN	Error! Bookmark not defined.
PHỤ LỤC BÁO CÁO – PHỤ LỤC PHIẾU QUAN TRẮC	Error! Bookmark not defined.
PHỤ LỤC BÁO CÁO – PHỤ LỤC BẢN VẼ	Error! Bookmark not defined.

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTC	: Bộ Tài chính
BTCT	: Bê tông cốt thép
BTNMT	: Bộ Tài nguyên Môi trường
BVMT	: Bảo vệ môi trường
BXD	: Bộ Xây dựng
CHXHCN	: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
QCXDVN	: Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
QLDA	: Quản lý Cơ sở
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
THCS	: Trung học cơ sở
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
WHO	: Tổ chức y tế thế giới
XLNT	: Xử lý nước thải

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng nước cấp sinh hoạt công trình.....	13
Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nước cấp cho PCCC công trình HH1.....	14
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước theo hóa đơn tiền nước	14
Bảng 1.4. Tổng hợp lưu lượng nước thải sinh hoạt của dự án	15
Bảng 1.5. Hoá chất phục vụ hoạt động xử lý nước thải	15
Bảng 3.1. Khối lượng hệ thống cống thu gom thoát nước mưa của Cơ sở.....	19
Bảng 3.2. Khối lượng hệ thống thoát nước thải của Cơ sở	21
Bảng 3.3. Kích thước, kết cấu các hạng mục trong Hệ thống xử lý nước thải	34
Bảng 3.4. Danh mục các thiết bị lắp đặt cho hệ thống xử lý.....	34
Bảng 3.5. Danh mục các loại CTNH phát sinh trong giai đoạn hoạt động	40
Bảng 3.6. Những thay đổi các hạng mục công trình giữa báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt với thực tế	48
Bảng 4.1. Tổng hợp lưu lượng nước thải sinh hoạt của cơ sở.....	50
Bảng 4.2. Thông số và giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt	51
Bảng 4.3. Các chất ô nhiễm và giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải	52
Bảng 4.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm.....	53
Bảng 4.5. Danh mục các loại CTNH phát sinh trong giai đoạn hoạt động	55
Bảng 6.1. Thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến	58
Bảng 6.2. Kế hoạch giám sát chất thải tại Cơ sở.....	58
Bảng 6.3. Nội dung giám sát môi trường nước thải trong giai đoạn hoạt động	59
Bảng 6.4. Kinh phí giám môi trường trong giai đoạn hoạt động	60

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 3.1. Sơ đồ thu gom xử lý nước thải của tòa nhà	22
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom xử lý nước thải khu nhà thấp tầng.....	25
Hình 3.3. Sơ đồ xử lý nước thải bằng bể tách mỡ.....	26
Hình 3.4. Sơ đồ xử lý nước thải bằng bể tự hoại ba ngăn	27
Hình 3.5. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt của Cơ sở.....	29
Hình 3.6. Hệ thống thông gió điều hòa	36
Hình 3.7. Phòng thu rác khu nhà cao tầng.....	38
Hình 3.7. Bãi tập kết rác thải tập trung của cơ sở	39
Hình 3.7. Kho chất thải nguy hại của cơ sở	41
Hình 3.7. Hệ thống cây xanh tại khu vực cơ sở	42
Hình 3.7. Thiết bị phòng cháy chữa cháy của cơ sở.....	45

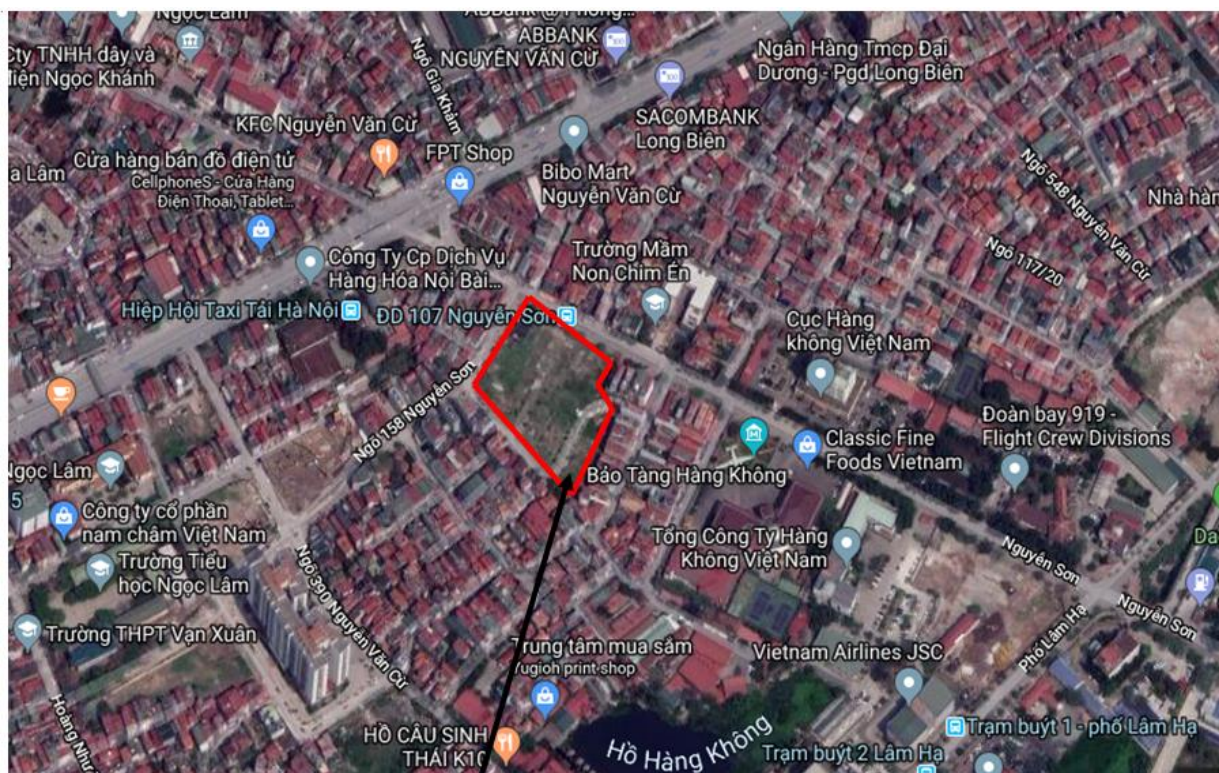
Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. THÔNG TIN VỀ CHỦ CƠ SỞ

- Tên chủ Cơ sở: **Công ty TNHH Bắc Chương Dương**
- Địa chỉ văn phòng: Số 379, ngõ 2 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.
- Người đại diện theo pháp luật của Cơ sở: Bà Vũ Thị Thanh Thủy
- Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên
- Điện thoại: 0243 98273778; Fax: 0243873421 E-mail:.....
- **Công ty TNHH Bắc Chương Dương** được Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên số: 0100596731 cấp đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 1995, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 07 tháng 05 năm 2019.
- Mã số thuế : 0100596731

1.2. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ

- Tên Cơ sở đầu tư: **Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở**
- Địa điểm thực hiện Cơ sở: Số 158 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.



Khu vực thực hiện dự án

Hình 1.1. Sơ đồ vị trí khu vực thực hiện Cơ sở

****) Các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội xung quanh Cơ sở***

Hệ thống đường giao thông:

- Khu vực thực hiện Cơ sở có hệ thống đường giao thông tương đối thuận lợi. Phía Bắc khu đất tiếp giáp với đường Nguyễn Sơn, chiều dài tuyến đường 1.500m, mặt đường rộng 10m. Đường Nguyễn Sơn nối liền với đường Nguyễn Văn Cừ có chiều rộng mặt đường từ 16-20m, đây là một trong những trục đường chính ra vào nội thành của thành phố Hà Nội, tạo điều kiện thuận lợi trong việc vận chuyển và tập kết nguyên vật liệu thi công xây dựng Cơ sở.

- Kết quả điều tra cho thấy đường Nguyễn Sơn, đường Nguyễn Văn Cừ có chất lượng đường còn tốt, đã được trải nhựa Aphahts. Mật độ giao thông tại 2 tuyến đường trên ở mức khá cao. Đặc biệt là vào giờ tan ca lượng người và phương tiện giao thông tham gia trên tuyến đường là rất cao. Vì vậy, khi triển khai xây dựng chủ Cơ sở sẽ điều phối các phương tiện vận tải nguyên vật liệu tránh các giờ cao điểm. Tránh xảy ra các tranh chấp và xung đột giao thông.

- Cơ sở cách đường Nguyễn Văn Cừ khoảng 100m, cách cầu Chui – nút giao Long Biên khoảng 1,8 km, cách cầu Chương Dương khoảng 1,5 km. Từ khu vực Cơ sở có thể đi theo đường Nguyễn Sơn rẽ sang đường Nguyễn Văn Cừ, đến cầu Chương Dương đi thẳng qua cầu vào trong nội thành Hà Nội.

Hệ thống sông, hồ thủy văn:

- Khu vực Cơ sở nằm cách sông Hồng khoảng 1,8 km theo đường chim bay về phía Tây Nam, cách hồ Lâm Du phường Bồ Đề khoảng 600m về phía Đông, cách Hồ Cầu Tình khoảng 400m về phía Tây Bắc.

***) Các đối tượng kinh tế - xã hội**

Các đối tượng kinh tế - xã hội xung quanh khu đất thực hiện Cơ sở như sau:

+ Khu dân cư gần nhất là tổ dân cư số 20 (ngõ 176 Nguyễn Sơn) thuộc phường Bồ Đề giáp ranh giới Cơ sở về phía Đông.

+ Cách UBND phường Bồ Đề khoảng 1,2 km.

+ Cách trường tiểu học Ngọc Lâm và trường THCS Ngọc Lâm khoảng 300m.

+ Cách sân bay Gia Lâm khoảng 800m.

+ Cách Trung tâm y tế Hàng không khoảng 600m.

Xung quanh khu vực Cơ sở chủ yếu là khu dân cư phường Bồ Đề, không có các công trình văn hóa, tôn giáo, các di tích lịch sử.

- Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở đã được Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án “Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở”

trường số 3659/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Cơ sở Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở tại Khu bãi Ăng ten, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Sở xây dựng cấp giấy phép xây dựng số 58/GPXD ngày 19/6/2018.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở thuộc phụ lục IV kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường– Danh mục các Cơ sở đầu tư nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường; số thứ tự 2: Cơ sở nhóm A và nhóm B có cầu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật đầu tư công, xây dựng và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Cơ sở nhóm B có tổng mức đầu tư từ 40-800 tỷ (682,1 tỷ) – Cơ sở xây dựng tòa nhà văn phòng làm việc – nhà ở.

Tại thời điểm hiện tại cơ sở đã đi vào hoạt động từ tháng 6 năm 2020, tỷ lệ lấp đầy khu nhà cao tầng là 95%, tỷ lệ lấp đầy khu nhà thấp tầng là 75%.

Tại thời điểm xin cấp giấy phép môi trường Cơ sở đã xây dựng xong, hệ thống xử lý nước thải có công suất từ 110 – m³/ngày.đêm, công suất xử lý tối đa là 150m³/ngày.đêm đã xây dựng hoàn thiện và đi vào hoạt động từ tháng 6 năm 2020.

***) Giấy tờ pháp lý liên quan đến việc thành lập Cơ sở**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên của Công ty TNHH Bắc Chương Dương, đăng ký lần đầu ngày 10/02/1995, đăng ký thay đổi lần thứ 18, ngày 07/05/2019.

- Hợp đồng thuê đất

- Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thu hồi 15.480m² đất tại 158 phố Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên do Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gia Lâm đang quản lý, sử dụng; giao cho Công ty TNHH Bắc Chương Dương để tiếp tục thực hiện Cơ sở đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 283198

- Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000037 ngày 23/5/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chứng nhận Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gia Lâm thực hiện Cơ sở Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở tại Khu bãi Ăng ten, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 01121000037 ngày 26/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư Cơ sở Trung tâm thương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án “Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở”

mai, văn phòng cho thuê và nhà ở tại Khu bãi Ăng ten, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Quyết định số 6055/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 của Ủy ban nhân thành phố Hà Nội về việc chấp thuận chuyển nhượng toàn bộ Cơ sở Xây dựng trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở tại Khu Ăng ten và Ao trũng, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội từ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gia Lâm cho Công ty TNHH Bắc Chương Dương.

- Văn bản số: 847/QHKT-TMB-PAKT ngày 17/02/2017 của Sở Quy hoạch – Kiến trúc chấp thuận Bản vẽ tổng mặt bằng và phương án kiến trúc.

- Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 7287/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định chấp thuận điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư Cơ sở Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở tại Khu bãi Ăng ten, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội.

- Giấy phép xây dựng số 58/GPXD ngày 19/6/2018.

***) Giấy tờ pháp lý liên quan đến môi trường của Cơ sở**

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 225/GP-UBND ngày 26/6/2019.

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 3659/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Cơ sở Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở tại Khu bãi Ăng ten, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Trong phạm vi hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường chủ Cơ sở xin đề xuất cấp giấy phép môi trường cho hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 110-150 m³/ngày.đêm.

1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ

1.3.1. Công suất hoạt động của Cơ sở

Theo Quyết định số 7287/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND thành phố Hà Nội chấp thuận điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư Cơ sở Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở thì mục tiêu chính của Cơ sở là: xây dựng công trình trên khu đất có tổng diện tích 15.480m², trong đó đất xây dựng công trình là 10.501m², gồm 03 ô đất như sau.

- Ô đất số 1 có chức năng Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở có diện tích 8.358m², trong đó:

+ Công trình trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở (HH1) với diện tích 2.572 m², trong đó: diện tích xây dựng công trình nhà cao tầng (17 tầng) là 1.004 m² và

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án “Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở”

nhà vệ sinh công cộng là 25 m². Công trình nhà cao tầng (17 tầng) với quy mô 02 tầng hầm, tầng 1-2 chức năng dịch vụ, thương mại, sinh hoạt cộng đồng, tầng 3-4 chức năng văn phòng cho thuê, tầng 5-17 chức năng căn hộ thương mại, tổng số 117 hộ. Đã đi vào hoạt động từ tháng 1 năm 2020.

+ Công trình nhà ở liền kề (TT-01, TT-02, TT-03) với diện tích 4.013,1m², diện tích xây dựng 4.458m², công trình cao 5 tầng, tổng số 48 căn hộ.

+ Công trình công cộng: Bãi xe ngoài trời, trạm biến áp, đường giao thông, sân vườn nội bộ với diện tích 1772,9 m²

- Ô đất số 2,3 chức năng nhà ở liền kề thấp tầng (cao 3 tầng) có diện tích 2.152m², tổng số 23 căn nhà. Hiện trạng các công trình nhà ở và hạ tầng kỹ thuật của khu vực gồm hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước thải, nước mưa ngoài nhà đã xây dựng hoàn thiện và đưa vào sử dụng từ năm 2015.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của Cơ sở đầu tư

Loại hình hoạt động dịch vụ của Cơ sở là: Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở.

1.3.3. Sản phẩm của Cơ sở đầu tư

*) Tại thời điểm lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường Cơ sở đã đi vào hoạt động :

+ Ô đất số 1 đi vào hoạt động từ tháng 6/2020

+ Ô đất số 2, 3 đi vào hoạt động từ năm 2015.

Các hạng mục công trình xây dựng của Cơ sở đã hoàn hành xây dựng cụ thể như sau :

*) Các hạng mục công trình chính :

- Công trình số 1 : Công trình hỗn hợp (trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở)

+ 02 tầng hầm : chiều sâu 7,2m

+ Diện tích xây dựng tầng 1 : 1.004 m²

+ Tổng diện tích sàn xây dựng : 16.878 m² phần thân + 4.020 m² phần ngầm

+ Chiều cao công trình 67,1m

+ Số tầng 17 tầng + 02 tầng hầm + tum

- Công trình số 2 đến số 27 (26 căn liền kề tại ô đất ký hiệu TT-01 ; gồm 18 mẫu)

+ Tổng diện tích xây dựng 1.873 m²;

+ Tổng diện tích sàn xây dựng 9.885 m²;

- + Chiều cao công trình 17,25m ;
- + Số tầng: 05 tầng
- Công trình số 28 đến số 39 (12 căn liền kề tại ô đất ký hiệu TT-02 ; gồm 8 mẫu)
- + Tổng diện tích xây dựng 834 m²;
- + Tổng diện tích sàn xây dựng 4.410 m²;
- + Chiều cao công trình 17,25m ;
- + Số tầng: 05 tầng
- Công trình số 40 đến số 49 (10 căn liền kề tại ô đất ký hiệu TT-03 ; gồm 3 mẫu)
- + Tổng diện tích xây dựng 751 m²;
- + Tổng diện tích sàn xây dựng 3.955 m²;
- + Chiều cao công trình 17,25m ;
- + Số tầng: 05 tầng

*) Các hạng mục công trình phụ trợ:

a. Hệ thống điều hòa không khí và thông gió

- + Máy lạnh trung tâm
- + Hệ thống phân phối nước lạnh
- + Hệ thống phân phối gió

b. Hệ thống thông gió cơ khí

- + Hệ thống hút gió nhà vệ sinh
- + Hệ thống hút bếp thương mại, khu căn hộ
- + Hệ thống cấp gió tươi và bộ thu hồi nhiệt
- + Hệ thống thông gió tầng hầm
- + Hệ thống điều áp thang
- + Hệ thống kỹ thuật và hệ thống phòng kỹ thuật M&E
- + Hệ thống quản lý khói
- + Lọc gió

c. Hạng mục điện

d. Hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải

e. Hệ thống PCCC

f. Hệ thống thang máy

g. Đường giao thông, sân bãi

h. Cây xanh

*) Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

- Hệ thống thu gom nước thải

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án “Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở”

- Hệ thống bể tự hoại xử lý sơ bộ chất thải
- Hệ thống xử lý nước thải công suất 110-150m³/ngày.đêm,
- Hệ thống đường ống thu gom thoát nước mưa, rãnh thoát nước mưa ngoài nhà
- Hệ thống thoát nước ngưng
- Kho chứa rác thải sinh hoạt
- Kho chứa chất thải nguy hại
- Hệ thống thông gió cơ khí (hút gió nhà vệ sinh, hút bếp, thông gió tầng hầm, quản lý khói, lọc gió...)
- Hệ thống PCCC

Tại thời điểm xin cấp giấy phép môi trường Cơ sở đã hoàn thiện xây dựng xong đang tiến hành các thủ tục xin cấp phép để đi vào hoạt động.

1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHÉ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN NƯỚC CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ

- **Cấp điện:** Khu vực Cơ sở đã có hệ thống đường dây cấp điện hạ thế hoàn chỉnh. Điện phục vụ kinh doanh cho Cơ sở được cung cấp từ lưới điện hạ thế do chi nhánh điện lực phường Nguyễn Sơn cấp.

- **Cấp nước:** Trong khu vực Cơ sở đã có hệ thống cấp nước sạch của thành phố Hà Nội. Nước được cấp bởi Công ty TNHH một thành viên nước sạch số 2 cấp.

Khi cơ sở đi vào hoạt động ổn định dự kiến sẽ có khoảng 482 người. Nguồn phát sinh nước thải được tính cụ thể như sau:

***) Nhu cầu sử dụng nước theo tính toán:**

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng nước cấp sinh hoạt công trình

TT	THÀNH PHẦN	QUY MÔ SỬ DỤNG		CHỈ TIÊU CẤP NƯỚC		NHU CẦU SỬ DỤNG
						(m ³ /ngày)
1	Nước cấp cho sinh hoạt	482	người	200	lít/người.ngày	96,4
2	Nước cấp cho khu thương mại	2008	m ²	3	lít/m ² sàn.ngày	6,024
3	Nước cấp sinh hoạt khu văn phòng	2008	m ²	3	lít/m ² sàn.ngày	6,024
4	Nước rửa sàn tầng hầm	4.020	m ²	2	lít/m ² sàn.ngày	8,04
5	Nước tưới cây, rửa đường	1.772,90	m ²	1,5	lít/m ² sàn.ngày	2,66
6	Nhu cầu sử dụng nước cho nhân viên quản lý	20	người	150	lít/người.ngày	3
NHU CẦU DÙNG NƯỚC SINH HOẠT						122,2
NHU CẦU DÙNG NƯỚC LỚN NHẤT 1 NGÀY (k=1,2)						146,6
LƯỢNG NƯỚC DỰ PHÒNG, THẮT THOÁT,				15	%	21,9

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án “Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở”

RỒI RẪ			
TỔNG NHU CẦU DÙNG NƯỚC 1 NGÀY			168,5

Nhu cầu sử dụng nước cấp cho PCCC của công trình Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở của Cơ sở được thể hiện trong bảng dưới đây.

Bảng 1.2.Nhu cầu sử dụng nước cấp cho PCCC công trình HH1

TT	Hệ thống chữa cháy	Tiêu chuẩn	Lưu lượng tính toán l/s	Số lượng	Diện tích bảo vệ (m ²)	Lưu lượng bơm l/s	Thời gian chữa cháy (h)	Dung tích bể nước (m ³)
1	Chữa cháy tự động Sprinkler	TCVN7336-2003	0,24		187,5	45	1	162
2	Chữa cháy ngoài nhà	QCVN08-2009	10	1		10	3	108
	Tổng							270

Bể chứa nước PCCC được xây dựng chung với bể chứa nước ngầm cấp cho sinh hoạt.

Theo tính toán, lượng nước trung bình cấp cho hoạt động sinh hoạt khi Cơ sở đi vào hoạt động là 122,2m³/ngày đêm.

Lượng nước lớn nhất cấp cho hoạt động sinh hoạt khi Cơ sở đi vào hoạt động là 146,6m³/ngày đêm.

Lưu lượng nước thải sinh hoạt sẽ được tính bằng 100% lưu lượng nước cấp (theo quy định về xác định khối lượng nước thải tại Khoản a, Mục 1, Điều 39 của Nghị định 80/2014/NĐ-CP) như sau:

$$V_{NTSHtb} = 100\% \times Q_{\text{nước cấp}} = 122,2\text{m}^3/\text{ngày}.$$

$$V_{NTSHmax} = 100\% \times Q_{\text{nước cấp}} = 146,6\text{m}^3/\text{ngày}.$$

***) Nhu cầu sử dụng nước thực tế**

Theo hóa đơn tiền nước tháng 7,8,9 nhu cầu sử dụng nước của cả cơ sở như sau:

Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước theo hóa đơn tiền nước

TT	Tháng	Tổng tiêu thu (m3)
1	7/2022	1.595
2	8/2022	1.667
3	9/2022	1.582
	Trung bình tháng	1.615
	Trung bình ngày	54,8
	Lớn nhất ngày (K=1,4)	73,35

*) Vậy tổng lượng nước sử dụng khi Cơ sở theo thực tế là:

$$V_{NTSHtb} = 100\% \times Q_{\text{nước cấp}} = 54,8 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án “Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở”

$$V_{NTSHmax} = 100\% \times Q_{\text{nước cấp}} = 73,35\text{m}^3/\text{ngày}.$$

Cơ sở xây dựng hệ thống xử lý nước thải có công suất 110-150 m³/ngày.đêm vẫn đáp ứng được nhu cầu xử lý nước thải của cả Cơ sở.

*) Nhu cầu sử dụng nước theo báo cáo đánh giá tác động môi trường

Bảng 1.4. Tổng hợp lưu lượng nước thải sinh hoạt của dự án

TT	Công trình	Đơn vị	Nhu cầu sử dụng nước	Nhu cầu xả thải (100% nước sử dụng)
1	Công trình Trung tâm thương mại và văn phòng cho thuê HH1	m ³ /ngày	54,65	54,65
2	Công trình nhà ở liền kề	m ³ /ngày	38,4	38,4
3	Công trình nhà ở trên mảnh 2 và mảnh 3	m ³ /ngày	18,4	18,4
	Tổng	m³/ngày	111,45	111,45

Vậy, công suất hệ thống xử lý nước thải:

$$Q_{xl} = 111,45 \times 1,6 = 178,32 \text{ (m}^3/\text{ngày)}$$

Trong quá trình triển khai chủ dự án thấy việc nhân hệ số với 1,6 là không cần thiết và gây lãng phí nên đã xây dựng hệ thống khi nhân lượng nước thải phát sinh với hệ số K=1,2. Lượng nước thải cần xử lý tối đa là 150 m³/ngày.đêm.

*) Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở

- Nguồn cung cấp: Nhà máy lấy nguồn cấp điện của Công ty điện lực Long Biên.
- Mục đích: Hoạt động sinh hoạt của người dân.
- Nhu cầu sử dụng điện của dự án trung bình khoảng 20.000kWh /tháng.

Bảng 1.5. Hoá chất phục vụ hoạt động xử lý nước thải

TT	Loại hoá chất	Khối lượng kg/tháng	Xuất xứ	Vị trí bổ sung
1	Viên nén clo khử trùng	12	Việt Nam	Bể khử trùng
2	PAC	60	Việt Nam	Bể thiếu khí – tăng pH để ổn định vi sinh cho bể Anoxic

Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG (NẾU CÓ)

Sự phù hợp của địa điểm thực hiện Cơ sở với các quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

- Cơ sở “**Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở**” có địa điểm xây dựng tại: số 158 phố Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội nằm trong quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/07/2011.

- Cơ sở phù hợp theo quy hoạch phân khu đô thị N10 được duyệt tại Công văn số 3707/UBND-ĐT ngày 21/6/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy hoạch Cơ sở tại 158 Nguyễn Sơn (khu Ăng ten và Ao trứng), phường Bồ Đề, quận Long Biên.

2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG (NẾU CÓ)

➤ *Đối với nước thải*

Khi Cơ sở đi vào hoạt động, lượng nước xả thải trung bình là 122,2 m³/ngày đêm, lượng nước xả thải lớn nhất là 146,6 m³/ngày đêm. Toàn bộ nước thải phát sinh tại Cơ sở được thu gom và xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung của tòa nhà trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của phường Nguyễn Sơn, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Do vậy lưu lượng và chất lượng nước thải của Cơ sở phù hợp với nguồn tiếp nhận. Việc xả nước thải của Cơ sở không làm gia tăng nồng độ các chỉ tiêu trong nước tại hệ thống thoát nước chung của khu vực. Nước thải của Cơ sở không có khả năng gây tắc nghẽn dòng chảy cũng như không gây ảnh hưởng đến chế độ thủy văn dòng chảy của hệ thống thoát nước chung.

Vì nguồn tiếp nhận nước thải là cống thoát nước chung của Thành phố nên không thuộc đối tượng phải đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông hồ theo Thông tư 76/2017/TT-BTNMT và điều 82 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

➤ *Đối với khí thải*

Cơ sở không phát sinh khí thải

➤ *Đối với chất thải rắn*

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án “Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở”

Công ty đã xây dựng kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, khi đi vào hoạt động chủ Cơ sở sẽ ký hợp đồng thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn nguy hại với đơn vị có chức năng đề thu gom và xử lý như thế trong quá trình hoạt động việc phát sinh chất thải rắn sẽ không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh khu vực Cơ sở.

Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ

3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Các tuyến cống chính thu gom và thoát nước mưa, nước thải trên đường Nguyễn Sơn có tiết diện là D600 nằm dọc hè đường. Tuyến cống chính trên đường Nguyễn Văn Cừ có kích thước D800 - D1500 xây dựng ngầm dưới vỉa hè. Hướng thoát nước mưa của khu vực Cơ sở là thoát ra hệ thống cống trên đường Nguyễn Sơn sau đó chảy vào hệ thống cống ngầm trên đường Nguyễn Văn Cừ. Độ dốc đường cống thoát nước mưa thiết kế $i \geq 0,004$ đảm bảo thoát nước mưa tự chảy. Hạ tầng thoát nước mưa của khu vực Cơ sở nói riêng và khu vực phường Bồ Đề quận Long Biên nói chung hiện nay do Công ty TNHH Nhà nước một thành viên thoát nước Hà Nội quản lý.

3.1.1. Công trình thu gom, thoát nước và xử lý nước mưa

a) Thu gom thoát nước mưa khu nhà cao tầng

Nước mưa trên mái công trình được thu gom bằng các ống đứng D110 mm, nước mưa từ ban công được thu gom bằng đường ống nhánh D60mm, tập trung về đường ống trục chính D140, D160 và D200mm, sau đó dẫn vào hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà D600mm dài 1.200m và đấu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực (đường ống D600) dọc hè đường Nguyễn Sơn.



Cống thu nước mưa ngoài nhà khu cao tầng

*) Hệ thống thoát nước sàn tầng hầm: Tầng hầm 1 đặt các phễu thu sàn DN125 để thu nước, tầng hầm 2 đặt các hố thu nước, nước thoát sàn tầng hầm được thu về hố bơm đặt ở tầng hầm 2 bằng các ống thoát nước bằng D140 mm. Tại hố ga đặt bơm chìm tự động (1 hoạt động, 1 dự phòng) bơm lên hố ga thoát nước mưa ngoài nhà.



Cống thu nước mưa sàn tầng hầm khu nhà cao tầng

b) Thu gom và thoát nước mưa khu nhà thấp tầng

Nước mưa trên mái và ban công của mỗi căn hộ được thu gom bằng các ống đứng và ống nhánh D60 mm, tập trung về đường ống trục chính D110mm, sau đó dẫn vào hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà D800, D400, D600, B300, B400, sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực (đường ống D600) dọc hè đường Nguyễn Sơn. Khối lượng hệ thống thoát nước mưa hiện trạng của dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.1. Khối lượng hệ thống cống thu gom thoát nước mưa của Cơ sở

STT	Loại cống	Chiều dài	Vật liệu
1	D300	111,3	BTCT
2	D400	87,1	BTCT
3	D600	70,3	BTCT

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án “Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở”

4	D800	89,7	BTCT
5	B400	63,4	BTCT

Cơ sở thoát nước mưa ra hệ thống thu gom thoát nước mưa của thành phố trên đường Nguyễn Sơn tại hai điểm.

Tọa độ điểm xả nước mưa theo hệ tọa độ VN200 như sau:

+ X1: 2328295 ; Y1: 591198

+ X2: 2328278 ; Y2: 591243

3.1.2. Công trình thu gom, thoát nước và xử lý nước thải

1) Hệ thống thu gom nước thải của khu cao tầng

Hệ thống thoát nước cho công trình là hệ thống thoát nước riêng biệt bao gồm:

Nước thải của công trình chủ yếu là nước thải sinh hoạt, có nguồn gốc từ các khu nhà vệ sinh, bếp ăn. Thu gom nước thải từ những nguồn thải chính sau:

+ Nguồn 1: Nước thải từ các khu vệ sinh (nước chứa phân và nước tiểu) được thu gom bằng các ống nhánh D110 mm, đường ống trục D140, D160mm và dẫn tới bể tự hoại đặt ngầm dưới sàn tầng hầm 1 qua đường ống D200mm, sau xử lý sơ bộ nước thải được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống ngoài nhà D200mm.

+ Nguồn 2: Nước thải từ khu bếp nấu được thu gom riêng bằng ống nhánh D60, D90mm, đường ống trục D110 mm và tập trung về đường ống D160mm (dưới sàn tầng hầm 1), sau đó theo đường ống D200 ngoài nhà về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

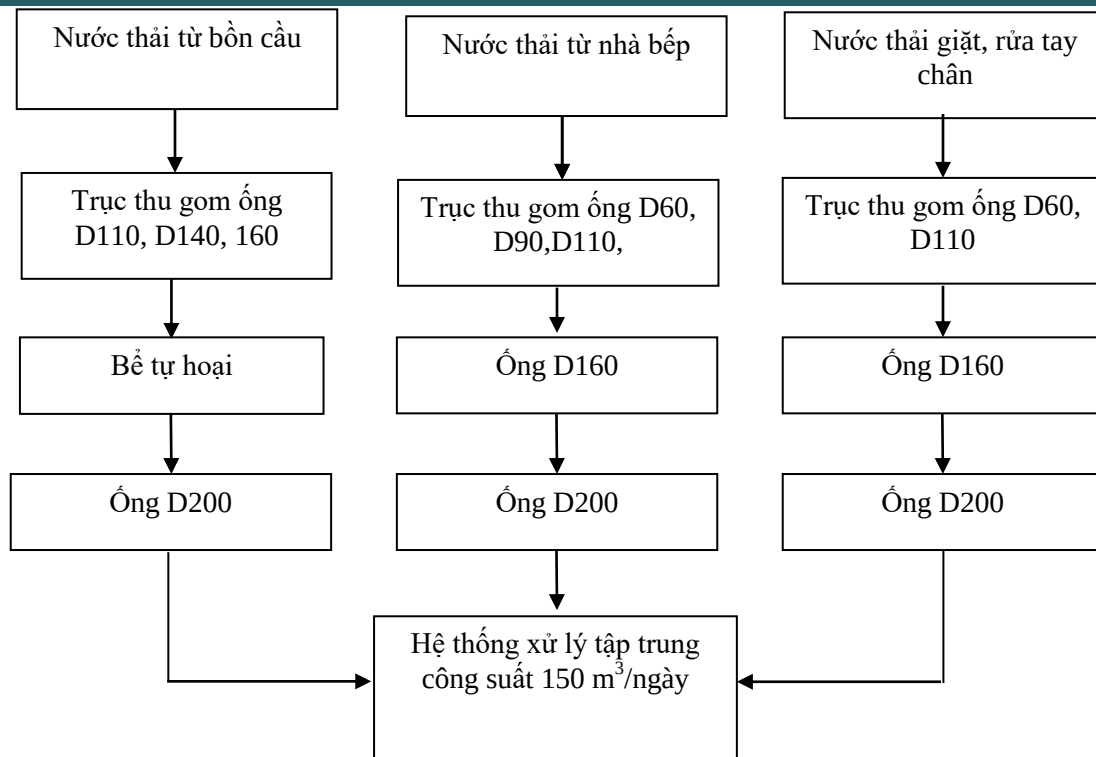
+ Nguồn 3: Nước thải từ khu giặt, nước rửa tay chân là được thu gom theo ống nhánh D60, D110 mm và tập trung về đường ống D140mm (dưới sàn tầng hầm 1), sau đó theo đường ống ngoài nhà D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung.



Hồ thu nước thải ngoài nhà trước khi vào hệ thống xử lý

Bảng 3.2. Khối lượng hệ thống thoát nước thải của Cơ sở

TT	Vật liệu – quy cách	Đơn vị	Số lượng
1	Ống D250-u.PVC	m	80
2	Ống D200- u.PVC	m	500
3	Ống D160- u.PVC	m	1.250
4	Ống D140- u.PVC	m	7.360
5	Ống D125- u.PVC	m	30
6	Ống D110- u.PVC	m	10.100
7	Ống D90- u.PVC	m	2.050
8	Ống D75- u.PVC	m	4.100
9	Ống D60- u.PVC	m	1.000
10	Ống D48- u.PVC	m	820
11	Ống D34- u.PVC	m	400



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom xử lý nước thải của tòa nhà

*) *Hệ thống thoát nước thải ngoài nhà*: Nước thải từ các công trình sau thu gom và xử lý sơ bộ sẽ theo đường cống thoát nước ngoài nhà D200, D250mm vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở (công suất 150m³/ngày) để xử lý trước khi thoát ra ngoài môi trường. Các hố ga thoát nước thải được bố trí với khoảng cách trung bình 30m, dùng kết cấu xây gạch, có nắp đan đảm bảo thuận tiện cho quản lý và đấu nối.



Hố ga đầu nối thoát nước thải của Cơ sở với hệ thống thoát nước của thành phố

2) Hệ thống thu gom nước thải của khu thấp tầng

Hệ thống thoát nước thải của từng căn hộ được phân bố như sau:

+ Nguồn 1: Nước thải từ các khu vệ sinh (nước chứa phân và nước tiểu) được thu gom bằng đường ống D110 mm và dẫn tới bể tự hoại đặt ngầm dưới sàn tầng 1 của mỗi căn hộ, sau xử lý sơ bộ nước thải được dẫn theo đường ống D110mm ngoài nhà về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở.

+ Nguồn 2: Nước thải từ khu bếp nấu được thu gom riêng bằng đường ống D110mm, sau đó đầu nối vào đường ống thoát nước thải ngoài nhà D110mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Nguồn 3: Nước thải từ khu giặt, nước rửa tay chân là được thu gom bằng đường ống D60, D90 và tập trung về đường ống D110mm (dưới sàn tầng 1), sau đó theo đường ống ngoài nhà D110mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

*) *Hệ thống thoát nước thải ngoài nhà*: Nước thải từ các căn hộ sau thu gom và xử lý sơ bộ sẽ theo đường ống ngoài nhà là hệ thống cống D200 dài 373,2m đặt trên vỉa hè của khu nhà thấp tầng. Nước thải sau đó được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung

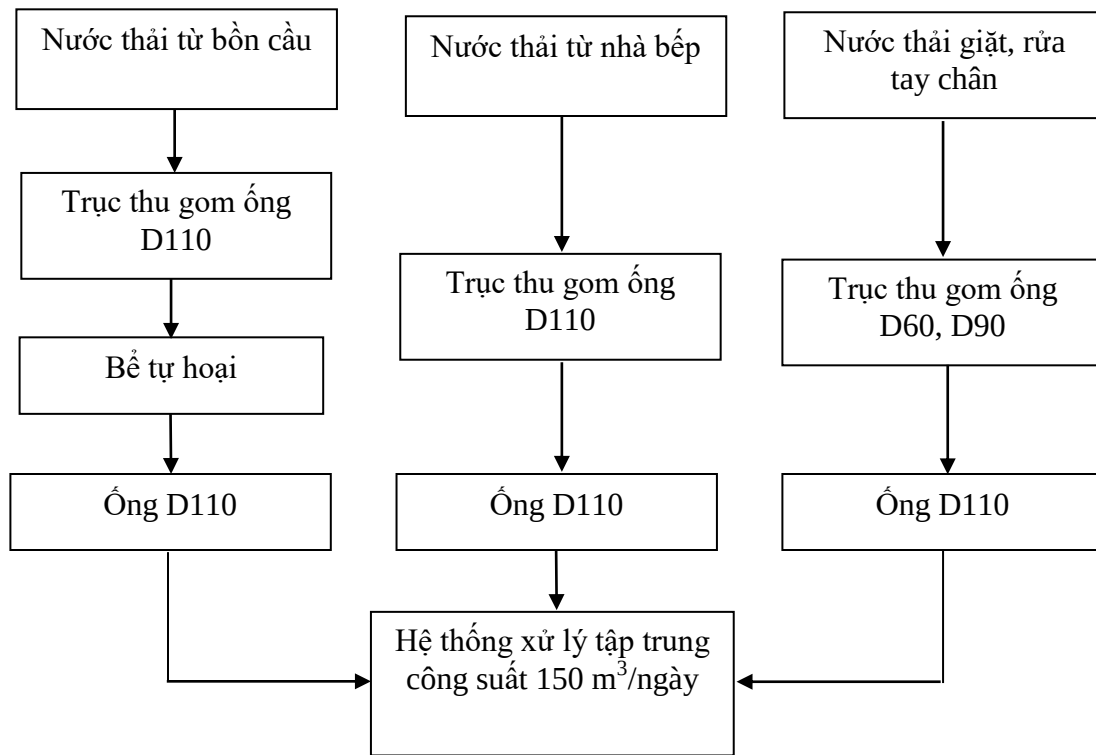
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án “Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở”

của Cơ sở (công suất 150m³/ngày) để xử lý của nước thải sinh hoạt của công trình cao tầng HH1 trước khi thoát ra ngoài môi trường. Các hố ga thoát nước thải được bố trí với khoảng cách trung bình 30m, dùng kết cấu xây gạch, có nắp đan.



Hố ga thu nước thải khu nhà thấp tầng

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở có công suất 150 m³/ngày với chức năng xử lý nước thải sinh hoạt của các công trình trên khu đất gồm: công trình Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở (HH1), công trình nhà ở liền kề (TT-01, TT-02, TT-03) của Cơ sở trên mảnh 1 và hai khu nhà thấp tầng trên mảnh 2 và mảnh 3. Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt cột B - QCVN 14:2008/BTNMT, được bơm cưỡng bức thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực bố trí dọc theo hè đường Nguyễn Sơn.



Hình 3.2. Sơ đồ thu gom xử lý nước thải khu nhà thấp tầng

Nước thải của cả dự án sau khi xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung sẽ được dẫn về hệ thống thoát nước chung của khu vực tại số 158 phố Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội tại vị trí (theo hệ tọa độ VN200):

X: 2327587; Y: 591208

3) Xử lý sơ bộ các loại nước thải trước khi vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung

- Nước thải phát sinh từ các bồn rửa và phễu thu nước sàn được đưa qua song chắn rác để loại bỏ các vật có kích thước lớn có khả năng gây tắc nghẽn đường ống trước khi chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải nhà bếp khu cao tầng được xử lý sơ bộ tại bể tách mỡ (bể tách mỡ là 1 phần của hệ thống xử lý nước thải tập trung) trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của tòa nhà trước khi thải ra môi trường.

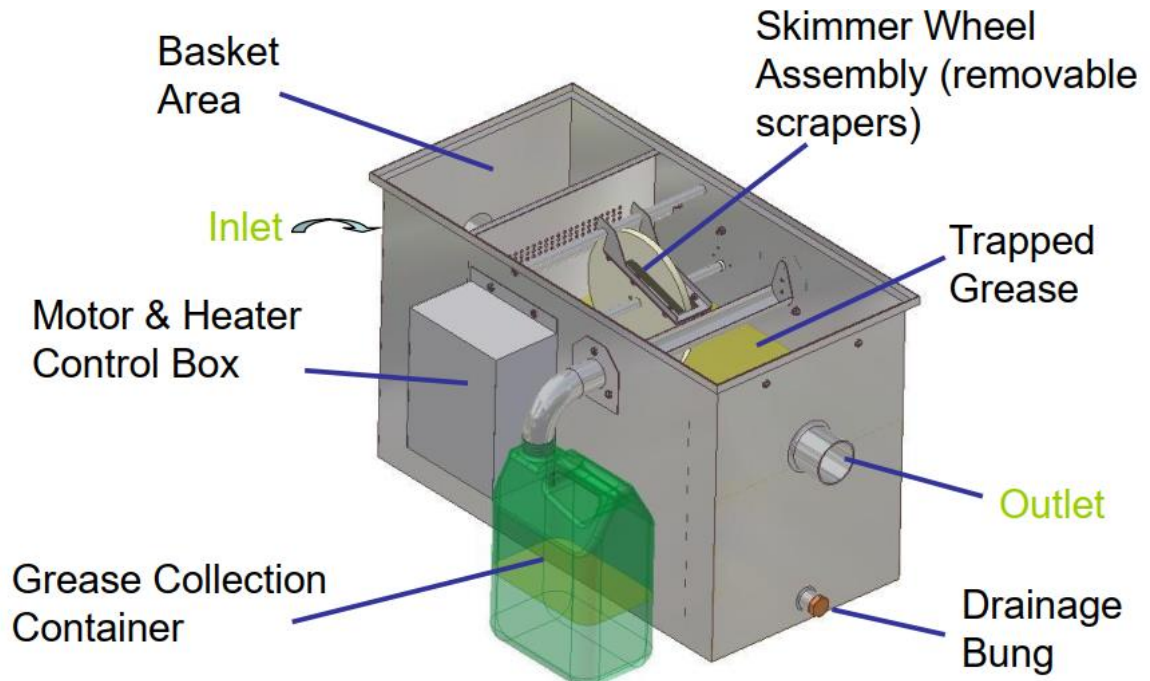
- Nước thải khu nhà liền kề thấp tầng được xử lý qua bể tự hoại ba ngăn có thể tích 4 m³/bể đặt ngầm phía dưới mỗi căn hộ, trước khi dẫn thoát ra hệ thống thu nước thải ngoài nhà dẫn thoát về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

- Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom đưa về bể tự hoại 111 m³ đặt ngầm bên ngoài tầng hầm tòa nhà để xử lý sơ bộ rồi được đưa vào hệ thống xử lý nước thải

trước khi xả thải ra môi trường

a1) Bể tách dầu mỡ:

- Nguyên lý hoạt động:



Hình 3.3. Sơ đồ xử lý nước thải bằng bể tách mỡ

Nước thải bếp từ nhà bếp của các căn hộ sẽ được thu gom về xử lý sơ bộ tại bể tách mỡ kết hợp với bể điều hòa nước thải (ngăn tách mỡ có thời gian lưu: $t=2-2,5h$). Kích thước bể là $96,75 m^3$ trước khi dẫn về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải chung.

+ Ngăn thứ nhất (loại bỏ cặn): loại bỏ cặn thải và thức ăn thừa, các tạp chất này sẽ được giữ lại trong giỏ tách rác.

+ Ngăn thứ 2: chất béo, dầu, mỡ với đặc tính nhẹ hơn nước sẽ nổi lên trên và nước nặng hơn sẽ ở dưới và xả ra ngoài.

+ Ngăn thứ 3: Dầu mỡ tại ngăn thu mỡ sẽ thu nhờ bộ bánh xe hút dầu mỡ. Dầu mỡ thu sẽ chảy vào can tự động.

Thời gian vận hành được cài đặt bằng thiết bị đo thời gian. Tùy theo tính chất của nguồn thải mà cân chỉnh thời gian hoạt động của bộ thu dầu.

a2) Xử lý sơ bộ nước thải bằng bể tự hoại ba ngăn

Cơ sở bố trí xây dựng 1 bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm bên ngoài tòa nhà cao tầng và bể 3 ngăn phía dưới mỗi căn hộ thấp tầng.

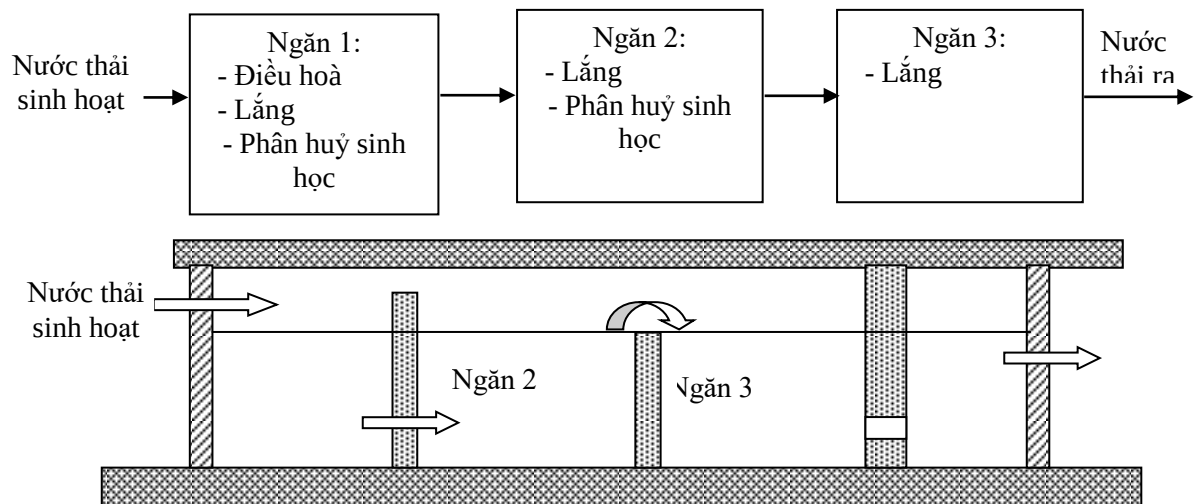
- Bể tự hoại 3 ngăn của khu nhà cao tầng có kích thước $6,0 \times 5,0 \times 3,7m$.

- Bể tự hoại 3 ngăn khu nhà thấp tầng với 48 bể tự hoại mỗi bể có kích thước $2,5 \times 1,6 \times 1m$.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các bể xí của khu vệ sinh tại cơ sở được thu gom và xử lý tại bể tự hoại ba ngăn.

Thuyết minh nguyên lý

Cặn lắng ở trong bể (chủ yếu là các Hydrocacbon, chất đạm, chất béo,...) dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí (chủ yếu là CH_4 , CO_2 , H_2S , NH_3 ...), một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Nước thải sau khi qua ngăn 01 sẽ tiếp tục qua các ngăn còn lại.



Hình 3.4. Sơ đồ xử lý nước thải bằng bể tự hoại ba ngăn

Khi nước chảy vào bể nó sẽ được làm sạch bởi hai quá trình là lắng cặn và lên men.

+ Lắng cặn: Quá trình lắng cặn trong bể có thể xem là quá trình lắng tĩnh, dưới tác dụng của trọng lực các hạt cặn lắng dần xuống đáy và nước đi ra sẽ là nước trong.

+ Lên men: Các cặn lắng rơi xuống đáy bể, các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy bởi vi sinh vật yếm khí, cặn lên men, mất mùi và giảm thể tích. Bùn cặn lên men sẽ định kỳ được chuyển đi bằng xe hút bể phốt chuyên dụng.

Bể tự hoại ba ngăn xử lý được các chỉ tiêu như BOD_5 , TSS, tổng Nitơ, tổng photpho, tổng Coliform, sunfua, nitrat,...Hiệu quả xử lý làm sạch của bể tự hoại đạt 60 – 65% chất hữu cơ, cặn lơ lửng và các vi sinh vật.



Bể tách dầu mỡ, bể tự hoại khu nhà cao tầng

4) Hệ thống xử lý nước thải

a) Lựa chọn công nghệ xử lý nước thải

Nước thải tại tòa nhà gồm hai nguồn chính sau:

- Nước thải nhà vệ sinh sau bể tự hoại.
- Nước thải nhà bếp.

Các thành phần ô nhiễm chính đặc trưng thường thấy là BOD₅ (nhu cầu ôxy sinh hóa), COD (nhu cầu ôxy hóa học), Nito, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), phốtpho và vi khuẩn mang mầm bệnh nguy hiểm.

Các tiêu chí để lựa chọn công nghệ

- Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải có nhiệm vụ xử lý toàn bộ lượng nước của Tòa nhà đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt).

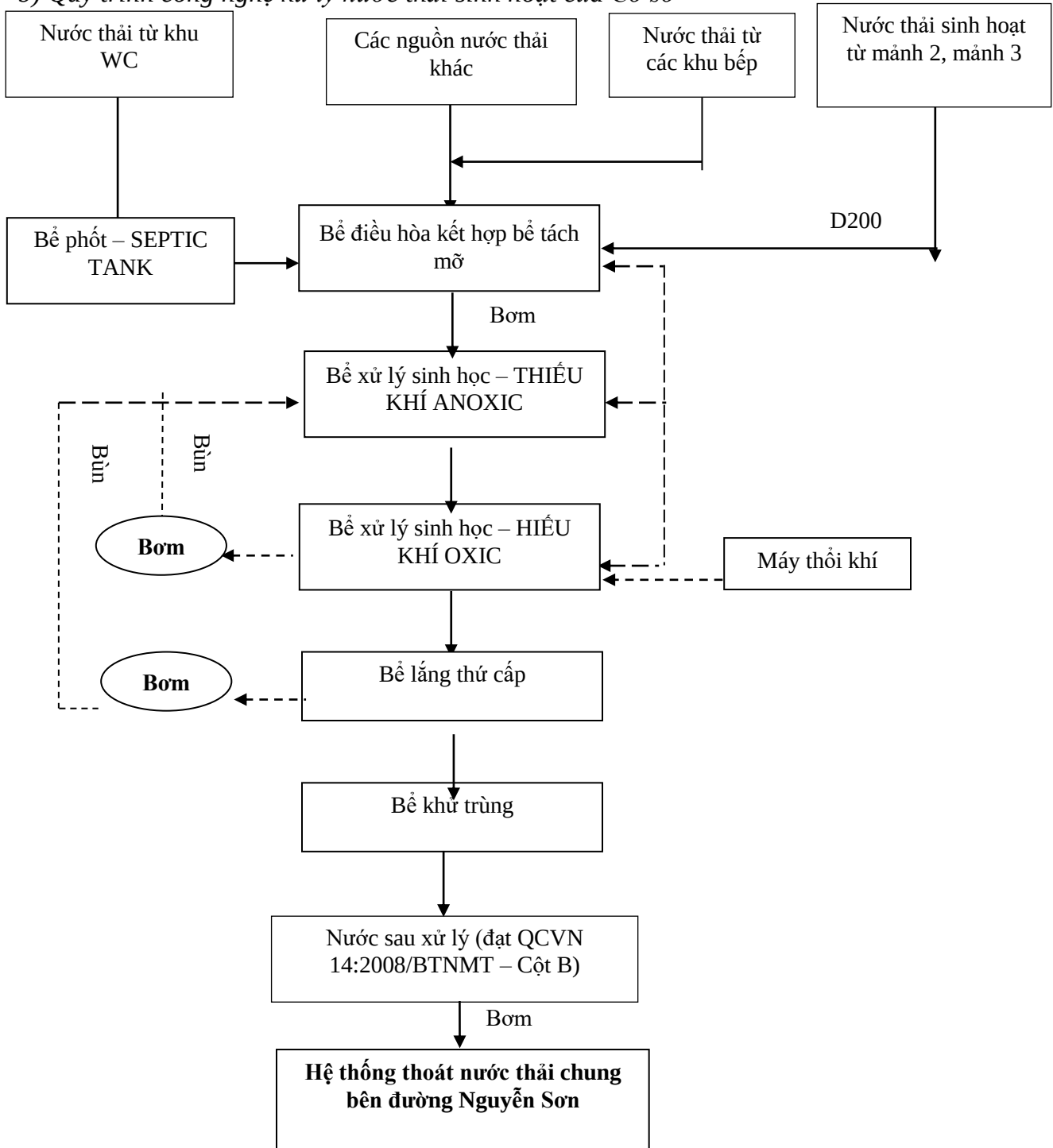
- Công nghệ ứng dụng phải tối ưu về mặt kinh tế, an toàn, dễ vận hành, dễ sửa chữa bảo dưỡng.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án “Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở”

- Diện tích xây dựng hợp lý, phù hợp với quy hoạch tổng thể của Tòa nhà.
- Không gây mùi khó chịu ảnh hưởng đến sinh hoạt.

Công suất của hệ thống xử lý nước thải tập trung của tòa nhà là 150 m³/ngày đêm.

b) Quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt của Cơ sở



Hình 3.5. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt của Cơ sở

c) Thuyết minh quy trình:

Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt của Cơ sở chủ yếu từ hoạt động vệ sinh, tắm rửa, nấu ăn của dân cư sinh sống tại đây và từ hoạt động vệ sinh của nhân viên khu vực trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê.

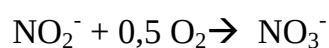
- Nước thải từ các nguồn WC của các hộ dân và của khu trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà bếp sau khi đi qua công đoạn xử lý cục bộ (bể phốt & bể tách mỡ) và dòng nước thải khác (tắm giặt, rửa tay chân...) được dẫn theo đường ống thoát nước thải D200 ngoài nhà về bể điều hoà kết hợp tách mỡ của hệ thống xử lý.

- Bể tách mỡ được lưu nước thải trong thời gian từ 2 – 2,5, sau đó nước thải chảy sang bể điều hoà. Mỡ được công nhân vệ sinh vớt hàng ngày bằng thủ công và thu gom, xử lý cùng rác thải sinh hoạt của khu vực. Bể điều hoà có tác dụng thu gom các dòng nước thải khác nhau để điều hoà lưu lượng, ổn định nồng độ & thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải trước khi sang bể xử lý sinh học. Trong bể điều hoà có lắp đặt hệ thống sục khí thô dưới đáy bể để đảo trộn các dòng nước thải với nhau.

- Nước thải từ bể điều hoà được bơm sang cụm bể xử lý sinh học. Trong cụm bể này áp dụng cả công đoạn xử lý thiếu khí và hiếu khí. Dưới đáy bể này có lắp hệ thống phân phối khí dạng bọt mịn nhằm mục đích cung cấp oxy cho quá trình phát triển của vi sinh vật qua đó làm tăng hiệu quả xử lý các chất hữu cơ hoà tan có trong nước thải. Đồng thời hệ thống sục khí đáy bể còn có chức năng là khuấy trộn đều nước thải với lượng bùn hoạt tính tuần hoàn về, ngoài ra còn nhằm tăng cường khả năng tiếp xúc giữa vi sinh vật với nước thải và nâng cao khả năng khuếch tán oxy.

+ Bể thiếu khí: Tại bể thiếu khí, các sinh vật hoạt động trong môi trường thiếu khí được cung cấp Oxy nhẹ nhằm phân hủy các hợp chất hữu cơ và quá trình Nitrat hoá trong điều kiện thiếu khí. Quá trình Nitrat hóa là quá trình oxy hóa các hợp chất chứa Nitơ, đầu tiên là Ammonia thành Nitrit sau đó oxy hóa Nitrit thành Nitrate. Quá trình Nitrat hóa ammonia diễn ra theo 2 bước liên quan đến 2 loại vi sinh vật tự dưỡng Nitrosomonas và Nitrobacter.

Bước 1: Ammonium được chuyển thành nitrite bởi loài Nitrosomonas, Nitrite được chuyển thành nitrate được thực hiện bởi loài Nitrobacte.



Bước 2: Quá trình khử Nitrat sẽ diễn ra theo phản ứng:

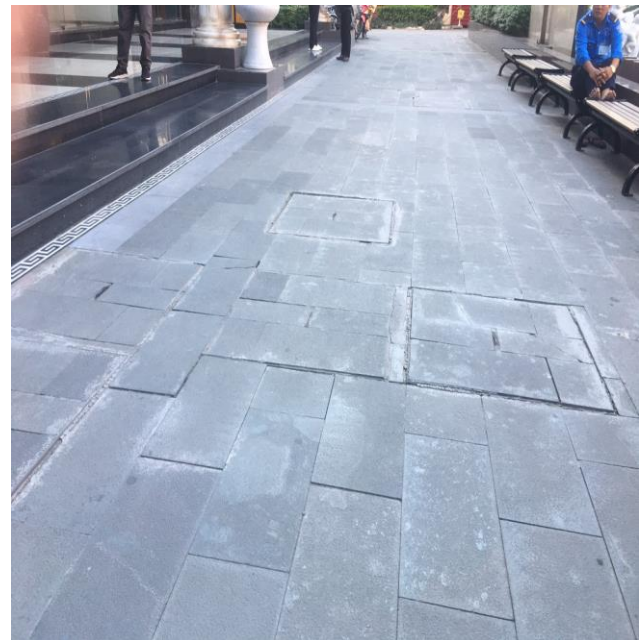


Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án “Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở”

+ Bể hiếu khí: Nước từ bể thiếu khí tự chảy sang bể hiếu khí. Bể hiếu khí có chức năng xử lý triệt để các chất hữu cơ, nitrat hóa amoni, loại bỏ một phần mầm bệnh trong nước thải. Tại ngăn xử lý hiếu khí, nhờ các chủng VSV hiếu khí có trong bùn hoạt tính cũng như lớp vi sinh vật dính bám trên lớp đệm vi sinh mà các chất ô nhiễm trong nước thải được làm sạch. Không khí được cung cấp bằng thiết bị máy thổi khí.

Quá trình này gồm 3 giai đoạn:

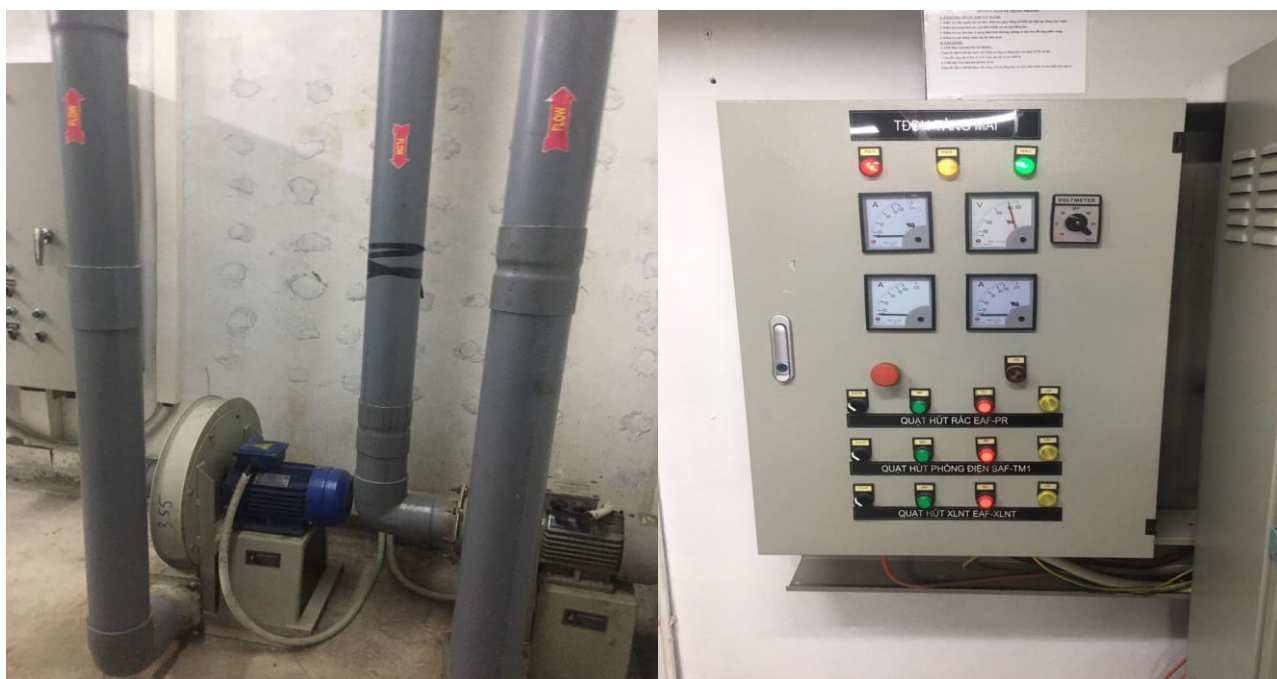
- Aerofil (trộn khí cưỡng bức) với cường độ cao bằng việc dùng không khí thổi cưỡng bức để hút và đẩy nước thải.
- Aeroten kết hợp với biofilter dòng xuôi có lớp đệm vi sinh bám ngập trong nước.
- Anaerobic dòng ngược với vi sinh lơ lửng.
- Nước sau xử lý sinh học được đưa sang bể lắng thứ cấp, tại bể này hỗn hợp bùn – nước được phân ly, bùn có trọng lượng lớn sẽ tự lắng xuống dưới, nước trong sẽ dâng lên phía trên đi sang ngăn chứa nước và khử trùng.
- Tại ngăn khử trùng, các vi sinh vật sẽ bị tiêu diệt, nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) được bơm ra nguồn tiếp nhận là đường cống thoát khu vực (đường ống D600) nằm dọc bên hè đường Nguyễn Sơn.
- Xử lý bùn: Phần bùn dư từ bể xử lý sinh học được bơm về bể xử lý sinh học để tiếp tục phân hủy kỵ khí làm giảm thể tích bùn và sau đó định kỳ được đơn vị chức năng hút mang đi xử lý.



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án “Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở”



Các bể của hệ thống xử lý





Quạt hút mùi của hệ thống xử lý nước thải





Máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý

d) Danh mục các thiết bị lắp đặt cho hệ thống xử lý

Bảng 3.3. Kích thước, kết cấu các hạng mục trong Hệ thống xử lý nước thải

TT	Hạng mục	Kích thước			Thể tích (m ³)
		Diện tích bể (m ²)	Chiều cao chứa nước (m)	Chiều cao bảo vệ (m)	
1	Bể tách mỡ kết hợp bể điều hòa nước thải (ngăn tách mỡ có gian lưu là: t = 2-2,5h)	22,5	4	0,3	96,75
2	Bể xử lý sinh học thiếu khí Anoxic	11,25	4	0,3	48,38
3	Bể xử lý sinh học hiếu khí oxic	28,8	4	0,3	123,84
4	Bể lắng thứ cấp	12	3,9	0,4	51,6
5	Bể khử trùng	3,75	3	0,7	11,25

Bảng 3.4. Danh mục các thiết bị lắp đặt cho hệ thống xử lý

TT	Thiết bị	Số lượng	Công suất	Tình trạng thiết bị
I	Bể tách mỡ kết hợp bể điều hòa nước thải			
1	Máy bơm nước thải (bơm chìm)	02 cái	Lưu lượng 8 - 10 m ³ /giờ, cột áp 8-10m, điện áp 380/3/50	Mới 100%
2	Hệ thống phân phối khí	01 HT	Kiểu đĩa, bột thô, lưu lượng khí 13 m ³ /h	Mới 100%
3	Máy thổi khí	02 cái	Cột áp H = 4,5m; Q = 2m ³ /phút	Mới 100%
4	Thiết bị tách dầu mỡ và váng	01 cái	Lưu lượng 3 – 5 m ³ /h, cột	Mới 100%

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án “Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở”

	nồi		áp 4m, vận hành bằng khí	
II	Cụm bể sinh học			
1	Hệ thống phân phối khí	1 HT	Kiểu đĩa, bột thô, lưu lượng khí 13 m ³ /h	Mới 100%
2	Máy khuấy chìm bể thiếu khí	01 cái	Công suất: 1,1kW	Mới 100%
3	Hệ thống phân phối khí loại khí mịn	1 HT	Kiểu đĩa, dạng bột mịn đặt cố định dưới đáy bể, lưu lượng 16m ³ /h, Vật liệu màng EPDM	Mới 100%
4	Đệm sinh học	01 lô	Loại nhựa, hình cầu tròn	Mới 100%
5	Bơm hồi lưu bùn từ bể hiếu khí về bể thiếu khí	02 cái	Lưu lượng 20-25 m ³ /h, cột áp 5m, công suất 1,5kW	Mới 100%
6	Máy thổi khí sinh học	02 cái	Lưu lượng 6m ³ /phút, cột áp 4mH ₂ O	Mới 100%
7	Bơm hồi lưu bùn và bơm bùn thải tại bể lắng	02 cái	Lưu lượng 3-5 m ³ /h, cột áp 8-10mH ₂ O, công suất 0,75kW	Mới 100%
8	Bơm định lượng hóa chất	01 cái	Lưu lượng 50 – 70 lít/h, cột áp 5-7 bar, công suất 0,37kW	Mới 100%
9	Bồn chứa và pha hóa chất khử trùng	1 HT	Dung tích chứa 1000 lít, vật liệu chế tạo PVC.	Mới 100%
10	Bơm nước sau xử lý ra nguồn tiếp nhận	02 cái	Lưu lượng 8-10 m ³ /h, cột áp 25-30mH ₂ O, công suất 1,5kW	Mới 100%
11	Tháp xử lý khí thải	01HT	Kích thước D1000xH2500 (mm), vật liệu composite/Inox 304	Mới 100%
12	Quạt hút khí thải	02 cái	Công suất P = 2,2kW-3,7kW, lưu lượng Q = 500-1000 m ³ /h	Mới 100%
13	Đường ống khí chính		Ống D80mm	Mới 100%
14	Đường ống khí nhánh các bể thiếu khí & hiếu khí		Ống D45mm	Mới 100%

3.2. Các công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Biện pháp xử lý khí thải nhà bếp

Trong quá trình nấu nướng khu bếp sẽ phát sinh ra mùi thức ăn, hơi dầu mỡ vì thế máy hút.

Nguyên tắc hoạt động của máy hút mùi: Khi bị thu vào hệ thống, không khí đi qua các bộ lọc để giữ lại dầu mỡ. Hệ thống sau đó sẽ hướng các khí thải ra khỏi bếp thông qua đường ống gắn trên tường hoặc trần nhà. Máy hút mùi nhà bếp sẽ được các hộ gia đình lắp tại khu bếp.

Bộ lọc của máy hút mùi được làm bằng than hoạt tính giúp giữ lại dầu mỡ và loại bỏ mùi trước khi khí thải thoát ra ngoài môi trường.

3.2.2. Biện pháp thông gió tầng hầm

Thông gió tầng hầm được thiết kế phù hợp với sắp xếp của bãi xe bao gồm các thiết bị:

- Hai quạt tốc độ đặt tại đầu cấp gió và hút thải có thể hoạt động hiệu quả tại nhiệt độ 300⁰aC trong 1h.

Ống gió, miệng gió kèm chỉnh lưu lượng

Hệ thống thông gió cấp cho tầng hầm được thiết kế theo tiêu chuẩn của Anh và công suất đạt 80% lưu lượng hút gió

Hệ thống gió cấp và hút được điều khiển bằng tay qua công tắc chuyển đổi khi cần thiết.



Hình 3.6. Hệ thống thông gió điều hòa

3.2.4. Biện pháp xử lý mùi và khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải

Các bể của hệ thống xử lý nước thải thông nhau qua lỗ thông hơi có kích thước 200x300 để gom khí phát sinh về bể lắng. Khí thải từ bể lắng sẽ được hút về hệ thống xử lý khí thải đặt tại nhà điều hành. Mùi và khí thải sau xử lý được dẫn thoát ra ngoài nhà.

*) Thuyết minh công nghệ

Thực tế cho thấy, các điểm phát sinh mùi trong hệ thống xử lý nước thải là: bể gom nước thải, bể điều hòa nước thải, bể xử lý sinh học. Thành phần khí ô nhiễm chủ yếu gồm: Sunfua (H₂S), Amoniac (NH₃),

Do vậy, nhiệm vụ đặt ra là phải xử lý triệt để các chất khí ô nhiễm này trước khi xả ra môi trường.

Tóm tắt công nghệ xử lý:

- Khí thải từ các bể xử lý -> quạt hút mùi -> ống khói.
- Công suất của hệ thống xử lý khí thải dựa vào công suất quạt hút khí thải là 400 m³/h

Giải pháp xử lý: Thiết kế hệ thống thu gom và hút khí thải từ các nguồn phát sinh trong hệ thống xử lý nước thải thông qua quạt hút tạo áp suất âm có công suất 400 m³/h.

3.3. Các công trình, biện pháp thu gom lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt: Tổng số lượng dân cư sinh sống, làm việc tại tòa nhà cao tầng và các khu nhà ở thấp tầng là 482 người. Theo QCVN 01:2008/BXD về Quy hoạch xây dựng thì mỗi người dân tại khu vực đô thị (*thành phố Hà Nội là đô thị đặc biệt*) hàng ngày thải ra lượng rác thải sinh hoạt trung bình là 1,3kg. Như vậy, khi Cơ sở đạt tỷ lệ lấp đầy 100% thì lượng rác thải phát sinh hàng ngày tối đa là 626,6 kg/ngày.

+ Chất thải rắn của khu thấp tầng: Các hộ dân sinh sống tại khu nhà thấp tầng sẽ tiến hành thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt của từng hộ dân. Tại mỗi hộ dân bố trí các thùng chứa rác bằng nhựa có dung tích 10-20 lít để thu gom, phân loại và giao cho Công ty môi trường đô thị quận Long Biên đến thu gom, vận chuyển. Ban quản lý Cơ sở sẽ đứng ra ký hợp đồng với Công ty môi trường đô thị quận Long Biên, hàng tháng các hộ dân sinh sống tại đây sẽ đóng phí thu gom và xử lý rác thải cho Ban quản lý Cơ sở khu nhà ở.

+ Thu gom chất thải rắn của khu nhà cao tầng:

- Chất thải rắn từ các khu thương mại, dịch vụ công cộng, văn phòng cho thuê: Lượng chất thải rắn phát sinh từ các khu vực này phát sinh phụ thuộc rất nhiều vào lượng khách đến mua sắm và làm việc. Thành phần chất thải rắn tại khu vực này chủ yếu là vỏ đồ hộp, thùng carton, lon bia, túi nilon... Tham khảo QCVN 33:2006/BXD và một số Cơ sở có quy mô tương tự, ước tính lượng chất thải này phát sinh chiếm khoảng 10% khối lượng rác thải sinh hoạt, tương ứng là 63 kg/ngày.

+ Đối với rác thải phát sinh từ khu vực thương mại dịch vụ và khu vực công cộng: Được thu gom vào các thùng chứa rác có dung tích từ 20–50lit đặt tại vị trí thích hợp (như sảnh, hành lang, cầu thang ...) và dọc các tuyến đường trong nội bộ khu đất.

+ Cụ ly đặt các thùng rác công cộng từ 200 – 300m/thùng.

- Chất thải rắn ở khu căn hộ cao tầng được thu gom vào 02 thùng rác đặt tại phòng thu rác của mỗi tầng có diện tích 2m². Chất thải cuối ngày sẽ được thu gom ra bãi tập kết

rác thải ngoài nhà có mái che có diện tích 20 m² để chờ đơn vị đem đi xử lý.

Khu vực thu rác thải sinh hoạt được lát nền bằng BTCT, mái che phủ bạt. Bố trí hệ thống đường công thu nước thải để dẫn thoát nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý nước rỉ rác trước khi nước thải được thoát ra môi trường.

- Chất thải rắn từ quá trình chăm sóc cây xanh, bồn hoa thảm cỏ: Thành phần bao gồm cành cây, hoa lá héo, cỏ úa,... chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy. Lượng rác thải này phát sinh không nhiều và không thường xuyên và sẽ được thu gom cùng với chất thải sinh hoạt của Cơ sở.



Hình 3.7. Phòng thu rác khu nhà cao tầng



Hình 3.7. Bãi tập kết rác thải tập trung của cơ sở

=> Toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh trong quá trình sinh hoạt của người dân, khu thương mại dịch vụ được Cơ sở ký hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường đô thị Gia Lâm – Hợp tác xã công nghiệp Long Biên thu gom và đem đi xử lý theo hợp đồng số (02-07/2021/HĐDV-MTĐTGL) (hợp đồng được đính kèm trong phụ lục)

- Tần suất thu gom vận chuyển là 1 lần/ngày từ 18h-19h.

- Bùn thải nạo vét từ hệ thống thu gom nước mưa, nước thải: Việc dự báo khối lượng phát sinh từ nguồn này chưa có định mức cụ thể vì phụ thuộc vào công nghệ xử lý cũng như công nghệ đường ống cống thu gom. Khối lượng bùn thải từ hệ thống thu gom nước mưa và nước thải trung bình 1.200kg/năm, tương đương 100kg/tháng. Khi Cơ sở đi vào hoạt động, chủ Cơ sở sẽ thường xuyên tiến hành nạo vét bùn thải từ hệ thống cống thu gom với tần suất 6 tháng/lần sau đó hợp đồng với Công ty môi trường đô thị quận Long Biên đến vận chuyển, xử lý. Không để ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường và tắc nghẽn dòng chảy của nước mưa, nước thải.

3.4. Các công trình, biện pháp thu gom lưu giữ chất thải nguy hại

Chủ Cơ sở sẽ thu gom, quản lý chất thải nguy hại theo quy định Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, ngày 17/11/2020.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án “Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở”

Chất thải nguy hại có thể phát sinh khi Cơ sở đi vào hoạt động với khối lượng không đáng kể. Do đặc thù của Cơ sở là xây dựng trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở nhà nên CTNH phát sinh chủ yếu trong hoạt động sinh hoạt của người dân bao gồm: Pin, ắc quy, các bóng đèn huỳnh quang hỏng, mực in thải, hộp mực in thải, dầu mỡ, giẻ lau dính dầu trong quá trình bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật.

Lượng chất thải nguy hại phát sinh khi Cơ sở đi vào hoạt động khoảng 41kg/năm < 1.200 kg/năm. Chủ Cơ sở sẽ tiến hành thu gom, phân loại vào 05 thùng chứa có nắp đậy riêng biệt kích thước 120l, dán nhãn và lưu trữ tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại tại kho chất thải nguy hại tại khu kỹ thuật bên ngoài của tòa nhà.

Bảng 3.5. Danh mục các loại CTNH phát sinh trong giai đoạn hoạt động

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu mỡ thải	Lỏng	8	15 01 07
2	Giẻ lau dính dầu	Rắn	05	18 02 01
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	10	16 01 06
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	10	19 06 01
5	Hộp mực in thải	Rắn	05	08 02 04
6	Mực in thải	Lỏng	03	08 02 01
	Tổng		41	

Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 8m² đặt tại khu kỹ thuật bên ngoài của tòa nhà. Kho chất thải nguy hại được xây dựng tường BTCT, nền BTCT, mái đổ bê tông. Kho chất thải nguy hại được lắp biển cảnh báo, cửa, nền bê tông chống thấm, gờ chắn, có mái che theo đúng quy định. Đơn vị đã ký hợp đồng thu gom chất thải rắn nguy hại với Công ty Cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC (hợp đồng số 10021/2022/HĐKT/ETC ngày 5/2/2022) (hợp đồng đính kèm trong phụ lục).

Tần suất thu gom: 12 tháng/lần.



Hình 3.7. Kho chất thải nguy hại của cơ sở

* Công tác xử lý chất thải nguy hại:

- Hợp đồng với Công ty có đủ năng lực vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.
- Thực hiện báo cáo định kỳ các cơ quan chức năng về hoạt động quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02:2022/TT-BTNMT.

3.5. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường

Cơ sở đã quy hoạch hệ thống cây xanh tại diện tích sân đường nội bộ. Cây xanh có tác dụng ngăn cản sự lan truyền tiếng ồn, giảm thiểu bụi phát tán ra môi trường xung quanh, đồng thời tăng tính mỹ quan và tạo môi trường không khí trong lành.

Ngoài ra, Chủ Cơ sở còn áp dụng một số biện pháp giảm thiểu tiếng ồn khác:

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị: Hệ thống thang máy, hệ thống điều hòa nhiệt độ...;
- Bố trí khu vực đỗ xe của nhân viên văn phòng và khách hàng hợp lý.
- Hạn chế sử dụng còi xe và quy định tốc độ xe lưu thông trong khu vực ($\leq 20\text{km/h}$).



Hình 3.7. Hệ thống cây xanh tại khu vực cơ sở

3.6. Phương pháp phòng ngừa ứng phó với sự cố môi trường

- *Sự cố kỹ thuật*: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị (thang máy, cấp nước, PCCC...) không để xảy ra các sự cố đáng tiếc. Khi mất điện, bố trí các biển báo tại cửa thang máy và hướng dẫn nhân viên đi lối thang bộ.

- *Sự cố cháy nổ*: Tại các khu vực dễ phát sinh cháy nổ của tòa nhà có bố trí các họng cứu hỏa gắn tường, các bình bột CO₂ cầm tay để kịp thời ứng phó sự cố. Ngoài ra, các đơn vị thuê văn phòng sẽ phải có kế hoạch tập huấn PCCC cho nhân viên của mình để biết cách ứng phó khi có sự cố xảy ra.

- *Ứng phó với sự cố ngập lụt*

+ Tích cực phòng ngừa và chủ động chuẩn bị các kế hoạch ứng phó, đầu tư các thiết bị, giải pháp thay thế luôn sẵn sàng để đối phó với sự cố ngập lụt vào mùa mưa và báo cáo kịp thời cho cơ quan chức năng nếu vấn đề vượt quá khả năng ứng phó của Chủ đầu tư;

+ Phối hợp và huy động tất cả nguồn lực để nâng cao hiệu quả của quá trình chuẩn bị và ứng phó với sự cố ngập lụt;

+ Thống nhất tiêu lệnh, phối hợp và hợp tác giữa các lực lượng, trang thiết bị, phương tiện tham gia khắc phục sự cố.

3.7. Công trình biện pháp bảo vệ môi trường khác

3.7.1. Biện pháp giảm thiểu ách tắc giao thông

Để hạn chế việc ách tắc giao thông tại 02 tầng hầm khi tập trung nhiều các phương tiện giao thông, Chủ Cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Vào các giờ cao điểm (sáng từ 6h tới 8h, chiều từ 17h tới 18h) bố trí bộ phận bảo vệ của khối tòa nhà (khoảng 2 - 3 người) chỉ dẫn phân luồng giao thông trong và cổng Cơ sở.

- Bố trí người sắp xếp xe trong các khu vực gửi xe.
- Bố trí biển chỉ dẫn hướng đi tới khu vực bãi đỗ xe, hạn chế việc ách tắc.
- Quy định tốc độ lưu thông trong khu vực Cơ sở khoảng 10 - 20km/h.

3.7.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới kinh tế - xã hội khu vực

Khi Cơ sở đi vào hoạt động, bên cạnh những tác động tích cực Cơ sở đem lại cũng có một số tác động tiêu cực kèm theo. Để giảm thiểu tác động tiêu cực của Cơ sở đến kinh tế xã hội khu vực, thực hiện các biện pháp như sau:

- Tăng cường công tác trị an trong Cơ sở
- Tăng cường cán bộ phân luồng, tổ chức giao thông khi mật độ giao thông ngày càng gia tăng.

3.7.3. Sự cố cháy nổ

***) Hệ thống thoát hiểm**

+ Hệ thống thông báo khẩn EWIS chia Tòa nhà ra theo nhiều vùng tùy thuộc vào thang thoát hiểm. Mỗi vùng có bộ khuếch đại và một số loa liên kết lại với nhau. Hệ thống có một số loa liên kết lại với nhau. Hệ thống có một mi-cro gắn tại ngõ vào của hệ thống EWIS và một mô-đun phát ra tín hiệu âm thanh thu sẵn (TGM) để báo động và phát tín hiệu báo động di tản khẩn cấp.

+ Sau khi tín hiệu báo động được phát ra lần thứ nhất đến một vùng di tản, tín hiệu ở ngõ ra phải gia tăng biên độ lên lần thứ hai thêm 50db và tăng thêm 10db mỗi lần cho đến khi đạt mức độ tối đa qua 06 lần.

+ Tín hiệu di tản sẽ có bốn âm phát liên tiếp theo bởi hai, ba tín hiệu thu sẵn bằng ngôn ngữ tiếng việt, anh, pháp và trung.

+ Hệ thống được lắp đặt cùng với một hệ thống pin tích hợp có thể cung cấp nguồn ngay cả trong trường hợp mất nguồn chính trong một khoảng thời gian tối thiểu theo quy định của địa phương. Hệ thống bao gồm các chức năng sau:

- Hệ thống PA đặt tại phòng an ninh với pin trong 2 giờ.
- Khu vực cầu thang sử dụng loa 6w gắn áp trần hoặc gắn tường.

- Khu vực văn phòng, thương mại, công cộng sử dụng loa âm trần 6W.
- Sảnh thang máy, hành lang mỗi tầng sử dụng loa âm trần 6W.
- Bên trong toilet công cộng 3W

3.7.4. Hệ thống phòng cháy chữa cháy

*) Hệ thống PCCC sẽ bao gồm:

- + Hệ thống báo cháy
- + Hệ thống chữa cháy (Đầu phun chữa cháy/ lăng phun và cuộn vòi chữa cháy, bình chữa cháy,...

*) Các hệ thống khác được kết nối hoặc điều khiển bởi hệ thống PCCC bao gồm:

- + Thông báo khẩn
- + Hệ thống cấp nguồn chính và máy phát điện dự phòng
- + Hệ thống chiếu sáng chỉ dẫn thoát nạn khẩn cấp
- + Hệ thống nối đất điện nhé. Điện thoại và data
- + Hệ thống chống sét
- + Hệ thống điều hòa không khí
- + Hệ thống thông gió cơ khí
- + Hệ thống cấp nước sinh hoạt
- + Hệ thống thoát nước sinh hoạt
- + Phân chia khu vực bảo vệ/ Chống cháy và đường thoát nạn khẩn cấp

*) Hệ thống chữa cháy

Hệ thống chữa cháy bao gồm chữa cháy tự động và chữa cháy cuộn vòi bằng tay, có các thiết bị chính sau:

+ Trạm bơm chữa cháy cho mỗi khu vực chức năng sẽ được lắp đặt 2 bơm turbine (một chạy một dự phòng) và 1 bơm bù áp để đảm bảo cấp nước ổn định và liên tục theo lưu lượng thiết kế đến các điểm của khu chức năng.

+ Bảng điều khiển chữa cháy đặt trong bơm

+ Bảng nước chữa cháy bố trí ở tầng hầm và tầng kỹ thuật

+ Các điểm cấp nước và chữa cháy bên ngoài (FDC) bao gồm 4 họng nối ●65mm cho phép kết nối với xe chữa cháy để cấp nước chữa cháy vào hệ thống bên trong tòa nhà.

+ Hai (2) tủ chữa cháy cuộn vòi ●50mm, chiều dài 20m, lưu lượng 2,5L/s (5.0 L/s cho bãi đỗ xe tầng hầm) sẽ được lắp tại mỗi tầng, cạnh thang thoát hiểm hoặc lắp trong thang thoát hiểm.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án “Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở”

+ 01 tủ chữa cháy ngoài nhà ●65mm, chiều già 30m, lưu lượng 10L/s được lắp tại tầng trệt, bên ngoài tòa nhà dành cho công an PCCC sử dụng và các khu vực bên ngoài được yêu cầu.

+ Hệ thống chữa cháy tự động bao gồm các đầu phun gắn trần và phun ngang hoạt động ở nhiệt độ 68⁰C lắp đặt cho các khu vực hành lang văn phòng tại mỗi tầng cùng với đầu phun chìm 68⁰C trong khu vực yêu cầu.

+ Hệ thống chữa cháy tự động bao gồm các đầu phun hoạt động ở nhiệt độ 68⁰C lắp đặt các khu vực hầm, BOH.



Hình 3.7. Thiết bị phòng cháy chữa cháy của cơ sở

***) Hệ thống báo cháy đặc biệt**

Hệ thống chữa cháy đặc biệt sẽ được thiết kế cho các khu vực sau:

- Bọt cho khu vực bồn chứa nhiên liệu (LPG, bồn dầu máy phát)
- FM-200/Novec 1230 hoặc CO2 cho các phòng kỹ thuật điện như phòng chính IT/

Phòng tủ điện chính và phòng máy phát.

- Hệ thống chữa cháy cho nhà Bếp

b) Sự cố khí gas:

Để hạn chế các tác động do rò rỉ khí gas, cháy nổ, các biện pháp sau sẽ được BQL Tòa nhà áp dụng:

- Thiết kế hệ thống thông gió và hệ thống thông gió sự cố tại công trình;
- Xây dựng bảng hướng dẫn về cách xử lý sự cố khi rò rỉ khí gas và phổ biến cho các hộ dân sinh sống trong Tòa nhà;
- Khuyến khích các hộ dân lắp đặt hệ thống cảnh báo rò rỉ khí gas;
- Sàng lọc, tuyển chọn các nhà cung cấp gas tin cậy, hướng dẫn người dân sử dụng gas của các cửa hàng đã được BQL Tòa nhà tuyển chọn.

c) Sự cố mất điện

Đối với khu vực Cơ sở, sự cố mất điện lưới là khá nghiêm trọng nếu không có nguồn điện dự phòng. Khi mất điện các hệ thống kỹ thuật cho tòa nhà (thang máy, cấp nước, thông gió, đèn chiếu sáng chung....) tạm ngừng hoạt động gây ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống dân cư.

Vì vậy, trong quá trình hoạt động, BQL Tòa nhà ở sẽ bố trí hệ thống máy phát điện dự phòng để đảm bảo hoạt động của các phụ tải hạ tầng kỹ thuật. Hệ thống máy phát điện tại công trình 500kVA (1 máy- tòa NO1), 1000kVA (2 máy Tòa NO4 và khu nhà trẻ, gara ngầm), 770 kVA (2 máy – NO2, NO3), máy phát điện được bố trí tầng hầm cùng với thiết bị chuyển mạch đổi nguồn điện tự động (ATS) loại đi kèm với máy phát điện.

c) Hệ thống chống sét

- Thực hiện thiết kế lắp đặt hệ thống cột thu sét chung cho toàn bộ khu vực Cơ sở với mật độ cột theo tiêu chuẩn quy định.

- Lắp đặt hệ thống cột thu sét dùng đầu thu sét phát xạ sớm TS2.18 đặt trên nóc của công trình, bán kính bảo vệ của đầu thu sét trùm lên toàn bộ phạm vi của công trình. Hệ thống nối đất gồm các cọc thép bọc đồng $\Phi 16$ có chiều dài 2,4m hàn nối với các thanh đồng có tiết diện 30x3 bằng phương pháp hàn đồng hoặc đinh tán. Hệ thống tiếp địa được chôn ở độ sâu 0,7m so với mặt đất. Hệ thống nối đất thiết kế đảm bảo điện trở nối đất nhỏ hơn hoặc bằng 10Ω .

d) An toàn điện

Mỗi khu vực cấp điện khác nhau đều được đặt hệ thống aptomat bảo vệ quá tải ngắn mạch tại các tủ điện: tủ điện tổng toàn nhà, tủ điện mỗi tầng, tủ điện phòng.

Hệ thống các aptomat này được tính chọn và bố trí một cách chọn lọc, phân cấp và khoa học. Bảo đảm loại trừ nhanh và chính xác khi có sự cố về điện xảy ra tại mỗi khu vực trong công trình. Hệ thống aptomat tại các khu vực như sau:

- Dòng cắt Aptomat tổng cho một nhánh tại tủ điện tổng là 44kA;
- Dòng cắt Aptomat tổng cho một nhánh tại tủ điện ưu tiên là 30kA;
- Dòng cắt ngắn mạch của Aptomat nhánh cấp điện cho các tầng 10kA.

Hệ thống nối đất: toàn bộ hệ thống tủ điện đều được nối đất an toàn qua hệ thống nối đất toà nhà gồm dây và cọc tiếp đất, đảm bảo điện trở tiếp đất $R \leq 4\Omega$.

Toàn bộ vỏ kim loại các tủ điện, thang cáp, vỏ động cơ bơm nước, thang máy, các ổ cắm ba châu và bình đun nước tại các căn hộ được nối đất để đảm bảo an toàn.

Trong thang cáp bố trí 01 cáp đồng trần 70mm² liên kết toàn bộ hệ thống nối đất an toàn với hệ thống cọc tiếp địa.

f) Biện pháp phòng ngừa sự cố dịch bệnh lây lan

Các biện pháp giảm thiểu lây lan dịch bệnh trong khu vực Cơ sở được chủ đầu tư áp dụng như sau:

- Phun thuốc diệt muỗi xung quanh khu nhà ở vào mùa dịch bệnh. Tổ chức thu gom rác và vận chuyển đi xử lý trong ngày, không để tồn đọng rác thải tại các vị trí tập kết rác. Đối với khu vực kinh doanh dịch vụ, thương mại, khu vực khuôn viên cây xanh, ... được Ban quản lý khu nhà ở yêu cầu thực hiện các nội quy sống, sinh hoạt tập thể sạch sẽ, bảo vệ tài sản, môi trường sống chung.

- Khi có dịch bệnh xảy ra tổ vệ sinh phải khử trùng môi trường xung quanh và yêu cầu các hộ gia đình tự vệ sinh trong gian nhà của từng hộ. Dịch bệnh lớn xảy ra ban quản lý khu nhà ở sẽ phối hợp với Trạm y tế phường Bồ Đề và Trung tâm y tế dự phòng quận Long Biên để có các biện pháp ngăn ngừa và dập dịch hiệu quả. Ngoài ra thường xuyên tuyên truyền mọi người sống ngăn nắp vệ sinh khi có dịch bệnh cần được thông báo và cách ly sớm.

g) Biện pháp chống úng ngập khi mùa mưa

Vào mùa mưa, khi các trận mưa lớn kéo dài không thể tránh khỏi sự cố ngập nước tại khu vực tầng hầm xảy ra. Vì vậy, chủ đầu tư sẽ áp dụng các biện pháp sau khi có sự cố xảy ra:

- Bố trí 02 máy bơm công suất $25\text{m}^3/\text{h}$ đặt tại tầng hầm của tòa nhà để bơm nước từ tầng hầm ra hệ thống thoát nước mưa bên ngoài (01 máy bơm chạy, 01 máy bơm dự phòng).

- Thường xuyên theo dõi chương trình dự báo thời tiết để nắm bắt tình hình mưa lũ bậc biệt là vào mùa mưa bão.

- Định kỳ kiểm tra và khơi thông cống rãnh để giảm thiểu việc tắc nghẽn, ú đọng nước do rác thải gây ra.

h) Phòng chống sự cố từ hệ thống xử lý nước thải

Yêu cầu tổ vệ sinh môi trường của tòa nhà thường xuyên kiểm tra hiện trạng đường cống gom nước thải. Nếu có hiện tượng cống bị đập vỡ, tắc nghẽn phải báo cáo ngay với Ban quản lý khu nhà ở để có biện pháp khắc phục kịp thời.

Để hạn chế sự cố tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung, Chủ đầu tư thực hiện các biện pháp sau:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Bố trí cán bộ chuyên ngành môi trường thường trực tại khách sạn để giám sát các công trình bảo vệ môi trường (hệ thống xử lý nước thải, PCCC ...).

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án “Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở”

- Lập hồ sơ nhật ký vận hành để theo dõi diễn biến quá trình vận hành của các hệ thống xử lý nước thải, dự báo kịp thời các sự cố có thể xảy ra.
- Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị.
- Trang bị thiết bị dự phòng đối với các thiết bị máy móc có nguy cơ hỏng cao như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí và các thiết bị chuyển động khác,... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.
- Quan trắc chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống thường xuyên để kiểm tra hiệu quả hoạt động của các hệ thống.
- Trong trường hợp hệ thống thu gom nước thải gặp sự cố đập vỡ, tắc nghẽn nước thải không tiêu thoát được khi đó Ban quản lý khu nhà ở sẽ liên hệ ngay với các đơn vị sửa chữa để khắc phục kịp thời trong 24h. Không để nước thải tràn lên mặt đường gây ảnh hưởng đến mỹ quan khu vực. Trường hợp không sửa chữa kịp thời sẽ báo cáo với chính quyền phường Bồ Đề và các cơ quan có liên quan để theo dõi và cam kết khắc phục trong thời gian sớm nhất.
- Từ khi dự án đi vào hoạt động chưa có sự cố về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Bảng 3.6. Những thay đổi các hạng mục công trình giữa báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt với thực tế

STT	Báo cáo ĐTM	Thực tế	Ghi chú
1	Lượng nước sử dụng theo tính toán của báo cáo trung bình là 111 m ³ /ngày.đêm, lớn nhất là 180 m ³ /ngày.đêm (hệ số 1,6)	Lượng nước sử dụng theo tính toán thực tế trung bình là 122,2 m ³ /ngày.đêm, lớn nhất là 146,6 m ³ /ngày.đêm (hệ số 1,2) Lượng nước theo hóa đơn tiền nước trung bình là 54,8 m ³ /ngày.đêm, lớn nhất là 73,73 m ³ /ngày.đêm (tỉ lệ lấp đầy trung bình là 80%)	Việc sử dụng hệ số 1,6 là không hợp lý so với tình hình hoạt động của cơ sở. Nếu xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo hệ số này sẽ gây ra sự lãng phí về tiền bạc cho nhà đầu tư
2	Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 180 m ³ /ngày.đêm	Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 110-150 m ³ /ngày.đêm. Công suất xử lý lớn nhất là 150 m ³ /ngày.đêm	Việc đầu tư hệ thống xử lý nước thải phù hợp với thực tế của cơ sở, tránh gây lãng phí
3	Rác thải sinh hoạt của khu nhà cao tầng được thu gom bằng ống thu rác	- Chất thải rắn ở khu căn hộ cao tầng được thu gom vào 02 thùng rác đặt tại phòng thu rác của mỗi tầng có diện tích 2m ² . Chất thải cuối ngày sẽ được thu gom ra bãi	Việc thu gom rác thải bằng ống thu rác dễ gây ra hiện tượng cháy nổ không đáng có, mất an toàn và mất vệ sinh.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án “Trung tâm thương mại, văn phòng
cho thuê và nhà ở”**

	tập kết rác thải ngoài nhà có mái che có diện tích 20 m ² để chờ đơn vị đem đi xử lý.	
--	--	--

3.9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

Dự án không thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

Chương IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải tại cơ sở chỉ có nước thải sinh hoạt gồm hai nguồn chính sau:

- Nước thải nhà vệ sinh sau bể phốt, nhà bếp của khu nhà cao tầng
- Nước thải nhà bếp, nhà vệ sinh của công trình nhà ở liền kề
- Nước thải nhà bếp, nhà vệ sinh của công trình nhà ở thấp tầng

Bảng 4.1. Tổng hợp lưu lượng nước thải sinh hoạt của cơ sở

TT	Công trình	Đơn vị	Nhu cầu sử dụng nước trung bình	Nhu cầu xả thải trung bình (100% nước sử dụng trung bình)	Nhu cầu sử dụng nước lớn nhất (k=1,2)	Nhu cầu xả thải lớn nhất (100% nước sử dụng lớn nhất)
1	Công trình Trung tâm thương mại và văn phòng cho thuê HH1	m ³ /ngày	54,65	54,65	65,58	65,58
2	Công trình nhà ở liền kề	m ³ /ngày	38,4	38,4	46,08	46,08
3	Công trình nhà ở trên mảnh 2 và mảnh 3	m ³ /ngày	18,4	18,4	22,08	22,08
	Tổng	m³/ngày	111,45	111,45	133,74	133,74

Các thành phần ô nhiễm chính đặc trưng thường thấy là BOD₅ (nhu cầu ôxy sinh hóa), COD (nhu cầu ôxy hóa học), Nito, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), photpho và vi khuẩn mang mầm bệnh nguy hiểm.

4.1.2. Lưu lượng xả nước thải

Theo tính toán, lượng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt khi Cơ sở đi vào hoạt động là 146,6 m³/ngày đêm. Lưu lượng nước thải sinh hoạt sẽ được tính bằng 100% lưu lượng nước cấp (theo quy định về xác định khối lượng nước thải tại Khoản a, Mục 1, Điều 39 của Nghị định 80/2014/NĐ-CP) như sau:

- Nhu cầu xả nước thải sinh hoạt trung bình đạt: 122,2 m³/ngày đêm.
- Nhu cầu xả nước thải sinh hoạt lớn nhất đạt: 146,6 m³/ngày đêm.

Cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải có công suất lớn nhất là 150 m³/ngày.đêm nên chủ Cơ sở xin lượng nước xả thải lớn nhất là 150 m³/ngày.đêm.

4.1.3. Dòng nước thải

Nước thải xin cấp phép là nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải 150m³/ngày.đêm.

Hệ thống xử lý nước thải được xây dựng ngầm tại tầng hầm 2 của Tòa nhà.

4.1.4. Chất lượng nước thải

Thông số và giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt không vượt quá Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT tại cột B với $K = 1$

+ K là hệ số tính tới quy mô, loại hình cơ sở dịch vụ, cơ sở công cộng và chung cư. - Áp dụng cho cơ sở sản xuất trên 500 người.

- Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT tại cột B với $K = 1$

Bảng 4.2. Thông số và giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép
1	pH	-	5 - 9
2	BOD5	mg/l	50
3	TSS	mg/l	100
4	TDS	mg/l	1000
5	Sunfua	mg/l	4.0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

4.1.5.1. Hệ thống dẫn nước thải sau xử lý ra đến nguồn nước tiếp nhận

Nước thải sinh hoạt sau xử lý của cơ sở tự chảy ra hệ thống thoát nước chung của phường Bồ Đề bằng đường ống nhựa HDPE D90.

4.1.5.2. Mô tả công trình của xả nước thải

Cơ sở có 01 cửa xả nước thải là đường ống BTCT BxH = 1,0 x 0,8.

4.1.5.3. Chế độ xả nước thải

- Chu kỳ xả thải: Liên Tục

- Thời gian xả thải là 24/24.

4.1.5.4. Phương thức xả nước thải

Phương thức xả nước thải: tự chảy

4.1.5.5. Vị trí xả thải

- Tọa độ vị trí xả thải (Tọa độ xác định bằng máy GPS cầm tay theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trục 105^0 , Múi chiều 3^0):

- Vị trí xả thải: X: 2 327 587 Y: 591 208;

4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 1: Khí thải từ các ngăn điều hoà, ngăn yếm khí, ngăn hiếu khí, ngăn khử trùng của hệ thống xử lý mùi, khí thải của trạm xử lý nước thải tập trung đặt ngầm phía dưới bên ngoài tòa nhà công suất tối đa của hệ thống xử lý là $150 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

- Nguồn số 1: Khí thải từ máy phát điện.

4.2.2. Dòng khí thải, vị trí xả thải:

+ Nguồn số 1:

- Lưu lượng xả lớn nhất: $400 \text{ m}^3/\text{h}$.

- Vị trí xả thải: đường ống dẫn mùi, khí thải cao 0,7 m bố trí tại tầng mái của tòa nhà nhà cao tầng. Tọa độ điểm xả: X = 2328266; Y= 591237

- Phương thức xả thải: liên tục

+ Nguồn số 2:

- Lưu lượng xả lớn nhất: Không xác định

- Vị trí xả thải: Tọa độ điểm xả: X = 2 328240 ; Y= 591244

4.2.3. Các chất ô nhiễm và giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Bảng 4.3. Các chất ô nhiễm và giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT	
			C	$C_{\max} (K_p = 1; K_v = 0,8)$
1	Lưu lượng	m^3/h	2.000	2000
2	CO	mg/Nm^3	1000	800
3	SO ₂	mg/Nm^3	500	400
4	NO _x	mg/Nm^3	850	680
5	Amoniac và hợp chất amoni	mg/Nm^3	50	40
6	H ₂ S	mg/Nm^3	7,5	6

Ghi chú:

- QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô.

- Lý do lựa chọn K_p , K_v :

+ Lưu lượng nguồn thải $P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$, lựa chọn $K_p = 1$.

+ Hệ số vùng, khu vực: Khu vực thực hiện dự án thuộc quận Long Biên, lựa chọn hệ số $K_v = 0,8$.

4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- + Hoạt động của máy thổi khí tại khu vực hệ thống xử lý nước thải;
- + Hoạt động của máy phát điện dự phòng.
- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Bảng 4.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Thông số	QCVN 26:2010/BTNMT	QCVN 27:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn	70 dBA	-
2	Độ rung	-	75dB

4.4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Cơ sở không có dịch vụ xử lý chất thải nguy hại

4.5. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI CHẤT THẢI VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

4.5.1. Quản lý chất thải

a) Chất thải sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt: Tổng số lượng dân cư sinh sống, làm việc tại tòa nhà cao tầng và các khu nhà ở thấp tầng là 482 người. Theo QCVN 01:2008/BXD về Quy hoạch xây dựng thì mỗi người dân tại khu vực đô thị (*thành phố Hà Nội là đô thị đặc biệt*) hàng ngày thải ra lượng rác thải sinh hoạt trung bình là 1,3kg. Như vậy, khi Cơ sở đi vào hoạt động thì lượng rác thải phát sinh hàng ngày là 626,6 kg/ngày.

+ Chất thải rắn của khu thấp tầng: Các hộ dân sinh sống tại khu nhà thấp tầng sẽ tiến hành thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt của từng hộ dân. Tại mỗi hộ dân bố trí các thùng chứa rác bằng nhựa có dung tích 10-20 lít để thu gom, phân loại và giao cho Công ty môi trường đô thị quận Long Biên đến thu gom, vận chuyển. Ban quản lý Cơ sở sẽ đứng ra ký hợp đồng với Công ty môi trường đô thị quận Long Biên, hàng tháng các hộ dân sinh sống tại đây sẽ đóng phí thu gom và xử lý rác thải cho Ban quản lý Cơ sở khu nhà ở.

+ Thu gom chất thải rắn của khu nhà cao tầng:

- Chất thải rắn từ các khu thương mại, dịch vụ công cộng, văn phòng cho thuê: Lượng chất thải rắn phát sinh từ các khu vực này phát sinh phụ thuộc rất nhiều vào lượng

khách đến mua sắm và làm việc. Thành phần chất thải rắn tại khu vực này chủ yếu là vỏ đồ hộp, thùng carton, lon bia, túi nilon... Tham khảo QCXD 33:2006/BXD và một số Cơ sở có quy mô tương tự, ước tính lượng chất thải này phát sinh chiếm khoảng 10% khối lượng rác thải sinh hoạt, tương ứng là 63 kg/ngày.

+ Đối với rác thải phát sinh từ khu vực thương mại dịch vụ và khu vực công cộng: Được thu gom vào các thùng chứa rác có dung tích từ 20–50lit đặt tại vị trí thích hợp (như sảnh, hành lang, cầu thang ...) và dọc các tuyến đường trong nội bộ khu đất.

+ Cụ ly đặt các thùng rác công cộng từ 200 – 300m/thùng.

- Chất thải rắn từ quá trình chăm sóc cây xanh, bồn hoa thảm cỏ: Thành phần bao gồm cành cây, hoa lá héo, cỏ úa,... chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy. Lượng rác thải này phát sinh không nhiều và không thường xuyên và sẽ được thu gom cùng với chất thải sinh hoạt của Cơ sở.

=> Toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh trong quá trình sinh hoạt của người dân, khu thương mại dịch vụ được Cơ sở ký hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường đô thị Gia Lâm – Hợp tác xã công nghiệp Long Biên thu gom và đem đi xử lý theo hợp đồng số (02-07/2021/HĐDV-MTĐTGL) (hợp đồng được đính kèm trong phụ lục)

- Tần suất thu gom vận chuyển là 1 lần/ngày từ 18h-19h.

- Bùn thải nạo vét từ hệ thống thu gom nước mưa, nước thải: Việc dự báo khối lượng phát sinh từ nguồn này chưa có định mức cụ thể vì phụ thuộc vào công nghệ xử lý cũng như công nghệ đường ống cống thu gom. Tham khảo một số Cơ sở có quy mô và công nghệ xử lý nước thải tương tự, khối lượng bùn thải từ hệ thống thu gom nước mưa và nước thải trung bình 1.200kg/năm, tương đương 100kg/tháng. Khi Cơ sở đi vào hoạt động, chủ Cơ sở sẽ thường xuyên tiến hành nạo vét bùn thải từ hệ thống cống thu gom với tần suất 6 tháng/lần sau đó hợp đồng với Công ty môi trường đô thị quận Long Biên đến vận chuyển, xử lý. Không để ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường và tắc nghẽn dòng chảy của nước mưa, nước thải.

b) Chất thải nguy hại

Chủ Cơ sở sẽ thu gom, quản lý chất thải nguy hại theo quy định Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, ngày 17/11/2020.

Chất thải nguy hại có thể phát sinh khi Cơ sở đi vào hoạt động với khối lượng không đáng kể. Do đặc thù của Cơ sở là xây dựng trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở nhà nên CTNH phát sinh chủ yếu trong hoạt động sinh hoạt của người dân bao gồm: Pin, ắc quy, các bóng đèn huỳnh quang hỏng, mực in thải, hộp mực in thải, dầu mỡ, giẻ lau dính dầu trong quá trình bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật.

Lượng chất thải nguy hại phát sinh khi Cơ sở đi vào hoạt động khoảng 41kg/năm < 1.200 kg/năm. Chủ Cơ sở sẽ tiến hành thu gom, phân loại vào 05 thùng chứa có nắp đậy riêng biệt kích thước 120l, dán nhãn và lưu trữ tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại tại kho chất thải nguy hại tại tầng hầm của tòa nhà.

Bảng 4.5. Danh mục các loại CTNH phát sinh trong giai đoạn hoạt động

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu mỡ thải	Lỏng	8	15 01 07
2	Giẻ lau dính dầu	Rắn	05	18 02 01
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	10	16 01 06
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	10	19 06 01
5	Hộp mực in thải	Rắn	05	08 02 04
6	Mực in thải	Lỏng	03	08 02 01
	Tổng		41	

Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 12m² đặt tại tầng hầm 2 của tòa nhà. Kho chất thải nguy hại được lắp biển cảnh báo, cửa, nền bê tông chống thấm, gờ chắn, có mái che theo đúng quy định. Đơn vị đã ký hợp đồng thu gom chất thải rắn nguy hại với Công ty Cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC (hợp đồng số 10021/2022/HĐKT/ETC ngày 5/2/2022) (hợp đồng đính kèm trong phụ lục).

Tần suất thu gom: 12 tháng/lần.

4.5.2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

**) Sự cố từ hệ thống xử lý nước thải:*

Yêu cầu tổ vệ sinh môi trường của tòa nhà thường xuyên kiểm tra hiện trạng đường cống gom nước thải. Nếu có hiện tượng cống bị đập vỡ, tắc nghẽn phải báo cáo ngay với Ban quản lý khu nhà ở để có biện pháp khắc phục kịp thời.

Để hạn chế sự cố tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung, Chủ đầu tư thực hiện các biện pháp sau:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Bố trí cán bộ chuyên ngành môi trường thường trực tại khách sạn để giám sát các công trình bảo vệ môi trường (hệ thống xử lý nước thải, PCCC ...).

- Lập hồ sơ nhật ký vận hành để theo dõi diễn biến quá trình vận hành của các hệ thống xử lý nước thải, dự báo kịp thời các sự cố có thể xảy ra.

- Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị.

- Trang bị thiết bị dự phòng đối với các thiết bị máy móc có nguy cơ hỏng cao như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí và các thiết bị chuyển động khác,... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Quan trắc chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống thường xuyên để kiểm tra hiệu quả hoạt động của các hệ thống.

- Trong trường hợp hệ thống thu gom nước thải gặp sự cố đập vỡ, tắc nghẽn nước thải không tiêu thoát được khi đó Ban quản lý khu nhà ở sẽ liên hệ ngay với các đơn vị sửa chữa để khắc phục kịp thời trong 24h. Không để nước thải tràn lên mặt đường gây ảnh hưởng đến mỹ quan khu vực. Trường hợp không sửa chữa kịp thời sẽ báo cáo với chính quyền phường Bồ Đề và các cơ quan có liên quan để theo dõi và cam kết khắc phục trong thời gian sớm nhất.

Chương V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Công ty đã thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải trong 02 năm từ 2020 -2021.

Kết quả quan trắc được đính kèm phụ lục báo cáo.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.

Công ty đã thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi và khí thải trong 02 năm từ 2020 -2021.

Kết quả quan trắc được đính kèm phụ lục báo cáo.

Chương VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ
6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ

Cơ sở đi vào hoạt động từ tháng 6/2020 đến hết tháng 3/2022 tình hình dịch bệnh diễn ra phức tạp và do thiếu hiểu biết về pháp luật trong bảo vệ môi trường bảo vệ môi trường nên đã cho dự án đi vào hoạt động luôn mà chưa tiến hành các thủ tục xin vận hành thử nghiệm.

Trong phạm vi báo cáo xin cấp giấy phép môi trường chủ cơ sở xin được vận hành thử nghiệm lại hệ thống.

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 6.1. Thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1	Công trình xử lý nước thải có công suất 150 m ³ /ngày.đêm	1/12/2022	3/12/2022

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải

Theo khoản 5 điều 21 thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 Cơ sở không thuộc cột 3 phụ lục 2 ban hành kèm theo nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì việc quan trắc chất thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm do chủ Cơ sở đầu tư quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Lưu lượng dự kiến xin vận hành thử nghiệm là 150m³/ngày.đêm

Bảng 6.2. Kế hoạch giám sát chất thải tại Cơ sở

Giám sát môi trường nước thải (Do Chủ Cơ sở thực hiện)		
1	Vị trí	- NT
2	Số lượng	
3	Chỉ tiêu giám sát	Lưu lượng nước thải, pH, BOD ₅ , TSS, TDS, Nitrat, Amoni, Sunfua, dầu mỡ động thực vật, Phosphat, tổng chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms.
4	Tần suất	- Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải. + Số lượng mẫu: giám sát 02 mẫu nước (một mẫu nước thải đầu vào tại bể điều hòa; 1 mẫu nước thải đầu ra sau bể khử trùng. + Thời gian lấy mẫu: 3 ngày liên tiếp từ 01/12/2022- 03/12/2022 + Vị trí lấy mẫu: tại vị trí nước thải đầu vào (bể điều hòa); nước thải đầu ra (trước khi nước thải thải ra ngoài môi trường sau bể khử trùng) + Chỉ tiêu: Lưu lượng nước thải, pH, BOD ₅ , TSS, TDS, Nitrat, Amoni, Sunfua, dầu mỡ động thực vật, Phosphat, tổng chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms.

5	Quy chuẩn so sánh	- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1).
---	-------------------	--

6.1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện Kế hoạch.

- Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi trường – Phòng nghiên cứu chất lượng môi trường

Người đại diện: Ông **Nguyễn Văn Tâm** - Chức vụ: Phó Giám đốc

Địa chỉ: Phòng 405 tòa nhà bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

Công ty đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quyết định số 1790/QĐ-BTNMT vào ngày 20/09/2021 với mã số VIMCERTS 208.

6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI (TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC VÀ ĐỊNH KÌ) THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a) Giám sát chất lượng nước thải

Căn cứ theo mục b, khoản 3 điều 97, Nghị định 08/2022/NĐ-CP về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường Cơ sở không thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thì chương trình quan trắc môi trường định kỳ của Cơ sở thực hiện như sau:

Bảng 6.3. Nội dung giám sát môi trường nước thải trong giai đoạn hoạt động

1	Vị trí	NT: Nước thải sau xử lý tại vị trí hố ga cuối trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực
2	Số lượng	01 vị trí
3	Chỉ tiêu giám sát	pH, TSS, BOD ₅ , Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, NO ₃ , Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, PO ₄ ³⁻ , Tổng Coliforms
4	Tần suất	6 tháng/lần
5	Quy chuẩn so sánh	QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B)

b) Giám sát khác

- Giám sát hệ thống cấp thoát nước

Kiểm tra khả năng thoát nước và tình trạng chất lượng của các hệ thống thoát nước. Kiểm tra chế độ vận hành, quản lý, kỹ thuật. Kiểm tra tình trạng chất lượng của hệ thống cấp nước.

Tần suất kiểm tra: 1 năm/lần

- Giám sát sự sụt lún của công trình

Định kỳ giám sát sự sụt lún của công trình để có biện pháp khắc phục, gia cố lại công trình khi có sự cố xảy ra.

Tần suất thực hiện: 6 tháng/lần

- Giám sát các điều kiện vệ sinh môi trường

Giám sát việc thu gom và vận chuyển CTNH, CTR, vệ sinh môi trường.

- Giám sát quá trình vận hành và bảo dưỡng các công trình, trồng cây xanh.

- Giám sát khu vực tầng hầm

- Giám sát các kho chứa CTNH

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Không có

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.

Không có

6.3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM

Kinh phí các giám sát khác ước tính khoảng: 5.000.000 đồng/đợt.

Kinh phí giám sát: Theo Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 02/3/2017 về việc ban hành Bộ quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá quan trắc, phân tích môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội

Bảng 6.4. Kinh phí giám sát môi trường trong giai đoạn hoạt động

TT	Chỉ tiêu	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1. Chất lượng nước thải (01 vị trí, 11 chỉ tiêu)				
1	pH	1	70.442	70.442
2	TSS	1	216.949	216.949
3	BOD ₅	1	282.126	282.126
4	Tổng chất rắn hòa tan	1	86.608	86.608
5	Sunfua	1	356.584	356.584
6	Amoni	1	356.584	356.584
7	NO ₃ ⁻	1	273.756	273.756
8	Dầu mỡ động, thực vật	1	629.525	629.525
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	1	828.286	828.286
10	PO ₄ ³⁻	1	313.157	313.157
11	Tổng Coliforms	1	818.072	818.072
Tổng				4.232.089
Tổng kinh phí dự kiến (01 đợt)				4.655.298
2. Giám sát khác				5.000.000
TỔNG KINH PHÍ GIÁM SÁT GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH (01 đợt)				9.655.298

Tổng kinh phí giám sát môi trường trong giai đoạn hoạt động của Cơ sở/đợt là:
9.655.298 đồng/đợt.

Chương VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Từ khi hoạt động chưa có đoàn thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường

Chương VI: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chủ Cơ sở cam kết sẽ thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, các biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của Cơ sở như đã trình bày trong bản kế hoạch này;

Chủ Cơ sở cam kết dành kinh phí cho các hoạt động bảo vệ môi trường như kinh phí cho các hợp đồng xử lý chất thải.

Đảm bảo vận hành liên tục, đúng quy trình và hiệu quả các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.

Chủ cơ sở cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các công ước quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội xem xét cấp giấy phép môi trường cho dự án Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu văn thư

CÔNG TY TNHH BẮC CHƯƠNG DƯƠNG



CHỦ TỊCH HĐQT

Vũ Thị Thanh Thủy



BẢN SAO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0100596731

Đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 02 năm 1995

Đăng ký thay đổi lần thứ: 18, ngày 07 tháng 05 năm 2019

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BẮC CHUÔNG DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAC CHUONG DUONG COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BAC CHUONG DUONG CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 379, ngõ 2 Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 38273778

Fax: (024) 38731421

Email: Bacchuongduong@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ 200.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	PHÙNG THỊ HỒNG OANH	Số 4 Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	169.800.000.000	84,900	001169011618	
2	VŨ THỊ THANH THỦY	Tổ 17, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	20.200.000.000	10,100	011673439	
3	LƯU THU HIỀN	Số 4, phố Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	10.000.000.000	5,000	013088765	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: VŨ THỊ THANH THỦY

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên

Sinh ngày: 17/08/1973 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

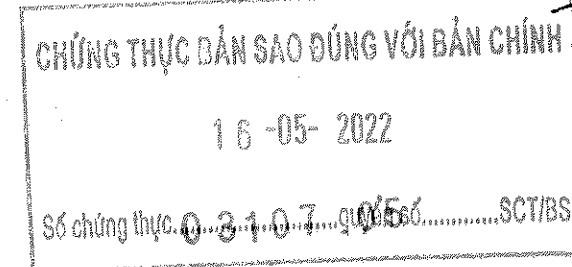
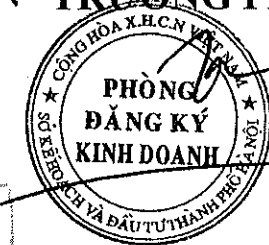
Số giấy chứng thực cá nhân: 011673439

Ngày cấp: 10/07/2010 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 17, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

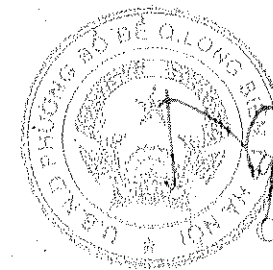
Chỗ ở hiện tại: Tổ 17, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

(TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Lê Hồng Hạnh

TUQ. CHỦ TỊCH



Công chức Tư pháp - Hộ tịch
Ngô Thị Ngọc

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- Địa chỉ sử dụng đất: Số 158 phố Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Nguồn gốc sử dụng
	Khu A	1006,0	Sử dụng riêng	Phía trên làm cây xanh, đường giao thông nội bộ, bãi đỗ xe; phía dưới xây dựng tầng hầm mở rộng	50 năm kể từ ngày 10/6/2008	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm.
	Khu TT01, TT02, TT03	4013,1	Sử dụng riêng	Xây dựng công trình (cao 05 tầng)	Đến ngày 10/6/2058	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.
	Khu III	1004,0	Sử dụng riêng	Xây dựng công trình hỗn hợp cao 17 tầng	Đến ngày 10/6/2058	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

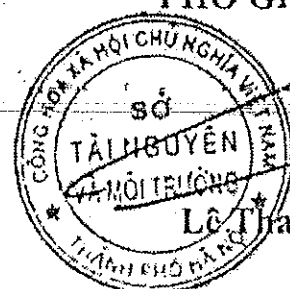
5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Số tờ, số thửa và sơ đồ sẽ được điều chỉnh khi có bản đồ địa chính chính quy.

- Người mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất được sử dụng ổn định lâu dài.
- Khu A (1.006,0m²) không được kinh doanh phía trên, sau khi xây dựng xong công trình, Nhà đầu tư có trách nhiệm bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý theo quy định.
- 7.304,9m² đất (khu G, khu B) để làm cây xanh, đường giao thông nội bộ sử dụng chung trong khu vực, không được kinh doanh, sau khi xây dựng xong công trình Nhà đầu tư có trách nhiệm bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý theo quy định. Hình thức: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.
- Giấy chứng nhận này được cấp lại từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số seri CB 574660 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp ngày 21/8/2015; Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 của UBND thành phố Hà Nội.

- Khi thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, tổ chức được cấp Giấy chứng nhận có nghĩa vụ chấp hành Điều 8 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014 và các nội dung yêu cầu đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở quy định tại Luật nhà ở năm 2014, đồng thời nộp Giấy chứng nhận này đến Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội để thực hiện đăng ký biến động theo quy định.

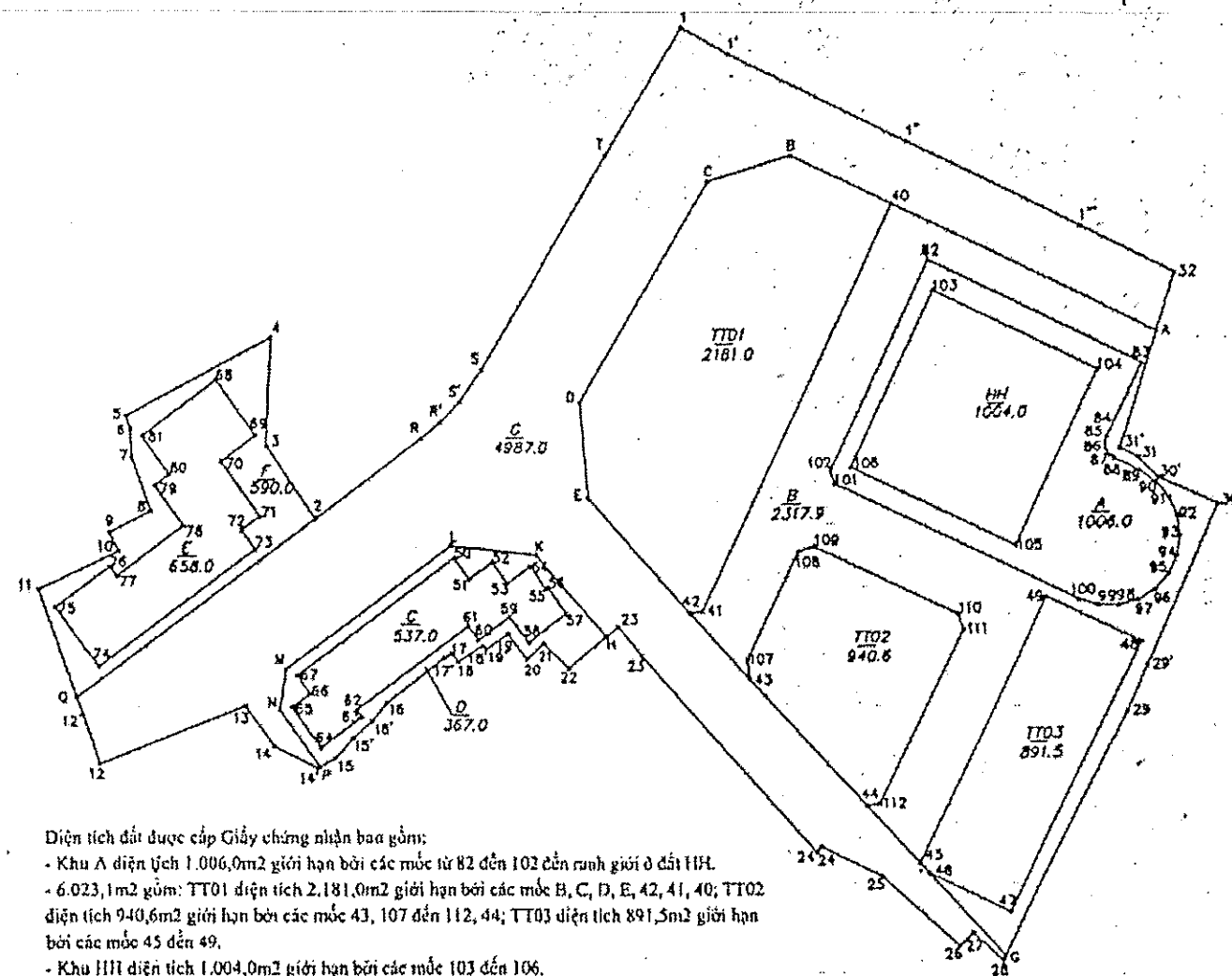
Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2019
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TUQ. CHỦ TỊCH
KT. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÓ GIÁM ĐỐC



Số vào sổ cấp GCN: CT 09097

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Thửa đất được quyền sử dụng theo Biên bản bàn giao mốc giới ngày 08/4/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội



Diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận bao gồm:
 - Khu A diện tích 1.006,0m² giới hạn bởi các mốc từ 82 đến 103 bên ranh giới ở đất HH.
 - 6.023,1m² gồm: TT01 diện tích 2.181,0m² giới hạn bởi các mốc B, C, D, E, 42, 41, 40; TT02 diện tích 940,6m² giới hạn bởi các mốc 43, 107 đến 112, 44; TT03 diện tích 891,5m² giới hạn bởi các mốc 45 đến 49.
 - Khu III diện tích 1.004,0m² giới hạn bởi các mốc 103 đến 106.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

11-09-2019

05805.09

Số chứng thực

Quyển số

IV. Những thay đổi và cơ sở pháp lý

PHÓ CHỦ TỊCH
 Nguyễn Văn Luyện

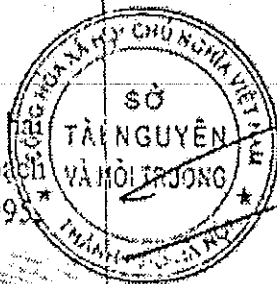
Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Ngày 26/08/2019.

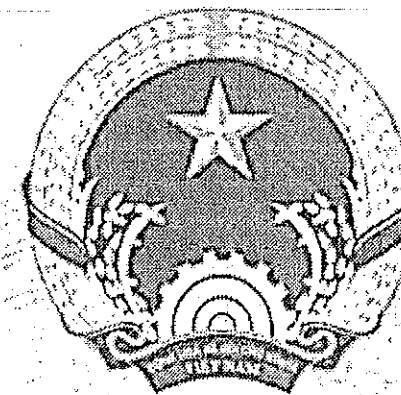
"Nội dung thông tin chủ sử dụng đất được thay đổi thành: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 0100596731 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 10/02/1995, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 07/05/2019, theo hồ sơ số 204734.DT.001".



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Thanh Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

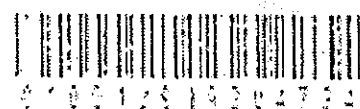
I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Bắc Chương Dương

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 0100596731 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 10/02/1995, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 05/02/2016;

Địa chỉ trụ sở: Số 379 ngõ 2 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CQ 283198

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **6055** /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **10** tháng **11** năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận chuyển nhượng toàn bộ Dự án Xây dựng trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở tại Khu Ẩng ten và Ao trũng, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội từ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gia Lâm cho Công ty TNHH Bắc Chương Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

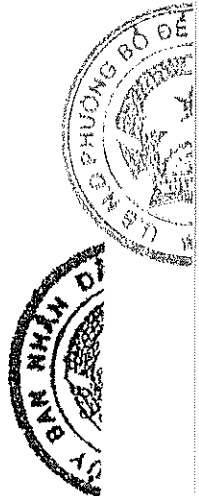
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Thông tư số 13/2008/TT-BXD ngày 21/5/2008 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Văn bản số 1436/BXD-QLN ngày 30/6/2015 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 và Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 9698/TTr-SXD ngày 12/10/2015 về việc cho phép Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gia Lâm



chuyển nhượng và Công ty TNHH Bắc Chương Dương nhận chuyển nhượng toàn bộ Dự án Xây dựng trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở tại Khu Ăng ten và Ao trứng, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chuyển nhượng dự án Xây dựng trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở tại Khu Ăng ten và Ao trứng, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Dự án") từ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gia Lâm cho Công ty TNHH Bắc Chương Dương với các nội dung sau:

1. Quy mô và kết quả thực hiện của Dự án xin chuyển nhượng:

a) Quy mô đầu tư xây dựng của toàn bộ Dự án:

- Quy mô sử dụng đất:

Tổng diện tích đất: 15.480 m², trong đó bao gồm cả 4.970 m² đất để mở đường theo quy hoạch (tuyệt đối không được xây dựng công trình).

Diện tích xây dựng công trình: 10.501 m²; trong đó gồm:

+ Trung tâm thương mại và Văn phòng cho thuê: diện tích 8.358 m², diện tích xây dựng 3.210 m², mật độ xây dựng 38,1%.

+ Nhà ở liền kề thấp tầng 2.152 m² gồm:

Lô 1: diện tích: 904 m²; mật độ xây dựng: 55,5%.

Lô 2: diện tích: 1.248 m²; mật độ xây dựng: 55,5%.

- Quy mô đầu tư:

+ Trung tâm thương mại và văn phòng cho thuê: quy mô 17 tầng nổi; 01 tầng hầm diện tích 2.920 m²; tổng diện tích sàn: 36.215 m² (không tính diện tích tầng hầm); tầng hầm: cao 3,3 m; chiều cao tầng 1: 4,5 m; chiều cao đỉnh mái: 65 m.

+ Nhà ở liền kề thấp tầng gồm 02 lô:

Lô 1: Diện tích lô đất: 904 m²; Tầng cao công trình: 3 tầng.

Lô 2: Diện tích lô đất: 1.248 m²; Tầng cao công trình: 3 tầng.

Chi tiết cụ thể theo văn bản số 23/QHKT-P2 ngày 09/01/2006 về việc chấp thuận QHTMB Khu trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở và số 1070/QHKT-P2 ngày 11/7/2006 về việc chấp thuận phương án kiến trúc Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê.

- Tổng mức đầu tư: 217.524.912.428 đồng (Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000037 ngày 23/5/2007 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh ngày 26/12/2014 được UBND Thành phố cấp).

- Hoàn thành Dự án: 01/2018 (Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh ngày 26/12/2014).

b) Kết quả thực hiện Dự án:

- Khối lượng công việc đã thực hiện: Đã hoàn thành cơ bản công tác chuẩn bị đầu tư; đã đền bù giải phóng mặt bằng và nộp tiền sử dụng đất theo quy định; đã thi công, nghiệm thu, thanh quyết toán và thanh lý hợp đồng phân hạ tầng kỹ thuật; đã thi công 10/23 căn nhà liền kề.

- Khối lượng công việc chưa thực hiện: toàn bộ khối lượng còn lại của Dự án.

2. Bên chuyển nhượng Dự án:

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gia Lâm.

- Địa chỉ: 77 Vũ Xuân Thiều, phường Sài Đồng, quận Long Biên, Hà Nội.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103000409 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/6/2001, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 12/01/2007.

3. Bên nhận chuyển nhượng Dự án:

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Bắc Chương Dương.

- Địa chỉ: số 379, ngách 2, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100596731, đăng ký lần đầu ngày 10/02/1995, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 06/01/2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

Điều 2. Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận Quyết định này, Bên chuyển nhượng (Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gia Lâm) và Bên nhận chuyển nhượng (Công ty TNHH Bắc Chương Dương) phải ký kết Hợp đồng chuyển nhượng và hoàn thành việc bàn giao Dự án theo quy định tại Điều 51 Luật Kinh doanh bất động sản và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Kinh doanh bất động sản.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên chuyển nhượng - Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gia Lâm (theo Khoản 1, Điều 52, Luật Kinh doanh bất động sản).

- Chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với toàn bộ Dự án cho Chủ đầu tư nhận chuyển nhượng để tiếp tục đầu tư xây dựng bất động sản để kinh doanh, trừ các quyền và nghĩa vụ đã thực hiện xong mà không liên quan đến Chủ đầu tư nhận chuyển nhượng và tiếp tục triển khai Dự án.

- Chuyển giao các hồ sơ liên quan cho Bên nhận chuyển nhượng; thông báo kịp thời, đầy đủ công khai và giải quyết thỏa đáng quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và các bên liên quan tới Dự án chuyển nhượng.

- Phối hợp với Bên nhận chuyển nhượng làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho Bên nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nghĩa vụ trong hợp đồng chuyển nhượng và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Liên hệ với các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Cục Thuế Hà Nội và UBND quận Long Biên để được hướng dẫn, hoàn tất các thủ tục về đất đai, môi trường, xây dựng, nghĩa vụ tài chính, quản lý doanh nghiệp và các thủ tục có liên quan theo quy định hiện hành.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên nhận chuyển nhượng - Công ty TNHH Bắc Chương Dương (theo Khoản 2, Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản):

- Kế thừa và thực hiện quyền, nghĩa vụ của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gia Lâm đã chuyển giao theo Quyết định phê duyệt Dự án.

- Tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng, kinh doanh Dự án theo đúng tiến độ, nội dung của Dự án được phê duyệt.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư Dự án theo quy định của pháp luật.

- Liên hệ với Sở Quy hoạch - Kiến trúc làm thủ tục điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng để phù hợp với chỉ đạo của UBND Thành phố và định hướng tại Quy hoạch phân khu đô thị N10 được duyệt.

- Phối hợp với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gia Lâm, liên hệ với các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Cục Thuế Hà Nội và UBND quận Long Biên để được hướng dẫn, hoàn tất các thủ tục về đất

đại, môi trường, xây dựng, nghĩa vụ tài chính, quản lý doanh nghiệp và các thủ tục có liên quan theo quy định để tiếp tục thực hiện Dự án.

- Bổ sung đủ điều kiện về vốn pháp định theo quy định của Luật Kinh doanh bất động sản 2014 trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

- Báo cáo bằng văn bản về kết quả thực hiện các thủ tục phát sinh sau chuyển nhượng gửi Sở Xây dựng để theo dõi, quản lý; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (hàng quý, hàng năm và khi kết thúc Dự án) theo quy định tại Thông tư số 11/2013/TT-BXD ngày 31/7/2013 của Bộ Xây dựng và các quy định hiện hành, gửi Sở Xây dựng.

- Việc huy động vốn để thực hiện đầu tư xây dựng Dự án chỉ được thực hiện theo đúng các hình thức, điều kiện quy định tại Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014, Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014 và các quy định hiện hành tại thời điểm huy động vốn.

- Thực hiện các nghĩa vụ trong hợp đồng chuyển nhượng và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Trách nhiệm của các sở, ngành và UBND quận Long Biên:

1. Sở Xây dựng: Chủ trì theo dõi, kiểm tra và giải quyết theo đúng thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến việc thực hiện chuyển nhượng toàn bộ Dự án giữa Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gia Lâm và Công ty TNHH Bắc Chương Dương; hướng dẫn Chủ đầu tư thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo khi kết thúc Dự án theo các quy định hiện hành của Nhà nước; giải quyết các thủ tục có liên quan thuộc thẩm quyền trong quá trình Công ty TNHH Bắc Chương Dương đầu tư, thực hiện Dự án.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gia Lâm, Công ty TNHH Bắc Chương Dương các thủ tục về sử dụng đất để thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật; hướng dẫn và thực hiện thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản gắn liền với đất, đăng ký biến động quyền sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính: Chủ trì phối hợp với Cục Thuế Hà Nội và các sở, ngành liên quan, thực hiện kiểm tra, hướng dẫn Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gia Lâm, Công ty TNHH Bắc Chương Dương thực hiện các nghĩa vụ về tài chính liên quan đến hoạt động chuyển nhượng toàn bộ Dự án theo quy định.

4. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Quy hoạch - Kiến trúc: hướng dẫn Công ty TNHH Bắc Chương Dương giải quyết các thủ tục có liên quan thuộc thẩm

quyền trong quá trình Công ty đầu tư, thực hiện Dự án theo các quy định pháp luật hiện hành.

5. UBND quận Long Biên: Kiểm tra, theo dõi chấp hành pháp luật của Chủ đầu tư Dự án về trật tự xây dựng, vệ sinh môi trường... và kết quả thực hiện các nghĩa vụ khác trong việc tuân thủ pháp luật trong quá trình thực hiện Dự án; đảm bảo Chủ đầu tư thực hiện Dự án theo đúng tiến độ, nội dung Dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Quy hoạch - Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Cục Thuế Hà Nội, UBND quận Long Biên; Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gia Lâm, Giám đốc Công ty TNHH Bắc Chương Dương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Chủ tịch UBND Thành phố (để báo cáo);
- Các PCT UBND TP: V.H.Khanh, N.N.Tuấn, N.V.Sửu;
- VPUBTP: các PCVP: P.C.Công, L.Q.Huy, N.N.Kỳ,
- các Phòng: XDGT, TH, QHKT, KT, TNMT;
- Lưu: VT, XD.

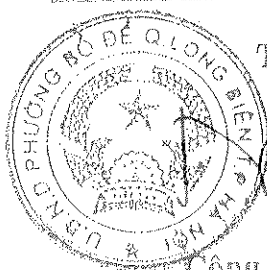
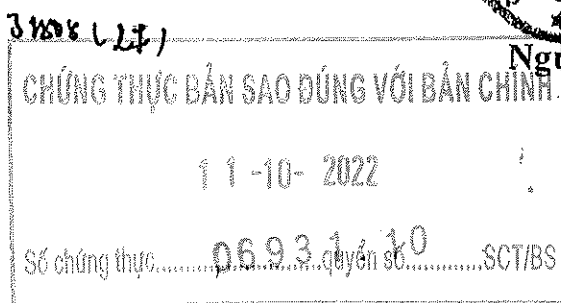
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Tuấn



TUQ. CHỦ TỊCH

Công chức Tư pháp - Hộ tịch
Ngô Thị Ngọc

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: *117* /HĐTD-STNMT-CCQLĐĐ Hà Nội, ngày *01* tháng *7* năm 2019**HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 của UBND Thành phố về việc thu hồi 15.480 m² đất tại số 158 phố Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên do Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gia Lâm đang quản lý, sử dụng; giao cho Công ty TNHH Bắc Chương Dương để tiếp tục thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở;

Căn cứ Thông báo số 73361/TB-CT-QLĐ ngày 02/11/2018 của Cục Thuế thành phố Hà Nội về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước cho Công ty TNHH Bắc Chương Dương số 158 phố Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên;

Hôm nay, ngày *01* tháng *7* năm 2019, tại Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (địa chỉ: 18 phố Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội), chúng tôi gồm:

I. BÊN CHO THUÊ ĐẤT: UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI (SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI LÀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN)

- Người đại diện: Ông Nguyễn Minh Mười.
- Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Địa chỉ: 18 phố Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

II. BÊN THUÊ ĐẤT: CÔNG TY TNHH BẮC CHƯƠNG DƯƠNG

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Văn Cường.
- Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 379, ngõ 2 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Mã số thuế: 0100596731.
- Số tài khoản: 15110000273063 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Thành Đô.

III. Hai Bên thỏa thuận ký Hợp đồng thuê đất với các Điều, Khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê: 1.006 m² đất (Một nghìn không trăm linh sáu mét vuông đất) tại số 158 phố Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên.
2. Vị trí, ranh giới xác định tại Bản vẽ điều chỉnh tổng mặt bằng Mảnh 01 được Sở Quy hoạch Kiến trúc phê duyệt và chấp thuận kèm theo Văn bản số 847/QHKT-TMB-PAKT ngày 17/02/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 01/02/2018.
3. Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.
4. Thời hạn sử dụng: Đến ngày 10/6/2058 (là thời gian còn lại theo Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 10/6/2008 của UBND Thành phố).
5. Mục đích sử dụng đất thuê: Làm trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Đơn giá tính tiền thuê đất:
 - Đơn giá thuê đất nằm ngoài chỉ giới để làm cây xanh, đường giao thông nội bộ, bãi đỗ xe, không được kinh doanh phía trên, sau khi xây dựng xong công trình bàn giao cho chính quyền địa phương, phía dưới xây dựng tầng hầm mở rộng là: 14.874 đồng/m²/năm (Mười bốn nghìn, tám trăm bảy mươi bốn đồng một mét vuông một năm).

Thời gian ổn định đơn giá thuê đất từ ngày 23/3/2018 đến hết ngày 22/3/2023 (theo Thông báo số 73361/TB-CT-QLĐ ngày 02/11/2018 của Cục Thuế thành phố Hà Nội). Hết thời hạn ổn định đơn giá thuê đất nêu trên, Bên thuê đất có trách nhiệm liên hệ với Cục Thuế thành phố Hà Nội để xác định đơn giá thuê đất cho kỳ ổn định kế tiếp; Liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội để ký Phụ lục Hợp đồng thuê đất theo quy định.

2. Phương thức nộp tiền thuê đất: Mỗi năm được chia làm 02 kỳ, kỳ thứ nhất nộp tối thiểu 50% tổng số tiền thuê đất hàng năm trước ngày 31/5, kỳ thứ 2 nộp trước ngày 31/10 hàng năm.

3. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước quận Long Biên.

4. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại Điều 1 Hợp đồng thuê đất này, Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 của UBND thành phố Hà Nội.



Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên:

1. Bên cho thuê đất đảm bảo việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê phù hợp với quy định của pháp luật thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng thuê đất này.

4. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 06 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc Hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các bên (nếu có): Không

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp.

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận.

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể.

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định Hợp đồng thuê đất này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm Hợp đồng thuê đất gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 05 (năm) bản có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản lưu Văn thư, 01 bản gửi Cục Thuế thành phố Hà Nội, 01 bản gửi Chi cục thuế quận Long Biên.

Hợp đồng thuê đất này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

BÊN THUÊ ĐẤT 06923 10
SCT/BS
CHỦ TỊCH HĐQT
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BẮC CHƯỜNG DƯƠNG
CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH
Ngô Thị Ngọc

BÊN CHO THUÊ ĐẤT
CHỦ TỊCH HỘI CHU NGHĨA VIỆT NAM
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC
30

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1448** /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **23** tháng **3** năm **2018**

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi 15.480 m² đất tại số 158 phố Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên do Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gia Lâm đang quản lý, sử dụng; giao cho Công ty TNHH Bắc Chương Dương để tiếp tục thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND Thành phố về việc ban hành một số quy định về đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; đăng ký biến động về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất cho các tổ chức trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 908/TTr-STNMT- CCQLĐĐ ngày 01/02/2018, Tờ trình bổ sung số 1920/TTr-STNMT-CCQLĐĐ ngày 15/3/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. 1. Thu hồi 15.480 m² (mười lăm nghìn bốn trăm tám mươi mét vuông) đất tại số 158 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên do Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Gia Lâm đang quản lý, sử dụng theo Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 10/6/2008 của UBND Thành phố và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 574660 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp ngày 21/8/2015 cho Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Gia Lâm.

Vị trí, ranh giới, diện tích khu đất xác định tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 574660 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp ngày 21/8/2015 cho Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Gia Lâm.

Lý do thu hồi: Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Gia Lâm đã chuyển nhượng toàn bộ dự án đầu tư có sử dụng 15.480 m² đất tại số 158 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên cho Công ty TNHH Bắc Chương Dương theo Quyết định chấp thuận chuyển nhượng dự án số 6055/QĐ-UBND ngày 10/11/2015.

2. Giao cho Công ty TNHH Bắc Chương Dương diện tích đất thu hồi nêu trên để tiếp tục thực hiện dự án đầu tư “Xây dựng trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở” theo Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số

Vị trí, ranh giới xác định tại Bản vẽ điều chỉnh tổng mặt bằng Mảnh 01 được Sở Quy hoạch Kiến trúc phê duyệt và chấp thuận kèm theo Văn bản số 847/QHKT-TMB-PAKT ngày 17/02/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 01/02/2018.

Trong tổng diện tích 15.480 m² đất có:

* 2.152 m² đất đã giao đất có thu tiền sử dụng đất và đã đầu tư xây dựng, đưa vào sử dụng, gồm:

- Khu E diện tích 658 m² đất giới hạn bởi các mốc từ 68 đến 81 để xây dựng công trình cao 03 tầng; Hình thức: giao đất có thu tiền sử dụng đất; Thời hạn sử dụng: lâu dài;

- Khu F diện tích 590 m² đất giới hạn bởi các mốc 2 đến 11, Q đến ranh giới khu đất E để làm cây xanh, sân vườn, hạ tầng kỹ thuật; Hình thức: giao đất có thu tiền sử dụng đất; Thời hạn sử dụng: lâu dài;

- Khu C diện tích 537 m² đất giới hạn bởi các mốc từ 50 đến 67 để làm công trình cao 03 tầng; Hình thức: giao đất có thu tiền sử dụng đất; Thời hạn sử dụng: lâu dài;

- Khu D diện tích 367 m² đất giới hạn bởi các mốc H, K, L, M, N, P, 15, 15', 16', 16, 17', 17, 18, 18', 19', 19 đến 22 đến ranh giới khu đất C để làm cây xanh, sân vườn, hạ tầng kỹ thuật; Hình thức: giao đất có thu tiền sử dụng đất; Thời hạn sử dụng: lâu dài;

* 6.023,1 m² đất đã được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, nay chuyển sang giao đất, gồm:

- Khu đất xây dựng công trình cao 05 tầng gồm các khu ký hiệu:

+ TT01 diện tích 2.181 m² đất giới hạn bởi các mốc B, C, D, E, 42, 41, 40;

+ TT02 diện tích 940,6 m² đất giới hạn bởi các mốc 43, 107 đến 112, 44;

+ TT03 diện tích 891,5 m² đất giới hạn bởi các mốc 45 đến 49;

Hình thức: giao đất có thu tiền sử dụng đất; Thời hạn sử dụng đất: Đối với nhà đầu tư: đến ngày 10/6/2058 (thời gian còn lại theo Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 10/6/2008 của UBND Thành phố); Đối với người mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất được sử dụng ổn định lâu dài theo quy định;

- Khu HH diện tích 1.004 m² đất giới hạn bởi các mốc 103 đến 106 để xây dựng công trình hỗn hợp cao 17 tầng; Hình thức: giao đất có thu tiền sử dụng đất; Thời hạn sử dụng đất: Đối với nhà đầu tư: đến ngày 10/6/2058 (thời gian còn lại theo Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 10/6/2008 của UBND Thành phố); Đối với người mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất được sử dụng ổn định lâu dài theo quy định;

- Khu A diện tích 1.006 m² đất giới hạn bởi các mốc từ 82 đến 102 đến ranh giới ô đất HH: Phía trên để làm cây xanh, đường giao thông nội bộ, bãi đỗ xe, không được kinh doanh phía trên, sau khi xây dựng xong công trình Nhà đầu tư có trách nhiệm bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý theo quy định; phía dưới xây dựng tầng hầm mở rộng, hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, thời gian thuê đất: kể từ ngày ký quyết định

cho thuê đất đến ngày 10/6/2058 (thời gian còn lại theo Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 10/6/2008 của UBND Thành phố).

* 7.304,9 m² đất (trong đó bao gồm khu G để mở đường theo quy hoạch và một phần diện tích đất đã được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm), gồm:

- Khu đất làm cây xanh, đường giao thông nội bộ sử dụng chung trong khu vực, không được kinh doanh, sau khi xây dựng xong công trình Nhà đầu tư có trách nhiệm bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý theo quy định gồm các khu ký hiệu:

+Khu G diện tích 4.987 m² đất giới hạn bởi các mốc 1, T, S, S', R', R, 2, Q, 12', 12 đến 14, 14', P, 15, 15', 16', 16, 17', 17, 18, 18', 19', 19, 20 đến 22, H, 23, 23', 24, 24', 25 đến 28, G, 46, 45, 44, 42, E, D, C, B, 40, A, 32, 1'', 1', 1' đến ranh giới khu đất C;

+ Khu B diện tích 2.317,9 m² đất giới hạn bởi các mốc từ 40 đến 43, 107 đến 112, 44, 45, 49, 48, 47, 46, G, 29, 29', 30, 30', 31, 31', A đến ranh giới khu đất A, HH;

Hình thức: giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 của Quyết định này, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gia Lâm và Công ty TNHH Bắc Chương Dương có trách nhiệm:

1. Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gia Lâm có trách nhiệm liên hệ với:

a. Cục thuế Hà Nội để nộp các khoản nghĩa vụ tài chính khi thực hiện chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất, tiền thuê đất còn thiếu (nếu có).

b. Sở Tài nguyên và Môi trường làm các thủ tục liên quan đến hợp đồng thuê đất.

2. Công ty Công ty TNHH Bắc Chương Dương có trách nhiệm liên hệ với:

a. Sở Tài nguyên và Môi trường để làm thủ tục xác định tiền sử dụng đất, thuê đất (bổ sung) theo quy định;

b. Sở Tài chính để được hướng dẫn nộp tiền tương đương giá trị quỹ đất 20% theo giá đất mà chủ đầu tư thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước nhằm bổ sung vào ngân sách Thành phố dành để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội;

c. Cục thuế Hà Nội để nộp tiền sử dụng đất, thuê đất; phối hợp với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gia Lâm thực hiện khoản nghĩa vụ tài chính khi thực hiện chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định;

d. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính về chuyển nhượng dự án, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường làm các thủ tục liên quan đến hợp đồng thuê đất, bàn giao mốc giới trên bản đồ và ngoài thực địa, đăng ký biến động trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp;

đ. Tiếp tục thực hiện dự án đầu tư theo đúng nội dung đã được UBND Thành phố chấp thuận tại Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000042 ngày 23/5/2007, điều chỉnh ngày 26/12/2014, Quyết định chuyển nhượng dự án số 6055/QĐ-UBND ngày 10/11/2015, Quyết định số 7287/QĐ-UBND ngày



e. Liên hệ với Sở Xây dựng để được hướng dẫn làm thủ tục cấp phép xây dựng theo quy định.

f. Định vị và xây dựng công trình theo đúng quy hoạch tổng mặt bằng, phương án kiến trúc đã được phê duyệt; đo vẽ hoàn công sau khi xây dựng công trình làm cơ sở cho việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định.

g. Sau khi đủ điều kiện bán nhà, liên hệ với Văn phòng Đăng ký Đất đai để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người mua nhà ở, đất ở theo quy định; thực hiện trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng thời bàn giao căn hộ, nhà ở cho người mua nhà, đất.

h. Sử dụng diện tích đất được giao trong phạm vi mốc giới, đúng mục đích và nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này; thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý đầu tư, xây dựng.

Điều 3. Trách nhiệm của các ngành, các cấp:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Quy hoạch Kiến trúc, các Sở ngành có liên quan; Cục Thuế Thành phố, UBND quận Long Biên theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành hướng dẫn Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gia Lâm và Công ty TNHH Bắc Chương Dương thực hiện các nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định.

2. UBND: quận Long Biên, phường Bồ Đề: Thực hiện việc kê khai, đăng ký cập nhật và chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất vào hồ sơ địa chính; thường xuyên kiểm tra việc chấp hành pháp luật đất đai, xây dựng của Công ty TNHH Bắc Chương Dương theo các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này; kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm theo thẩm quyền, báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

3. Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội cập nhật đăng ký quyền sử dụng đất, chỉnh lý biến động đất đai vào hồ sơ địa chính theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Sau 12 tháng kể từ ngày ký, nếu Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gia Lâm và Công ty TNHH Bắc Chương Dương chưa liên hệ với các cơ quan có liên quan để thực hiện các nghĩa vụ ghi tại Khoản 1, 2 Điều 2 thì Quyết định này mặc nhiên hết hiệu lực thi hành. Trong thời hạn 12 tháng liên tục kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa, Công ty TNHH Bắc Chương Dương phải đưa đất vào sử dụng; trường hợp không đưa đất vào sử dụng hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa thì Công ty TNHH Bắc Chương Dương được gia hạn sử dụng 24 tháng và phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền thuê đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án trong thời gian này; hết thời hạn được gia hạn mà Công ty TNHH Bắc Chương Dương vẫn chưa đưa đất vào sử dụng hoặc sử dụng đất không đúng nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này thì UBND Thành phố thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Quy hoạch Kiến trúc; Cục trưởng Cục Thuế Hà Nội; Chi cục Trưởng Chi cục Quản lý Đất đai Hà Nội, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội, Chủ tịch UBND: quận Long Biên, phường Bồ Đề; Giám đốc: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gia Lâm, Công ty TNHH Bắc Chương Dương và các tổ chức, cá nhân khác chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5: ✓
- Chủ tịch UBND TP; (Để báo cáo)
- PCT UBND TP Nguyễn Quốc Hùng;
- VPUB: PCVP Phạm Chí Công, P.ĐT;
- Lưu: VT.

(64763/2017)ĐKTK-Tuyển

630-18

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

10-10-2022

Số chứng thực: 06.9.2.2... quyển số.....SCT/BS



TUQ. CHỦ TỊCH

Công chức Tư pháp - Hộ tịch
Ngô Thị Ngọc



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số : 01121000037

Chứng nhận: ngày 23 tháng 5 năm 2007

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ văn bản số 4788/UB-XDDT ngày 23/12/2004 của UBND Thành phố Hà Nội về việc lập dự án đầu tư xây dựng tại khu đất Ăng ten và Ao trứng, phường Bồ Đề, quận Long Biên;

Căn cứ bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ kèm theo của Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Gia Lâm ;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội tại Báo cáo thẩm tra số 130/BC-KH&ĐT ngày 15/02/2007 và 340/BC-KH&ĐT ngày 18/5/2007,

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Chứng nhận : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG GIA LÂM**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000409, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 6 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19 tháng 6 năm 2006 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Đại diện bởi: Ông Đỗ Hoàng Quốc Tuấn – Giám đốc.

Sinh ngày : 23 tháng 08 năm 1960.

Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam

Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 20/6/2001, đăng ký thay đổi lần 05 ngày 12/01/2007.

Đại diện là ông: Cù Đức Đốc – Chủ tịch hội đồng quản trị.

Ngày sinh ngày 08/11/1964. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt Nam.

Chứng minh thư nhân dân số: 011813141 do Công an Hà Nội cấp ngày 05/02/2004;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 560 lô I, Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, Hà Nội;

Chỗ ở hiện tại: 560 lô I, Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, Hà Nội.

Thực hiện Dự án với nội dung điều chỉnh như sau:

Điều 1. Điều khoản sau đây của Giấy chứng nhận đầu tư Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở tại Khu bãi Ấng ten, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội số 01121000037 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 23/5/2007 được điều chỉnh như sau:

Điều 3: Diện tích đất dự kiến: 15.480m².

Điều 4: Tổng vốn đầu tư dự kiến: 217.524 triệu đồng (không thay đổi)

Trong đó: Vốn chủ sở hữu: 90.000 triệu đồng; vốn vay và huy động hợp pháp khác: 127.524 triệu đồng.

Điều 5: Thời hạn thực hiện dự án: 50 năm và thực hiện theo quyết định giao đất của cấp có thẩm quyền.

Điều 6: Tiến độ thực hiện Dự án: Khởi công tháng 01/2015, hoàn thành: tháng 01/2018.

Nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng tiến độ điều chỉnh đã đăng ký. Trường hợp Nhà đầu tư tiếp tục chậm triển khai không đúng tiến độ cam kết, UBND Thành phố sẽ kiên quyết chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 68, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Điều 2. Các nội dung khác quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000037 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 23/5/2007 không thay đổi.

Điều 3. Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh được lập thành 02 (hai bản) bản gốc; Nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh, Nhà đầu tư có trách nhiệm: Tiếp tục thực hiện Dự án theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, Luật Xây dựng năm 2014, Luật Kinh doanh bất động sản năm 2005, Luật Nhà ở năm 2005, Luật Đất đai năm 2013, Luật Bảo vệ môi trường năm 2005... các Nghị định, Thông tư hướng dẫn liên quan, các văn bản chỉ đạo của UBND Thành phố; Nghiêm túc kiểm điểm rút kinh nghiệm về việc chậm triển khai Dự án theo tiến độ đã được Thành phố chứng nhận; Khẩn trương thực hiện các công việc tiếp theo của Dự án

Điều 8. Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai bản) bản gốc, nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận đầu tư được sao gửi đến: Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội, Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất Hà Nội, Sở Quy hoạch-Kiến trúc Hà Nội, Cục thuế thành phố Hà Nội, UBND quận Long Biên.

(Giấy chứng nhận đầu tư cấp theo Bản đề nghị của Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Gia Lâm. Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện các quy định của Nhà nước quy định tại Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Đất đai, các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố và các pháp luật khác có liên quan trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện dự án).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

05-04-2021

Đỗ Hoàng Ân

Số chứng thực.....014704.....SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Mạnh Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Số: 01121000037

Chứng nhận lần đầu : Ngày 23 tháng 5 năm 2007

Chứng nhận thay đổi lần thứ 1: Ngày 16. tháng 12. năm 2014

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2005; Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4752/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của UBND Thành phố về việc thực hiện Nghị quyết 43/NQ-CP ngày 06/6/2014 của Chính phủ về một số nhiệm vụ trọng tâm cải cách thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất để cải thiện môi trường kinh doanh trên địa bàn Hà Nội ;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư Dự án Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở tại Khu bãi Ấng ten, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội số 01121000037 do UBND Thành phố cấp ngày 23/5/2007;

Xét đề nghị của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Gia Lâm tại Bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư ngày 11/12/2014 về Dự án Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở tại Khu bãi Ấng ten, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội;

Theo Báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư số ..1395../BC-KH&ĐT ngày 18./12/2014,

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư Dự án Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở tại Khu bãi Ấng ten, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội, số 01121000037 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 23/5/2007 với các nội dung sau:

Chứng nhận:

Nhà đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG GIA LÂM

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103000409 do Sở

Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 20/6/2001, đăng ký thay đổi lần 05 ngày 12/01/2007.

Đại diện là ông: Cù Đức Đốc – Chủ tịch hội đồng quản trị.

Ngày sinh ngày 08/11/1964. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt Nam.

Chứng minh thư nhân dân số: 011813141 do Công an Hà Nội cấp ngày 05/02/2004;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 560 lô I, Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, Hà Nội;

Chỗ ở hiện tại: 560 lô I, Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, Hà Nội.

Thực hiện Dự án với nội dung điều chỉnh như sau:

Điều 1. Điều khoản sau đây của Giấy chứng nhận đầu tư Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở tại Khu bãi Ấng ten, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội số 01121000037 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 23/5/2007 được điều chỉnh như sau:

Điều 3: Diện tích đất dự kiến: 15.480m².

Điều 4: Tổng vốn đầu tư dự kiến: 217.524 triệu đồng (không thay đổi)

Trong đó: Vốn chủ sở hữu: 90.000 triệu đồng; vốn vay và huy động hợp pháp khác: 127.524 triệu đồng.

Điều 5: Thời hạn thực hiện dự án: 50 năm và thực hiện theo quyết định giao đất của cấp có thẩm quyền.

Điều 6: Tiến độ thực hiện Dự án: Khởi công tháng 01/2015, hoàn thành: tháng 01/2018.

Nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng tiến độ điều chỉnh đã đăng ký. Trường hợp Nhà đầu tư tiếp tục chậm triển khai không đúng tiến độ cam kết, UBND Thành phố sẽ kiên quyết chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 68, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Điều 2. Các nội dung khác quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000037 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 23/5/2007 không thay đổi.

Điều 3. Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh được lập thành 02 (hai bản) bản gốc; Nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh, Nhà đầu tư có trách nhiệm: Tiếp tục thực hiện Dự án theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, Luật Xây dựng năm 2014, Luật Kinh doanh bất động sản năm 2005, Luật Nhà ở năm 2005, Luật Đất đai năm 2013, Luật Bảo vệ môi trường năm 2005... các Nghị định, Thông tư hướng dẫn liên quan, các văn bản chỉ đạo của UBND Thành phố; Nghiêm túc kiểm điểm rút kinh nghiệm về việc chậm triển khai Dự án theo tiến độ đã được Thành phố chứng nhận; Khẩn trương thực hiện các công việc tiếp theo của Dự án

đảm bảo đúng tiến độ điều chỉnh đã đăng ký; Liên hệ với các Sở ngành có liên quan để được hướng dẫn các thủ tục và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của Dự án đối với Thành phố đảm bảo đúng các quy định hiện hành; Triển khai Dự án đảm bảo tuyệt đối không làm gián đoạn ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của các bên liên quan; Nghiêm cấm thực hiện không đúng quy định của pháp luật: Chuyển nhượng Dự án, huy động vốn để triển khai Dự án dưới mọi hình thức; trường hợp vi phạm sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định. Trong quá trình thực hiện các thủ tục đầu tư, thực hiện đầu tư và kinh doanh khai thác dự án, Nhà đầu tư có trách nhiệm tuân thủ quy định của luật pháp liên quan, tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và Thành phố Hà Nội.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- Đ/c Nguyễn Ngọc Tuấn PCT UBND TP;
- Các Bộ: KH&ĐT, TN&MT, XD, TC, CT;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Các Sở: KH&ĐT, TN&MT, XD, QHKT, TC;
- Cục thuế Thành phố Hà Nội;
- UBND quận Long Biên;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

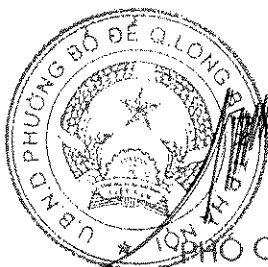


Nguyễn Ngọc Tuấn

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

05-04-2021

Số chứng thực.....014.74998.4.....SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Mạnh Tuấn

Số 847 /QHKT-TMB-PAKT

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2017

**CHẤP THUẬN BẢN VẼ TỔNG MẶT BẰNG
VÀ PHƯƠNG ÁN KIẾN TRÚC**

I. Tên Tổ chức: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bắc Chương Dương.

- Địa chỉ: số 379 ngõ 2 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Số điện thoại liên hệ: 04 3827 3778

II. Nội dung:

- Nhu cầu: Chấp thuận bản vẽ Tổng mặt bằng và phương án kiến trúc công trình tại Mảnh 1 thuộc dự án Trung tâm thương mại, Văn phòng cho thuê và Nhà ở tại 158 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Vị trí: khu đất dự án tại 158 Nguyễn Sơn phía Bắc giáp phố Nguyễn Sơn, các phía còn lại giáp khu dân cư phường Bồ Đề.

- Hiện trạng: dự án tại 158 Nguyễn Sơn gồm khu đất, trong đó mảnh 1 hiện đang là đất trống, chưa xây dựng công trình.

III. Nội dung giải quyết:

Căn cứ:

- Quy hoạch phân khu đô thị N10, tỷ lệ 1/2000 đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 6115/QĐ-UBND ngày 21/11/2014;

- Giấy chứng nhận đầu tư cấp ngày 23/5/2007, điều chỉnh ngày 26/12/2014 của UBND Thành phố cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gia Lâm;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 574660 ngày 21/8/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Quyết định số 6055/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc chấp thuận chuyển nhượng toàn bộ Dự án xây dựng Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở tại khu Ấng ten và Ao trứng, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gia Lâm cho Công ty TNHH Bắc Chương Dương;

- Công văn số 3707/UBND-ĐT ngày 21/6/2016 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy hoạch dự án tại 158 Nguyễn Sơn (khu Ấng ten và Ao trứng), phường Bồ Đề, quận Long Biên phù hợp theo Quy hoạch phân khu đô thị N10 được duyệt;

- Công văn số 157/BXD-QLN ngày 16/11/2016 của Bộ Xây dựng thỏa thuận chỉ tiêu diện tích sàn sử dụng căn hộ bình quân (50m²/người) tại dự án 158 Nguyễn Sơn,;

- Công văn số 3220/Tgl-QC ngày 26/10/2009 của Cục Tác chiến/Bộ Tổng tham mưu thỏa thuận độ cao tính không của công trình;

- Bản vẽ Quy hoạch tổng mặt bằng khu đất 158 Nguyễn Sơn (tỷ lệ 1/500) đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội chấp thuận kèm theo công văn số 23/QHKT-P2 ngày 09/01/2006;

- Biên bản bàn giao mốc giới trên thực địa lập ngày 28/01/2011;

- Bản đồ hiện trạng do Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Khảo sát đo đạc và bản đồ lập, được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 21/12/2015;

- Các Quy chuẩn xây dựng Việt Nam; Tiêu chuẩn thiết kế hiện hành.

Sau khi xem xét Bản vẽ tổng mặt bằng và phương án kiến trúc công trình do Công ty Cổ phần Kiến trúc Việt lập tháng 02/2017, Sở Quy hoạch - Kiến trúc chấp thuận bản vẽ Tổng mặt bằng và phương án kiến trúc công trình tại Mảnh 1 thuộc dự án Trung tâm thương mại, Văn phòng cho thuê và Nhà ở tại 158 Nguyễn Sơn (khu Ăng ten và Ao trũng), phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội với nội dung chính và yêu cầu như sau:

1. Tổng mặt bằng:

- Chức năng công trình: Trung tâm thương mại, Văn phòng cho thuê và Nhà ở
- Phạm vi ranh giới khu đất lập tổng mặt bằng có diện tích khoảng 8.358m² được giới hạn bởi các mốc A,B,C,D,E,G,29,29',30,30',31,31' và A, trong đó:
 - + Đất xây dựng công trình hỗn hợp cao tầng (trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở) có diện tích khoảng 2.572m²;
 - + Đất xây dựng khu nhà ở thấp tầng (03 khu) có diện tích khoảng 4.013,1m²;
 - + Đất đường giao thông nội bộ có diện tích khoảng 1.772,9m²;
- Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:
 - + Tổng diện tích xây dựng khoảng 4.487m² (trong đó: diện tích xây dựng công trình hỗn hợp cao tầng khoảng 1.004m²; diện tích xây dựng 03 khu nhà liên kế khoảng 3.458m²; diện tích xây dựng nhà vệ sinh công cộng ngoài trời khoảng 25m²).
 - + Mật độ xây dựng chung: 53,7%;
 - + Tầng cao công trình hỗn hợp 17 tầng; tầng cao công trình nhà ở thấp tầng 05 tầng;
 - + Quy mô dân số 390 người;
- Về khoảng lùi:
 - + Công trình hỗn hợp cao tầng có khoảng lùi 10m so với chỉ giới đường đỏ phố Nguyễn Sơn;
 - + Các dãy nhà liên kế (chiều cao <18m) có chỉ giới xây dựng trùng chỉ giới đường đỏ các tuyến đường khu vực.
- Về đỗ xe: nhà ở thấp tầng tự đảm bảo bố trí chỗ đỗ xe trong bản thân công trình; công trình hỗn hợp bố trí đỗ xe tại 02 tầng hầm đáp ứng nhu cầu bản thân công trình và cho khách vãng lai trong khu vực.

2. Phương án kiến trúc công trình hỗn hợp cao tầng:

- Tầng cao 17 tầng và 02 tầng hầm; tổng chiều cao công trình tính từ cao độ sân nằ đến sân mái là 63,2m, đến đỉnh tum thang kỹ thuật mái là 67,7m; trong đó:
- Phần ngầm (02 tầng hầm): dành để đỗ xe; diện tích sàn xây dựng khoảng 2.010m²/1 tầng; tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 4.020m²; chiều cao tầng hầm là 3,3m/1 tầng;
 - Phần nổi (17 tầng): tổng diện tích sàn xây dựng 16.878m²; có cơ cấu chức năng gồm:
 - + Tầng 1: dịch vụ, thương mại, sảnh các khu chức năng; diện tích sàn xây dựng khoảng 1.004m²; chiều cao tầng 4,9m; cao độ sân tầng 1 so với cao độ sân nền là 0,6m;
 - + Tầng 2: dịch vụ, thương mại, phòng sinh hoạt cộng đồng; diện tích sàn xây dựng khoảng 1.004m²; chiều cao tầng 4,3m;
 - + Tầng 3-4: văn phòng cho thuê; diện tích sàn xây dựng khoảng 1.004m²/1 tầng; chiều cao tầng 3 là 4,3m; chiều cao tầng 4 là 4,9m. Tổng diện tích sàn khoảng 2.008m²;;
 - + Tầng 5-17 (căn hộ) diện tích sàn xây dựng khoảng 980m²/1 tầng; tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 12.470m²; chiều cao tầng 3,4m; số lượng căn hộ 09 căn/1 tầng; tổng số lượng căn hộ 117 căn.
 - + Tum thang kỹ thuật diện tích khoảng 122m²; chiều cao 4,5m.

3. Các yêu cầu về hình thức, kiến trúc công trình:

Quá trình lập hồ sơ Thiết kế cơ sở cần tiếp tục hoàn thiện phương án kiến trúc công trình hỗn hợp cao tầng theo các nội dung yêu cầu như sau:

- Tum thang kỹ thuật trên mái công trình chỉ dùng để bao che khu vực lòng cầu thang bộ, kỹ thuật thang máy và phục vụ cứu nạn, không xây dựng thành buồng phòng.

- Phần tầng hầm không được xây dựng vượt ra ngoài chỉ giới đường đỏ và ranh giới đất được giao sử dụng hợp pháp. Thiết kế lối lên, xuống, độ dốc, bán kính, góc quay xe cần đảm bảo tuân thủ các quy định tiêu chuẩn quy phạm hiện hành; giao thông một chiều độc lập tách riêng đường lên và xuống. Bố trí khu vực để xe cho các khu chức năng: dịch vụ thương mại, văn phòng và nhà ở đảm bảo thuận tiện, hợp lý, không chồng chéo.

- Đối với các khu vực công cộng tại tầng 1 và 2 (sảnh, sinh hoạt cộng đồng, dịch vụ thương mại) cần lưu ý đến việc thiết kế cho người tàn tật dễ tiếp cận, sử dụng.

- Các lô đất xây dựng nhà liên kế thấp tầng bố trí sân vườn với mật độ xây dựng đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn xây dựng.

4. Các yêu cầu khác có liên quan:

a) Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật và môi trường ô đất quy hoạch:

- Hoàn chỉnh đồng bộ việc xây dựng hệ thống giao thông nội bộ (bao gồm cả lòng đường và vỉa hè hai bên) và các tuyến đường giao thông khu vực; sân vườn cây xanh, chiếu sáng trong từng ô đất quy hoạch trong quá trình thi công xây dựng công trình. Không tổ chức kết nối 02 tuyến đường nội bộ trực tiếp vào đường Nguyễn Sơn ở phía Bắc.

- Đảm bảo khớp nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật của ô đất với hệ thống HTKT chung khu vực, phù hợp Quy hoạch phân khu đô thị N10 (tỷ lệ 1/2000) đã được UBND Thành phố phê duyệt, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia, Tiêu chuẩn thiết kế hiện hành.

- Khảo sát kỹ hiện trạng khu vực, việc di chuyển (nếu có) và đấu nối công trình kỹ thuật với hệ thống chung ngoài khu đất phải được sự thỏa thuận của cơ quan quản lý chuyên ngành theo quy định (về cung cấp nguồn, điểm đấu nối, điểm xả... theo quy hoạch được duyệt).

- Đảm bảo các yêu cầu về an toàn PCCC, vệ sinh môi trường, hạ tầng kỹ thuật, thoát người theo quy định tại Quy chuẩn Xây dựng, Tiêu chuẩn thiết kế. Quá trình thi công xây dựng, sử dụng công trình không được làm ảnh hưởng đến hoạt động của các Cơ quan, đơn vị và khu dân cư kề cận, không ảnh hưởng đến tiêu thoát nước khu vực.

- Chủ đầu tư cần lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường trình duyệt theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

b) Các yêu cầu khác:

- Các mốc giới tại bản vẽ trùng với mốc giới xác định tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 574660 ngày 21/8/2015 (riêng mốc B và C có điều chỉnh so với mốc giới cũ để đảm bảo góc vát tại ngã giao nhau giữa đường Nguyễn Sơn và đường quy hoạch B=17,5 là 10x10m).

- Liên hệ với Sở Xây dựng Hà Nội để xác định quỹ đất đất, sản nhà ở dành cho nhà ở xã hội tại dự án theo quy định tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý và phát triển nhà ở xã hội.

- Liên hệ với các Sở, ngành liên quan để được hướng dẫn điều chỉnh các thủ tục về sử dụng đất và dự án đầu tư theo quy định tại: Luật Đất đai năm 2013, Luật Đầu tư năm 2014, Luật Xây dựng năm 2014, Luật Nhà ở năm 2014, Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014 và các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về quản lý đầu tư xây dựng đã ban hành.

- Liên hệ với Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố Hà Nội để được thẩm duyệt hồ sơ Thiết kế PCCC cho các hạng mục công trình khi lập thiết kế cơ sở.

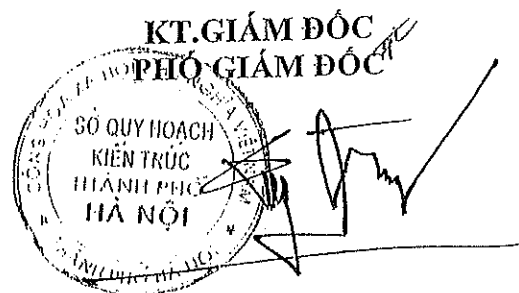
- Ngoài nội dung liên quan về quy hoạch kiến trúc tại mảnh 1 dự án 158 Nguyễn Sơn được chấp thuận kèm theo yêu cầu tại công văn này, quy hoạch và dự án đầu tư tại các mảnh 2 và mảnh 3 thực hiện theo Quy hoạch tổng mặt bằng đã được chấp thuận năm 2006 (không điều chỉnh tại các phần đất này).

- **Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với UBND phường Bồ Đề (quận Long Biên) niêm yết công khai bản vẽ Tổng mặt bằng và phương án kiến trúc tại địa điểm khu đất xây dựng.**

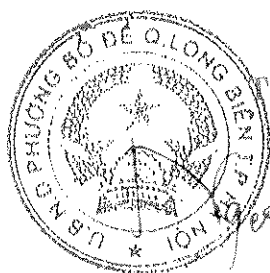
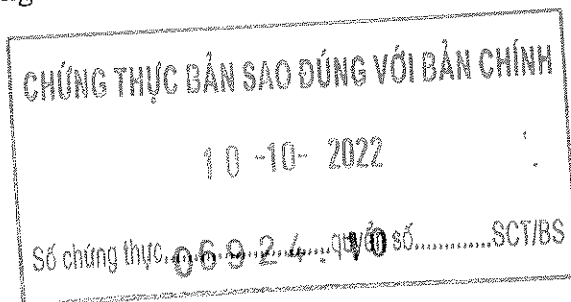
Bản vẽ Tổng mặt bằng và Phương án kiến trúc được chấp thuận kèm theo các yêu cầu tại văn bản này, Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội xin thông báo để Công ty TNHH Bắc Chương Dương được biết và triển khai theo đúng quy định hiện hành về quản lý quy hoạch, đất đai, đầu tư và xây dựng.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Bắc Chương Dương (để trả lời);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND quận Long Biên (để phối hợp);
- UBND phường Bồ Đề
- Giám đốc Sở (để b/c);
- PGĐ Ngô Quý Tuấn;
- Lưu VP(02)+Phòng 3.



Ngô Quý Tuấn



NGUYỄN THỊ NGỌC. CHỦ TỊCH

**Công chức Tư pháp - Hộ tịch
Ngô Thị Ngọc**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 7287/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Kinh doanh Bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

Căn cứ Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 quy định phát triển và quản lý nhà ở xã hội số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000042 ngày 23/5/2007, điều chỉnh ngày 26/12/2014 của UBND Thành phố chấp thuận cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Gia Lâm thực hiện Dự án Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở tại Khu bãi Ấng ten, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 6055/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 của UBND Thành phố chấp thuận chuyển nhượng toàn bộ Dự án từ Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Gia Lâm cho Công ty TNHH Bắc Chương Dương;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Bắc Chương Dương tại Văn bản ngày 30/6/2016 văn bản bổ sung số 61/BC-DAĐT ngày 21/7/2017, số 92/BCD-DAĐT ngày 30/8/2017 đề nghị UBND Thành phố phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án;

Xét ý kiến thẩm định của các Sở và cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường (tại Văn bản số 6521/STNMT-CCQLĐĐ ngày 11/8/2017), Sở Quy hoạch Kiến trúc (tại Văn bản số 5362/QHKT-P2 ngày 14/8/2017, Sở Tài chính (tại Văn bản số 4971/STC-TCĐT ngày 08/8/2017), Sở Xây dựng (tại Văn bản số 7682/SXD-PTĐT ngày 21/8/2017), UBND quận Long Biên (tại Văn bản số 1764/UBND-QLĐT ngày 29/8/2017); báo cáo thẩm định số 1440/BC-KH&ĐT ngày 29/8/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư,

Số: 508/TD-PCCC-P3

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

BẢN SAO

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; văn bản số 2243/PCCC&CNCH-P6 ngày 19/5/2017 của Cục Cảnh sát PCCC&CNCH- Bộ Công an; văn bản số 285/BXD-KHCN ngày 08/6/2017 của Bộ Xây dựng.

Xét hồ sơ, văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 201/CV ngày 13/06/2017 của Công ty TNHH Bắc Chương Dương.

Người đại diện là ông/bà: Lưu Văn Cường

Chức danh: Chủ tịch HĐQTV.

CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CHỨNG NHẬN

Công trình: Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở.
Địa điểm: Số 158 đường Nguyễn Sơn, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.
Chủ đầu tư: Công ty TNHH Bắc Chương Dương.
Đơn vị thiết kế: Công ty cổ phần kiến trúc Việt.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Lối tiếp cận cho xe chữa cháy, khoảng cách PCCC, bậc chịu lửa, bố trí mặt bằng, lối ra thoát nạn, giải pháp ngăn cháy lan.

- Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà; hệ thống chữa cháy Sprinkler tự động; hòng nhận nước từ xe chữa cháy; hòng chờ khô cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp; giải pháp ngăn cháy lan bằng màn ngăn nước (hệ thống Drencher tự động); trang bị phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn và bình chữa cháy.

- Giải pháp thông gió, chống tụ khói khu vực tầng hầm, hành lang, buồng thang bộ, giếng thang máy, khoang đệm trước lối vào buồng thang bộ, thang máy dưới tầng hầm.

- Nguồn điện cấp cho máy bơm chữa cháy và các thiết bị khác có liên quan đến PCCC. (Theo các tài liệu bản vẽ ghi ở trang 2).

Chỉ được phép đưa công trình vào sử dụng khi thi công đúng thiết kế thẩm duyệt và được nghiệm thu về PCCC theo quy định.

Nơi nhận:

- C66 - Bộ Công an (để báo cáo);
- Chủ đầu tư (để thực hiện);
- Phòng CS PC&CC số 4 (để theo dõi) (cơ sở loại I);
- Lưu: P3.

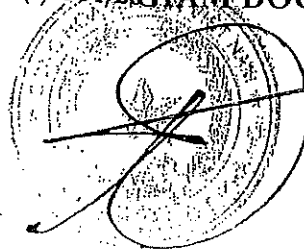
Số chứng thực: 3872 Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2017

Quyển số: (1)-SCT/BG TAM ĐỐC



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Kiên



Thiếu tướng Hoàng Quốc Định

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1	Tổng mặt bằng; định vị; kiến trúc; kết cấu: bể nước phục vụ chữa cháy:	KT-00.02; KT-01.01; KT-01.02; KT-02.01 ÷ KT-02.09; KT-03.01 ÷ KT-03.03; KT-04.01 ÷ KT-04.04; KT-05.01 ÷ KT-05.11; KT-06.01 ÷ KT-06.08; KT-07.01 ÷ KT-07.21; KC.TMKT.01; KC.TMKT.02; KC.CO.01; KC.CO.02; KC.MO.01 ÷ KC.MO.07; KC.MB-01 ÷ KC.MB-09; KC.DV-01 ÷ KC.DV-06; KC.CV-01; KC.TS.19; KC.TS.20; KC.D-01; N.CT.01;	Công ty cổ phần kiến trúc Việt
2	Sơ đồ nguyên lý điện tổng thể, hệ thống chống sét:	Đ.SĐ.01; Đ.SĐ.02; CT.Đ.SC.01 ÷ CT.Đ.SC.08; Đ.SE.01;	
3	Giải pháp thông gió, chống tụ khối:	ĐH.00.02; DH.00.02; ĐH.01.01 ÷ DH.01.02; ĐH.02.01 ÷ DH.02.09;	
4	Hệ thống PCCC:	MB-01; KH.01; BC.NL.01; BC.CT.01; EX.NL.01; CC.NL.01; CC.CT.01; CC.CT.02; BC.MB.01 ÷ BC.MB.08; CC.MB.01 ÷ CC.MB.08; EX.MB.01 ÷ EX.MB.08; MN.MB.01; MN.MB.02;	
5	Thuyết minh thiết kế hệ thống PCCC; giải pháp thông gió, chống tụ khối:	Quyển;	A4

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2018

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 58 /GPXD

1. Cấp cho: **Công ty TNHH Bắc Chương Dương.**

Địa chỉ: Số 379 ngõ 2, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

2. Được phép xây dựng công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở tại Số 158 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được Sở Xây dựng thẩm định tại văn bản số 1409/SXD-QLXD ngày 12/02/2018.

- Do: Công ty Cổ phần Kiến trúc Việt lập.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần tư vấn đô thị Việt Nam - VINACITY.

- Đơn vị thẩm định: Sở Xây dựng Hà Nội.

- Vị trí xây dựng: Số 158 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Chỉ giới xây dựng, hệ số sử dụng đất, chỉ giới đường đỏ: theo bản vẽ TMB và PAKT được Sở Quy hoạch - Kiến trúc chấp thuận tại văn bản số 847/QHKT-TMB-PAKT ngày 17/02/2017.

a. Công trình số 01: Công trình hỗn hợp (trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở)

- Gồm các nội dung sau:

+ Cốt ± 0.00 là cốt sàn tầng 1 cao hơn cốt vỉa hè 0,6 m;

+ Chiều sâu công trình (tính từ cốt ±0.00 đến đáy tầng hầm 2): 7,2 m;

+ Diện tích xây dựng tầng 1: 1.004 m²;

+ Tổng diện tích sàn xây dựng: 16.878 m² phần thân + 4.020 m² phần ngầm;

+ Chiều cao công trình từ cốt vỉa hè (cốt -0,6 m) đến đỉnh mái tum: 67,1 m;

+ Số tầng: 17 tầng + 02 tầng hầm + tum.

b. Công trình số 02 đến số 27 (26 căn liền kề tại ô đất ký hiệu TT-01; gồm 18 mẫu)

- Gồm các nội dung sau:

+ Cốt ± 0.00 là cốt sàn tầng 1 cao hơn cốt vỉa hè 0,45 m;

+ Tổng diện tích xây dựng: 1.873 m²;



+ Tổng diện tích sàn xây dựng: 9.885 m²;

+ Chiều cao công trình từ cốt vỉa hè (cốt -0,45 m) đến đỉnh mái: 17,25 m;

+ Số tầng: 05 tầng.

c. Công trình số 28 đến số 39 (12 căn liền kề tại ô đất ký hiệu TT-02; gồm 08 mẫu)

- Gồm các nội dung sau:

+ Cốt ± 0.00 là cốt sàn tầng 1 cao hơn cốt vỉa hè 0,45 m;

+ Tổng diện tích xây dựng: 834 m²;

+ Tổng diện tích sàn xây dựng: 4.410 m²;

+ Chiều cao công trình từ cốt vỉa hè (cốt -0,45 m) đến đỉnh mái: 17,25 m;

+ Số tầng: 05 tầng.

d. Công trình số 40 đến số 49 (10 căn liền kề tại ô đất ký hiệu TT-03; gồm 03 mẫu)

- Gồm các nội dung sau:

+ Cốt ± 0.00 là cốt sàn tầng 1 cao hơn cốt vỉa hè 0,45 m;

+ Tổng diện tích xây dựng: 751 m²;

+ Tổng diện tích sàn xây dựng: 3.955 m²;

+ Chiều cao công trình từ cốt vỉa hè (cốt -0,45 m) đến đỉnh mái: 17,25 m;

+ Số tầng: 05 tầng.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 của UBND Thành phố.

4. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên Chủ đầu tư phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng. Chủ đầu tư chỉ được phép khởi công xây dựng công trình khi thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 107 Luật Xây dựng 2014 và Điều 5 Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 9/10/2015 và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường (quy định tại khoản 3 điều 19 Nghị định 18/2015/NĐ-CP của Chính phủ).

5. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại trang 3 của giấy phép xây dựng này và các quy định của pháp luật có liên quan.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Nơi nhận:

- Như mục 1;

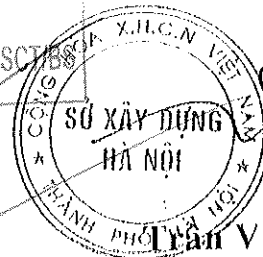
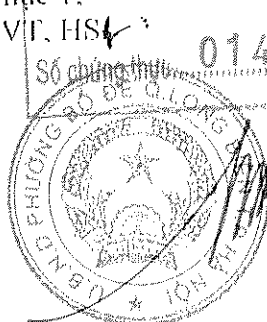
- Lưu: VT, HS

06-04-2021

01488

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Mạnh Tuấn

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng và giấy phép xây dựng này.

3. Thuê nhà thầu khảo sát xây dựng có đủ năng lực cùng với nhà thầu thi công xây dựng, tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế để thực hiện công tác định vị công trình phù hợp với Giấy phép xây dựng được cấp. Lập bản vẽ định vị công trình có xác nhận của các bên liên quan gửi đến cơ quan cấp phép xây dựng, chính quyền cơ sở, cơ quan quản lý trật tự xây dựng tại địa phương để kiểm tra trước khi thi công xây dựng phần ngầm công trình.

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng và hợp đồng vận chuyển, nghiền chất thải xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của Sở Xây dựng (trong thời gian chờ phải tạm dừng thi công xây dựng công trình).

6. Lập, thẩm định, thẩm tra và phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và biện pháp thi công theo quy định, phù hợp với bản vẽ được cấp phép xây dựng và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các công trình lân cận, liên kề.

7. Thực hiện đầy đủ nội dung yêu cầu tại Quyết định số 7287/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 và Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 của UBND Thành phố; Văn bản số 847/QHKT-TMB-PAKT ngày 17/02/2017 của Sở QHKT; Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC số 508/TD-PCCC-P3 ngày 28/6/2018 của Cảnh sát PC&CC Hà Nội; Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường số 10/GXN-UBND ngày 11/01/2007 của UBND quận Long Biên; Văn bản số 1409/SXD-QLXD ngày 12/02/2018 của Sở Xây dựng và các văn bản khác có liên quan của dự án.

8. Thực hiện đầy đủ các quy định tại Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 9/10/2015 của UBND Thành phố về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại thành phố Hà Nội; Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 16/5/2017 của UBND Thành phố về việc tăng cường quản lý phá dỡ, thu gom, vận chuyển, xử lý phế thải xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội và các quy định của pháp luật có liên quan.

9. Chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn thiết kế, giám sát và đơn vị thi công phải chịu trách nhiệm về an toàn và chất lượng công trình trong quá trình thi công và khi đưa vào khai thác sử dụng sau này, không làm ảnh hưởng đến các công trình xung quanh và các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu vực.

Số: 225 /GP-UBND

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2019

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 8430/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty TNHH Bắc Chương Dương ngày 02/4/2019 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 5293/TTr-STNMT-TNN ngày 13/6/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Bắc Chương Dương được xả nước thải từ “Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở” tại số 158 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực thuộc phường Bồ Đề, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

2. Vị trí xả nước thải:

a) Tại số 158 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

b) Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000), cụ thể như sau:

- Giai đoạn thi công xây dựng (từ Quý II/2019 – Quý II/2020):

+ Điểm xả số 01: $X_1 = 2\ 327\ 593$; $Y_1 = 591\ 134$;

+ Điểm xả số 02: $X_2 = 2\ 327\ 507$; $Y_2 = 591\ 171$.

- Giai đoạn khi đi vào vận hành (từ Quý II/2020):

$X = 2\ 327\ 587$; $Y = 591\ 208$.

3. Phương thức xả nước thải trong giai đoạn thi công và vận hành: Tự chảy.

4. Chế độ xả nước thải trong giai đoạn thi công và vận hành: Liên tục.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số: 3659/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
Của Dự án: “Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở”
Địa điểm: số 158 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên,
Thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở” tại số 158 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, họp ngày 22/4/2019;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 38/CVMT-BCD ngày 10/6/2019 của Công ty TNHH Bắc Chương Dương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 5535/TTr-STNMT-CCBVMТ ngày 19/6/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở” tại số 158 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Bắc Chương Dương (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quy mô dự án:

Dự án xây dựng trên khu đất có tổng diện tích là 15.480 m², trong đó đất xây dựng công trình khoảng 10.501 m², gồm 03 ô đất như sau:

thư

- Ô đất số 1 có chức năng Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở có diện tích 8.358 m², trong đó:

+ Công trình trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở diện tích 2.572m², diện tích xây dựng 1.004m², công trình cao 17 tầng, 02 tầng hầm, tầng 1,2 chức năng dịch vụ thương mại, sinh hoạt cộng đồng, tầng 3,4 chức năng văn phòng cho thuê, tầng 5 - 17 chức năng căn hộ thương mại, tổng số 117 căn hộ.

+ Công trình nhà ở liền kề, diện tích khoảng 4.013m², diện tích xây dựng 4.458m², công trình cao 5 tầng, tổng số 48 căn nhà.

- Ô đất số 2,3 chức năng nhà ở liền kề thấp tầng (cao 3 tầng) có diện tích 2.152m², tổng số 23 căn nhà (công trình đã triển khai đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng).

- Tỷ lệ và số lượng các loại nhà ở: Tổng số 71 căn nhà liền kề và 117 căn hộ cao tầng, trong đó: Ô đất 2,3 đã đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng 23 căn nhà liền kề; Ô đất 1 chưa đầu tư xây dựng gồm: 48 căn nhà ở liền kề và 117 căn hộ cao tầng.

- Quy mô dân số: Khoảng 482 người. Bao gồm dân số tại ô đất 2,3 đã đưa vào sử dụng khoảng 92 người, dân số tại ô đất 1 chưa đầu tư xây dựng 390 người.

(Quy mô dự án phải tuân thủ Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 7287/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND Thành phố Hà Nội; Văn bản số 23/QHKT-P2 ngày 09/02/2006 và Văn bản số 847/QHKT-TMB-PAKT ngày 17/02/2017 của Sở Quy hoạch- Kiến trúc chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng và phương án kiến trúc; Chi tiết được mô tả trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường và Báo cáo Dự án đầu tư).

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Dự án:

a) Việc phá dỡ, thu gom, vận chuyển, xử lý phế thải xây dựng trong quá trình chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án phải thực hiện theo Chỉ thị 07/CT-UBND ngày 16/5/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

b) Bố trí các lán trại công nhân, kho bãi chứa nguyên vật liệu, đất bóc hữu cơ và thiết bị tại những địa điểm phù hợp để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên, cuộc sống của dân cư, các hoạt động văn hóa, kinh tế, xã hội của địa phương trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; thực hiện chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh xã hội đối với đội ngũ cán bộ, công nhân tham gia thi công, vận hành Dự án.

c) Quá trình thi công xây dựng công trình phải thực hiện đúng quy định tại Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại thành phố Hà Nội; các biện pháp giảm bụi theo quy định tại Quyết định số 02/2005/QĐ-UB ngày 10/01/2005 của UBND Thành phố Hà Nội và Quyết định số 241/2005/QĐ-UB ngày 30/12/2005 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi một số điều quy định về việc thực hiện các biện pháp

giảm bụi trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố. Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

d) Tiếng ồn và độ rung trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 2 - Khu vực thông thường) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

đ) Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội.

e) Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

g) Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng của Dự án phải được thu gom và xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả thải ra môi trường. Nước thải thi công phải được thu gom, xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội trước khi xả thải ra môi trường.

h) Xây dựng và vận hành Trạm xử lý nước thải của Dự án có tổng công suất 180 m³/ngày.đêm bảo đảm toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án được thu gom và xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) trước khi xả thải ra môi trường.

i) Thực hiện thủ tục cấp phép xả nước thải vào nguồn nước giai đoạn hoạt động theo Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước và Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước.

3. Các điều kiện kèm theo đối với Chủ dự án:

a) Thực hiện các thủ tục về giải tỏa, đền bù, tái định cư, giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật; thực hiện nghiêm

công tác cải tạo phục hồi môi trường, hoàn trả các diện tích đất chiếm dụng tạm thời phục vụ xây dựng Dự án.

b) Thực hiện các thủ tục đầu nối hệ thống đường giao thông, hệ thống điện, hệ thống cấp nước, thoát nước của Dự án (trong trường hợp cần thiết) với các hệ thống hiện đang có tại địa phương theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện các giải pháp kỹ thuật phù hợp nhằm ngăn chặn và giảm thiểu các sự cố ngập lụt, sụt lún phát sinh do việc xây dựng Dự án; lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường khác phát sinh trong quá trình thi công và vận hành Dự án; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

d) Thiết lập hệ thống cảnh báo nguy hiểm, cảnh báo giao thông trong khu vực thi công; thực hiện các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tới các hoạt động giao thông của khu vực cũng như đời sống, sinh kế của dân cư xung quanh.

đ) Thực hiện, áp dụng triệt để các biện pháp nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực, xử lý các nguồn thải phát sinh có khả năng gây ảnh hưởng đến đời sống nhân dân xung quanh khu vực Dự án trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

e) Thực hiện chương trình giám sát môi trường hàng năm đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Kết quả giám sát môi trường định kỳ phải được cập nhật, lưu giữ tại đơn vị; gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và UBND quận Long Biên để kiểm tra và giám sát.

g) Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

h) Đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư xây dựng và vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

i) Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường của Chủ dự án, nhà thầu thi công công trình xây dựng dự án và theo chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng theo quy định tại Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/02/2018 của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Chủ dự án và đơn vị vận hành dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của Dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

4. Tuân thủ đúng trách nhiệm của Chủ dự án có hệ thống xử lý nước thải (lưu lượng nước thải từ 30m³/ngày.đêm trở lên) theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 của Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của Chủ dự án; kiểm tra, giám sát các nội dung thay đổi về các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, chương trình giám sát môi trường và các nội dung khác trong quá trình thực hiện Dự án.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành liên quan; Chủ tịch UBND quận Long Biên; Chủ tịch UBND phường Bồ Đề; Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bắc Chương Dương và các đơn vị thi công, đơn vị tiếp nhận quản lý vận hành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- Chủ tịch UBND Thành phố (đề b/c);
- PCT UBND TP Nguyễn Văn Chung;
- VPUBTP: PCVP Phạm Văn Chiến, các phòng: TH, ĐT, TĐNT;
- Chi cục Bảo vệ môi trường (để b/c);
- Lưu: VT, ĐTTr.

MSSH: 7771.CCMT

1573-14

Hệ 1 cửa

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

25-06-2020

4.06

quyển số



ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Hùng

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Luyện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN RÁC THẢI SINH HOẠT

Số: 02-07.../2021/HĐDV-MTĐTGL

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13, được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính Phủ về việc quản lý chất thải và phế liệu;

- Căn cứ Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND thành phố ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ quyết định 6731/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của UBND quận Long Biên về việc phê duyệt phương án thu và quản lý, sử dụng nguồn thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn quận Long Biên;

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Công ty cổ phần môi trường đô thị Gia Lâm;

- Căn cứ nhu cầu của Hợp tác xã Công nghiệp Long Biên.

Hôm nay, ngày 01/07/2021, tại Công ty CP MTĐT Gia Lâm, chúng tôi gồm:

BÊN A: HỢP TÁC XÃ CÔNG NGHIỆP LONG BIÊN

- Tên người đại diện: **Bà Vũ Thị Thanh Thủy** Chức vụ: Phó giám đốc

- Địa chỉ: Tổ 16, Cụm Nha, Phường Long Biên, Quận Long Biên, TP. Hà Nội

- Địa điểm phát sinh rác thải: Chung cư PHC Complex, số 158 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội (0853.668.844)

- Điện thoại: 02438.724383

- Mã số thuế: 0100769529



BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐO THỊ GIA LÂM

- Tên người đại diện: Ông Nguyễn Ghi Nhớ Chức vụ: Phó giám đốc
(Theo giấy ủy quyền số 01/GUQ-MTĐT ngày 22 tháng 5 năm 2020)

- Địa chỉ: Số 211 đường Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0243.8273643

- Mã số thuế: 0107490477

- Số tài khoản: 1591.000.011.2707

- Tại: Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Gia Lâm

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG.

1.1. Nội dung công việc:

- Bên A và Bên B cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt do Bên A là chủ nguồn thải.

- Đối tượng hợp đồng không bao gồm: chất thải nguy hại, chất thải y tế, đất thải, phế thải xây dựng,.....

1.2. Phương thức thực hiện:

- Bên A trang bị đầy đủ dụng cụ lưu chứa rác hợp vệ sinh và phù hợp với phương tiện thu gom, vận chuyển rác hàng ngày của bên B.

- Bên A phân loại rác thải sinh hoạt đảm bảo không lẫn các loại như: chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế, đất thải, phế thải xây dựng,...

- Bên B sử dụng phương tiện thu gom rác theo phương án cơ giới hóa thu gom, vận chuyển rác trên địa bàn quận Long Biên đã được phê duyệt tiếp nhận rác từ các dụng cụ lưu chứa rác của Bên A để vận chuyển đến địa điểm xử lý theo quy định của thành phố.

- Tần suất thực hiện: Hàng ngày

ĐIỀU 2. THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG.

Từ ngày: 01/7/2021

Đến hết ngày: 31/12/2021

ĐIỀU 3. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

3.1 Loại hợp đồng: Hợp đồng khối lượng, đơn giá theo đơn giá điều chỉnh được nhà nước ban hành.

3.2 Đơn giá: 208.000 đ/m³ (Đã bao gồm 10% thuế GTGT)

(Quy đổi: 1 thùng 120l = 0,12 m³; 1 thùng 240l = 0,24 m³; 1 xe 500l = 0,5 m³;

1 xe 660l = 0,66 m³)



3.2 Phương thức thanh toán:

- Bên A thanh toán cho Bên B 03 tháng/lần theo khối lượng rác thải sinh hoạt thực tế phát sinh được hai bên xác nhận hàng ngày và biên bản nghiệm thu.
- Thời gian thanh toán: Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ kinh phí thực hiện cho Bên B trong vòng 15 ngày sau khi nhận đủ chứng từ yêu cầu thanh toán hợp lệ.
- Chứng từ thanh toán: Phiếu theo dõi khối lượng rác thải sinh hoạt được hai bên xác nhận hàng ngày, Biên bản nghiệm thu và hóa đơn GTGT.
- Hình thức thanh toán: Bên A chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của bên B được nêu trong Hợp đồng này.
- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1 Quyền và trách nhiệm của Bên A

- Trang bị đầy đủ dụng cụ lưu chứa rác hợp vệ sinh và phù hợp với phương tiện thu gom, vận chuyển rác hàng ngày của bên B.
- Hàng ngày có trách nhiệm đổ rác thải sinh hoạt lên phương tiện thu gom của bên B; tự bảo quản và vệ sinh dụng cụ lưu chứa rác.
- Bố trí cán bộ ký xác nhận khối lượng rác sinh hoạt phát sinh và nghiệm thu khối lượng khi công việc hoàn thành (*theo mẫu phiếu xác nhận khối lượng của Công ty CP MTĐT Gia Lâm*).
- Thanh toán đầy đủ kinh phí và đúng thời gian cho Bên B như đã thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng này.

4.2 Quyền và trách nhiệm của Bên B

- Bố trí lao động, phương tiện thực hiện thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt theo đúng phương án cơ giới hóa công tác thu gom, vận chuyển rác đã được phê duyệt hoặc từ điểm tập kết theo quy định về bãi xử lý.
- Tạm dừng thu gom rác và báo cáo Bên A nếu phát hiện rác thải sinh hoạt lẫn các loại: chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế, đất thải, phế thải xây dựng,.....
- Chịu trách nhiệm về an toàn lao động, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường trong quá trình vận chuyển rác thải sinh hoạt về bãi xử lý.
- Từ chối không thu gom, vận chuyển nếu phát hiện rác thải sinh hoạt lẫn các loại: chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế, đất thải, phế thải xây dựng,.....
- Ngừng cung cấp dịch vụ nếu Bên A không nộp tiền (vượt quá 15 ngày theo thỏa thuận tại Điều 3) hoặc không thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng.
- Xuất đầy đủ hóa đơn, chứng từ làm cơ sở thanh toán.

ai 10-H.T.X
C XÃ
NGHIỆP
BIÊN
TP. HÀ NỘI

- Bên B cử Bà **Lê Thị Lan Anh**, Chức vụ: Cán bộ phòng Quản lý dịch vụ. SĐT: 094.537.7151, Email: Lelanh.kinhdoanh@gmail.com là người liên hệ, giao dịch trực tiếp trong thời gian thực hiện hợp đồng

- Phối hợp với Bên A giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện

ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Khi phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng thương lượng nếu không thương lượng được thì các bên có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện tại tòa án theo quy định của pháp luật.

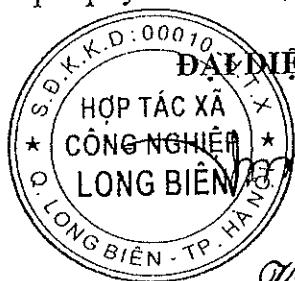
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có sự thay đổi về khối lượng hoặc phát sinh các nội dung công việc mới, hai bên thống nhất bằng văn bản được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của hai bên làm cơ sở thực hiện và nghiệm thu, thanh toán.

- Trong trường hợp một trong hai bên muốn kết thúc hợp đồng trước thời hạn, Bên muốn kết thúc hợp đồng phải gửi thông báo cho bên kia trước 20 ngày bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng.

- Nếu một trong hai bên vi phạm hợp đồng thì bên kia có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.

- Khi hợp đồng hết hiệu lực và bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên B thì hợp đồng mặc nhiên được thanh lý.

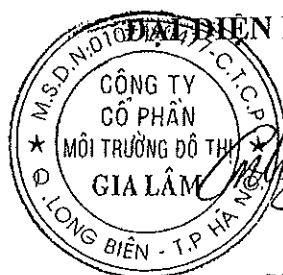
- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 01/7/2021, được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện./.



ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Thị Thanh Thùy



ĐẠI DIỆN BÊN B

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ghi Nhớ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ VỆ SINH

Số: 12.../2021/HĐDV - MTĐTGL

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng thực hiện của các bên.

Hôm nay, ngày 01/7/2021, tại Công ty Cổ phần môi trường đô thị Gia Lâm chúng tôi gồm:

BÊN A: HỢP TÁC XÃ CÔNG NGHIỆP LONG BIÊN

- Tên người đại diện: **Bà Vũ Thị Thanh Thủy** Chức vụ: Phó giám đốc
- Địa chỉ: Tổ 16, Cụm Nhà, Phường Long Biên, Quận Long Biên, TP.Hà Nội
- Địa điểm phát sinh rác thải: Chung cư PHC Complex, số 158 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội (0853.668.844)
- Điện thoại: 02438.724383
- Mã số thuế: 0100769529

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ GIA LÂM

- Tên người đại diện: Ông Nguyễn Ghi Nhớ Chức vụ: Phó giám đốc
(Theo giấy ủy quyền số 01/GUQ-MTĐT ngày 22 tháng 5 năm 2020)
- Địa chỉ: Số 211 đường Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0243.8273643
- Mã số thuế: 0107490477
- Số tài khoản: 1591.000.011.2707
- Tại: Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Gia Lâm

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung cụ thể như sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng

Bên A thuê bên B thực hiện dịch vụ vệ sinh cho bên A tại Chung cư PHC Complex, Số 158 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội.



Điều 2: Thời gian và tần suất thực hiện

- Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/7/2021 đến ngày 31/12/2021
- Tần suất thực hiện: Hàng ngày

Điều 3: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

3.1. Giá trị hợp đồng 1 tháng (Đã bao gồm 10% VAT): 5.600.000 đ

Bằng chữ: Năm triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn.

3.2. Phương thức thanh toán:

- Thời gian thanh toán: Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ kinh phí thực hiện cho Bên B trong vòng 15 ngày sau khi nhận đủ chứng từ thanh toán hợp lệ.
- Chứng từ thanh toán: Hóa đơn GTGT
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng

Điều 4: Quyền và trách nhiệm của các bên**4.1. Quyền và trách nhiệm của Bên A**

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho công nhân của bên B thực hiện dịch vụ vệ sinh theo thỏa thuận.
- Bổ sung giá trị hợp đồng khi có hạng mục công việc phát sinh ngoài hạng mục công việc đã ký kết trong hợp đồng.
- Thanh toán đầy đủ kinh phí và đúng thời gian cho Bên B như đã thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng này.
- Phối hợp với Bên B giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

4.2. Quyền và trách nhiệm của Bên B

- Thực hiện đúng hạng mục công việc, địa điểm và thời gian như đã thỏa thuận tại điều 1,2 của hợp đồng này.
- Chịu trách nhiệm về an toàn lao động, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện.
- Công nhân bên B khi thực hiện nhiệm vụ phải tuân theo nội quy của bên A.
- Ngừng cung cấp dịch vụ nếu Bên A không nộp tiền hoặc không thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng.
- Xuất đầy đủ hóa đơn, chứng từ làm cơ sở thanh toán.
- Phối hợp với Bên A giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

Điều 5: Cam kết chung

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- Khi phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng thương lượng. Nếu không thương lượng được thì các bên có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện tại tòa án theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có phát sinh hạng mục công việc mới, hai bên thống nhất bằng văn bản làm cơ sở thực hiện và nghiệm thu, thanh toán.

- Trong trường hợp một trong hai bên muốn kết thúc hợp đồng trước thời hạn, bên muốn kết thúc hợp đồng phải gửi thông báo cho bên kia trước 20 ngày bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng.

- Nếu một trong hai bên vi phạm hợp đồng thì bên kia có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.

- Khi hợp đồng hết hiệu lực và bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên B thì hợp đồng mặc nhiên được thanh lý.

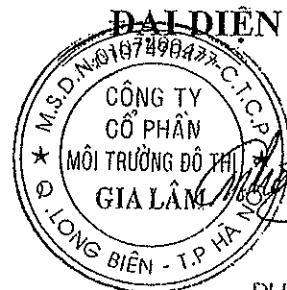
- Hợp đồng này có hiệu lực từ 01/7/2021, được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./.



ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ GIÁM ĐỐC

Từ Thị Thanh Thủy



ĐẠI DIỆN BÊN B

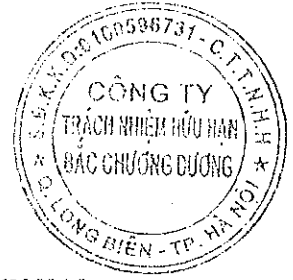
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Nhỏ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG KINH TẾ

THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP NGUY HẠI

Số: ~~002~~ Q/2022/HĐKT/ETC

- Căn cứ Bộ Luật doanh nghiệp (sửa đổi), Luật dân sự (sửa đổi) của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường hiện hành;

- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ về "Quản lý chất thải và phế liệu".

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Quản lý chất thải nguy hại;

- Căn cứ vào giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3-4-5-6.093.VX do Bộ tài nguyên và môi trường cấp ngày 05/7/2021.

- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của các bên.

Hôm nay, ngày 05 tháng 02 năm 2022, tại Văn phòng công ty cổ phần đầu tư và kỹ thuật tài nguyên môi trường ETC, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH BẮC CHƯƠNG DƯƠNG

Địa chỉ: Số 379 ngõ 2 Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP Hà Nội

Điện thoại: 024.38273778

Mã số thuế: 0100596731

Tài khoản: 15110000273060 Tại ngân hàng: BIDV – Chi nhánh Thành Đô

Người đại diện Bà: **Vũ Thị Thanh Thủy** Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT**

BÊN B: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG ETC

Địa chỉ: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02286.288.288

Mã số thuế: 0600682259

Tài khoản: 0831000068899

Tại ngân hàng Vietcombank Nam Định

Người đại diện: Ông **Trần Minh Vĩ**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại với các nội dung sau đây:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:

1. Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (Sau đây gọi tắt là chất thải) phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ khu lưu chứa chất thải của Bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải của Bên B.

ĐIỀU 2. ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI

1. Địa điểm giao nhận chất thải: Công trình "Nhà hỗn hợp cao tầng" thuộc dự án "Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở" tại 158 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP Hà Nội.

2. Thời gian thu gom: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, khi có nhu cầu thực hiện thu gom thì Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước 05 ngày để Bên B bố trí triển khai sản xuất.

Điện thoại thường trực tiếp nhận yêu cầu thu gom chất thải xin vui lòng liên hệ:

Nhân viên kinh doanh phụ trách Hợp đồng: Ms Linh, điện thoại: 0968 155 110

hoặc số điện thoại Hotline của công ty: 02286.288.288.

3. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển.

ĐIỀU 3. KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI - ĐƠN GIÁ - GIÁ TRỊ THANH TOÁN - PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Khối lượng chất thải:

Khối lượng chất thải để đưa vào tính tổng giá trị thanh toán là tổng khối lượng chất thải của từng đợt giao nhận, mỗi đợt giao nhận thực tế có xác nhận của đại diện hai bên thông qua "Biên bản giao nhận chất thải nguy hại".

3.2 Đơn giá:

Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải dưới đây đã bao gồm thuế VAT 8%

STT	Danh mục	Mã chất thải	Đơn vị tính	Đơn giá thu gom 1 chuyến ≤500Kg (VNĐ/chuyến)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg	15.120.000
2	Dầu máy tổng hợp thải	17 02 03	Kg	
3	Vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay nhiễm TPNH	18 02 01	Kg	
4	Bao bì mềm thải	18 01 01	Kg	
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Kg	
6	Hộp mực in thải	08 02 04	Kg	
7	Pin, ắc quy thải	19 06 01	Kg	

3.3. Giá trị thanh toán:

3.3.1 Trường hợp khối lượng CTNH thu gom một chuyến $\leq 500\text{kg}$ thì Bên A sẽ phải thanh toán cho Bên B theo mức phí dịch vụ cho một lần vận chuyển và xử lý là 15.120.000 VNĐ (Đơn giá đã bao gồm thuế VAT 8%).

3.3.2 Trong trường hợp khối lượng CTNH của Bên A tại thời điểm thu gom $>500\text{kg}$ thì Bên A phải thanh toán cho Bên B 10.000đ/1 kg CTNH tăng thêm (Đơn giá đã bao gồm VAT 8%).

3.4 Phương thức thanh toán

- Bên A thanh toán 100% giá trị của 01 (một) chuyến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải là: 15.120.000 VNĐ (Bằng chữ: Mười lăm triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng) cho Bên B bằng tiền Việt Nam Đồng theo phương thức chuyển khoản trong vòng 07 ngày kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng. Số tiền này sẽ được khấu trừ ngay sau lần thu gom đầu tiên.

- Sau khi hoàn thành việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải thì bên B sẽ hoàn trả cho bên A đầy đủ hồ sơ thanh toán bao gồm:

1. Các biên bản giao nhận chất thải
2. Công văn đề nghị thanh toán của Bên B.
3. Biên bản nghiệm thu khối lượng có xác nhận của đại diện có thẩm quyền hai bên.
4. Hoá đơn GTGT theo qui định của Bộ Tài Chính.
5. Các chứng từ chất thải nguy hại.

- Trong trường hợp bên A không phát sinh khối lượng trong thời gian hợp đồng có hiệu lực thì Bên B cũng không phải hoàn lại số tiền đã tạm ứng trên.

*Ghi chú: Quý khách hàng lưu ý trong mọi trường hợp khách hàng không thanh toán qua tài khoản của Công ty ETC đều phải nhận phiếu thu để ký xác nhận và lưu giữ làm chứng từ thanh toán đối chiếu sau này. Công ty ETC không xác nhận nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của cán bộ kinh doanh mà không có phiếu thu của Công ty ETC phát hành.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A

1. Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo Điều 3 của Hợp đồng.
2. Bên A có trách nhiệm bàn giao chất thải theo đúng quy định về lưu giữ chất thải nguy hại của Bộ Tài nguyên Môi trường.
3. Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom chất thải tại cơ sở phát sinh chất thải bên A theo đúng quy định pháp luật và nhằm thuận tiện cho việc quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải, Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.
4. Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc thu gom và vận chuyển chất thải trong phạm vi của Bên A. Bên A chịu trách nhiệm bốc xếp các chất thải đã được đóng gói lên và lưu trữ tạm thời lên xe vận chuyển chất thải của Bên B, hỗ trợ bên B xe nâng và công nhân vận hành xe nâng (nếu cần) xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

5. Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

6. Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình cân đo khối lượng, vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.

7. Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

1. Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng.

2. Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

3. Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ cho Bên A bằng văn bản về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.

4. Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp.

5. Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.

6. Bên B có quyền tạm dừng việc vận chuyển chất thải nếu phát hiện chất thải của bên A không được lưu giữ theo đúng quy định pháp luật.

7. Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

ĐIỀU 6. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

1. Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.

2. Hợp đồng này có thời hạn 01 năm kể từ ngày ký.

3. Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:

- Hợp đồng hết hạn;
- Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;

ĐIỀU 7. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

1. Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.

2. Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

ĐIỀU 8. BẤT KHẢ KHÁNG

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

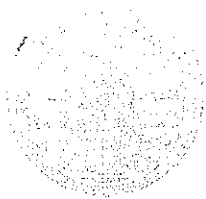
ĐIỀU 9. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai Bên.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.



CHỦ TỊCH HĐQT
Vũ Thị Thanh Thủy



HÓA ĐƠN TIỀN NƯỚC (GTGT)

(Bán thể hiện hóa đơn điện tử)

Tháng 7 năm 2022

Mã khách hàng: GLC0000602

Ký hiệu: 1K22TNS

Số: 01394814

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI

Địa chỉ: Km 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, Hà Nội

Website: www.hawater.com.vn

Mã số thuế: 0100106088

Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH BẮC CHƯƠNG DƯƠNG

Địa chỉ trụ sở: 379 Ngõ 2 Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Tp Hà Nội

Địa chỉ mua nước: Số 158 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Điện thoại:

Mã số thuế: 0100596731

Thời gian sử dụng: 11/06 - 10/07

Số hộ sử dụng: 90

Số TTKH: 6

Khối-Số đọc: GLC042

CHỈ SỐ THÁNG NÀY	CHỈ SỐ THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THU (m ³)	ĐỊNH MỨC TIÊU THU	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN(đồng)
34772	33177	1595	50	22.068	1.103.400
			900	5.973	5.375.700
			645	7.052	4.548.540
Mọi thông tin vui lòng liên hệ: Tổng đài chăm sóc khách hàng: 1900 400 002			Cộng tiền nước		11.027.640
			Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:		551.382
			Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:		1.102.764

TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:

12.681.786

Số tiền bằng chữ: Mười hai triệu sáu trăm tám mươi một nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng

Ngày 13 tháng 7 năm 2022

Người bán



Được ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI

Ngày ký: 13/07/2022



HÓA ĐƠN TIỀN NƯỚC (GTGT)

(Bau thể hiện hóa đơn điện tử)

Tháng 8 năm 2022

Mã khách hàng: GLC0000602

Ký hiệu: 1K22TNS

Số: 01591165

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI

Địa chỉ: Km 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, Hà Nội

Website: www.hawater.com.vn

Mã số thuế: 0100106088

Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH BẮC CHƯƠNG DƯƠNG

Địa chỉ trụ sở: 379 Ngõ 2 Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Tp Hà Nội

Địa chỉ mua nước: Số 158 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Điện thoại:

Mã số thuế: 0100596731

Thời gian sử dụng: 11/07 - 10/08

Số hộ sử dụng: 90

Số TTKH: 6

Khối-Số đọc: GLC042

CHỈ SỐ THÁNG NÀY	CHỈ SỐ THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ (m ³)	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN(đồng)
36439	34772	1667	50	22.068	1.103.400
			900	5.973	5.375.700
			717	7.052	5.056.284
Mọi thông tin vui lòng liên hệ: Tổng đài chăm sóc khách hàng: 1900 400 002			Cộng tiền nước		11.535.384
			Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:		576.769
			Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:		1.153.538

TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:

13.265.691

Số tiền bằng chữ: Mười ba triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi một đồng

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

Người bán



Được ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI

Ngày ký: 13/08/2022



HÓA ĐƠN TIỀN NƯỚC (GTGT)

(Bản thể hiện hóa đơn điện tử)

Tháng 9 năm 2022

Mã khách hàng: GLC0000602

Ký hiệu: 1K22TNS

Số: 01841524

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI

Địa chỉ: Km 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, Hà Nội

Website: www.hawater.com.vn

Mã số thuế: 0100106088

Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH BẮC CHƯƠNG DƯƠNG

Địa chỉ trụ sở: 379 Ngõ 2 Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Tp Hà Nội

Địa chỉ mua nước: Số 158 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Điện thoại:

Mã số thuế: 0100596731

Thời gian sử dụng: 11/08 - 10/09

Số hộ sử dụng: 90

Số TTKH: 6

Khối-Số đọc: GLC042

CHỈ SỐ THÁNG NÀY	CHỈ SỐ THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ (m ³)	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN(đồng)
38021	36439	1582	50	22.068	1.103.400
			900	5.973	5.375.700
			632	7.052	4.456.864
Mọi thông tin vui lòng liên hệ: Tổng đài chăm sóc khách hàng: 1900 400 002			Cộng tiền nước		10.935.964
			Thuế suất GTGT 5%, Tiền thuế GTGT:		546.798
			Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH 10%:		1.093.596

TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:

12.576.358

Số tiền bằng chữ: Mười hai triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi tám đồng

Ngày 14 tháng 9 năm 2022

Người bán

✓ Được ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI
Ngày ký: 14/09/2022

Số 3679 /KQPT-CNM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Loại mẫu: Mẫu nước thải thí công (01 mẫu)
Tên khách hàng: Công ty TNHH Bắc Chương Dương
Địa điểm quan trắc: Dự án: Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở
Địa chỉ: Số 158 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, Q. Long Biên, TP. Hà Nội
Ngày gửi mẫu: 27/11/2018
Ngày trả kết quả: 04/12/2018
Ngày phân tích: 27/11/2018 - 04/12/2018

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCTĐHN 02:2014/ BTNMT Cột B (Cmax)
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2500B:2012	26,1	40
2	Màu *	Pt/Co	TCVN 6185:2008	28	150
3	pH	-	TCVN 6492:2011	6,9	5,5 - 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	23,7	50
5	TDS	mg/l	CNM/SOP-HT-TDS.02	37	100
6	TSS	mg/l	TCVN 6625-2000	19	-
7	Sulfua (S ²⁻)	mg/l	SMEWW 4500 S ²⁻ .F:2012	0,23	0,5
8	Amoni (tính theo N)	mg/l	EPA Method 350.2	4,9	10
9	Tổng Nito *	mg/l	TCVN 6638:2000	11,5	40
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	TCVN 5070-1995	3,2	10
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt *	mg/l	SMEWW 5540:2012	1,7	-
12	Tổng phot pho	mg/l	TCVN 6202:2008	1,9	6
13	Tổng Coliforms	VK/100ml	TCVN 6187-2:2009	1.600	5.000

Ghi chú: (*) Chỉ tiêu phối hợp nhà thầu phụ

QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc về chất lượng nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô.

Cột B: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Nước thải công nghiệp xả vào hệ thống thoát nước đô thị áp dụng giá trị $C_{max} = C$

ĐẠI DIỆN TNV

KIỂM SOÁT ĐL - CL

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

ThS Nguyễn Văn Hoàng

TS Phạm Hoài Nam

TS Tô Văn Thiệp

Số 3680 /KQPT-CNM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Loại mẫu: Mẫu không khí (04 mẫu)
Tên khách hàng: Công ty TNHH Bắc Chương Dương
Địa điểm quan trắc: Dự án: Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở
Địa chỉ: Số 158 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, Q. Long Biên, TP. Hà Nội
Ngày quan trắc: 27/11/2018
Ngày trả kết quả: 04/12/2018
Ngày phân tích: 27/11/2018 - 04/12/2018

I. Các yếu tố vi khí hậu

Kết quả đo					
TT	Vị trí đo	Nhiệt độ (⁰ C)	Độ ẩm (%)	T/độ gió * (m/s)	Tiếng ồn (dBA)
Phương pháp thử nghiệm		QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 7878-2:2010
1	Khu vực đầu dự án tiếp giáp đường Nguyễn Sơn	24,7	67,3	0,3	68,4
2	Khu vực trung tâm dự án	24,5	67,1	0,5	77,8
3	Khu vực cuối dự án	24,4	66,9	0,4	76,2
4	Phía Tây dự án giáp khu dân cư phường Bồ Đề	24,7	67,0	0,3	69,1
QCVN 26:2016/BYT		18 - 32	40 - 80	0,2 – 1,5	85 ⁽¹⁾
QCVN 26:2010/BTNMT		-	-	-	70

II. Kết quả phân tích hơi khí độc và bụi

Kết quả phân tích hơi khí độc và bụi					
TT	Vị trí đo	Kết quả đo			
		CO mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	Bụi* mg/m ³
Phương pháp thử nghiệm		CNMLab/ SOP-A1	TCVN 6137-2009	TCVN 5971-1995	TCVN 5067- 1995
1	Khu vực đầu dự án tiếp giáp đường Nguyễn Sơn	2,23	0,078	0,091	0,15
2	Khu vực trung tâm dự án	2,20	0,071	0,090	0,17
3	Khu vực cuối dự án	2,19	0,074	0,088	0,19
4	Phía Tây dự án giáp khu dân cư phường Bồ Đề	2,21	0,069	0,085	0,10
TC3733/2002/BYT/QĐ		40	10	10	4
QCVN 05:2013/BTNMT		30	0,2	0,35	0,3

Ghi chú:

- (*): Chỉ tiêu phối hợp nhà thầu phụ
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.



ISO 17025:2005

Công ty CP Phát triển Dầu khí và CN Môi trường Việt Nam (PETECH)

PHÒNG THỬ NGHIỆM HÓA TỔNG HỢP

Địa chỉ: Cụm CN Từ Liêm – P. Phương Canh - Quận Nam Từ Liêm - TP. Hà Nội

ĐT: 024.35135388

Fax: 024.35135388

Email: infor@PETECH.vn

Http://www.PETECHVN.com.vn

Số: 26-3/08/2019/PT/PETECH

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2019

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu: Mẫu không khí (04 mẫu)
 Tên khách hàng: Công ty TNHH Bắc Chương Dương
 Địa điểm quan trắc: Dự án: *Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở*
 Địa chỉ: Số 158 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, Q. Long Biên, TP. Hà Nội
 Ngày quan trắc: 19/08/2019 Ngày phân tích: 19/08/2019 - 26/08/2019
I. Các yếu tố vi khí hậu

TT	Vị trí đo	Kết quả đo			
		Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	T/độ gió (m/s)	Tiếng ồn (dBA)
1	Khu vực đầu dự án tiếp giáp đường Nguyễn Sơn	31,1	69,1	0,4	66,4
2	Khu vực trung tâm dự án	31,0	68,9	0,3	73,7
3	Khu vực cuối dự án	30,3	69,3	0,6	69,3
4	Phía Tây dự án giáp khu dân cư phường Bồ Đề	30,6	69,4	0,2	67,9
CVN 26:2016/BYT		18 - 32	40 - 80	0,2 - 1,5	85 ^(*)
CVN 26:2010/BTNMT		-	-	-	70

II. Kết quả phân tích không khí

TT	Vị trí đo	Kết quả đo			
		CO mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	Bụi mg/m ³
Phương pháp thử nghiệm		CNMLab/ SOP-A1	TCVN 6137-2009	TCVN 5971-1995	TCVN 5067-1995
1	Khu vực đầu dự án tiếp giáp đường Nguyễn Sơn	<2,68	0,077	0,092	0,16
2	Khu vực trung tâm dự án	<2,68	0,074	0,095	0,19
3	Khu vực cuối dự án	<2,68	0,071	0,091	0,11
4	Phía Tây dự án giáp khu dân cư phường Bồ Đề	<2,68	0,078	0,098	0,10
C3733/2002/BYT/QĐ		40	10	10	4
CVN 05:2013/BTNMT		30	0,2	0,35	0,3

Ghi chú:

- (*): Chỉ tiêu phối hợp nhà thầu phụ

QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

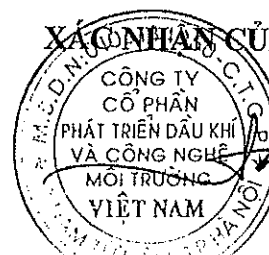
TC3733/2002/BYT/QĐ: Tiêu chuẩn vệ sinh môi trường làm việc

QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn đối với khu vực thông thường.

QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh.

CÁN BỘ PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG

VŨ THỊ LIÊN

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ghi chú: KQPT trên chỉ phù hợp với mẫu thử của khách hàng đưa đến (gửi tới) hoặc mẫu do PTN lấy tại địa điểm thử nghiệm.
 - Không được sao chép hoặc tùy chỉnh kết quả khi không được sự đồng ý của Trưởng Phòng thử nghiệm.
 - Thời gian lưu mẫu và giải quyết mọi thắc mắc không quá 7 ngày kể từ ngày trả KQPT. Kết quả NTP được ghi dấu (*).
 - PTN đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động Phân tích và Quan trắc Môi trường theo số hiệu VIMCERFS 149



ISO 17025:2005

Công ty CP Phát triển Dầu khí và CN Môi trường Việt Nam (PETECH)

PHÒNG THỬ NGHIỆM HÓA TỔNG HỢP

Địa chỉ: Cụm CN Từ Liêm – P. Phương Canh - Quận Nam Từ Liêm - TP. Hà Nội

ĐT: 024.35135388

Fax: 024.35135388

Email: infor@PETECH.vn

Http://www.PETECHVN.com.vn

Số: 26-4/08/2019/PT/PETECH

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2019

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu: Mẫu nước thải thi công (01 mẫu)
 Tên khách hàng: Công ty TNHH Bắc Chương Dương
 Địa điểm quan trắc: Dự án: Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở
 Địa chỉ: Số 158 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, Q. Long Biên, TP. Hà Nội
 Ngày quan trắc: 19/08/2019 Ngày phân tích: 19/08/2019 - 26/08/2019

Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 02:2014/ BTNMT Cột B (Cmax)
Nhiệt độ	°C	SMEWW2550B:2017	30,6	40
Màu	Pt/Co	SMEWW2120C:2017	33	150
pH	-	TCVN 6492:2011	7,1	5,5 - 9
BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	28,1	50
TDS	mg/l	PETECH-N01	38	100
TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	15	-
Sunfua	mg/l	TCVN 6637:2000	0,21	0,5
Amoni (tính theo N)	mg/l	SMEWW4500-NH3B&F:2017	6,2	10
Tổng Nito	mg/l	TCVN 6638:2000	12,7	40
Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW5520B&F:2017	2,8	10
Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	TCVN 6622-1:2009	1,2	-
Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	TCVN 6202:2008	2,8	6
Tổng Coliforms	VK/100ml	TCVN 6187-2:1996	2.100	5.000

Ghi chú: QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc về chất lượng nước thải công nghiệp
 en địa bàn Thủ đô Cột B: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả
 o nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Nước thải công nghiệp xả vào hệ thống thoát nước đô thị áp dụng giá trị $C_{max} = C$.

CÁN BỘ PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
VŨ THỊ LIÊN**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ghi chú: - KQPT trên chỉ phù hợp với mẫu thử của khách hàng đưa đến (gửi tới hoặc mẫu do PTN lấy mẫu thử).
 - Không được sao chép hoặc tẩy xóa kết quả khi không được sự đồng ý của Trưởng Phòng thử nghiệm.
 - Thời gian lưu mẫu và giải quyết mọi thắc mắc không quá 7 ngày kể từ ngày trả KQPT; Kết quả NTP được ghi dấu (*).
 - PTN đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động Phân tích và Quan trắc Môi trường theo số hiệu VINCERTS 140



17025:2005

Công ty CP Phát triển Dầu khí và CN Môi trường Việt Nam (PETECH)

PHÒNG THỬ NGHIỆM HÓA TỔNG HỢP

Địa chỉ: Cụm CN Từ Liêm – P. Phương Canh - Quận Nam Từ Liêm - TP. Hà Nội

ĐT: 024.35135388

Fax: 024.35135388

Email: infor@PETECH.vn

Http://www.PETECHVN.com.vn

Số: 3-1/12/2019/PT/PETECH

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2019

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu

Mẫu không khí (04 mẫu)

Tên khách hàng

Công ty TNHH Bắc Chương Dương

Địa điểm quan trắc

Dự án: Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở

Địa chỉ

Số 158 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, Q. Long Biên, TP. Hà Nội

Ngày quan trắc

26/11/2019

Ngày phân tích: 26/11/2019 - 03/12/2019

I. Các yếu tố vi khí hậu

Vị trí đo	Kết quả đo			
	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	T/độ gió (m/s)	Tiếng ồn (đBA)
Khu vực đầu dự án tiếp giáp đường Nguyễn Sơn	24,7	68,3	0,4	70,3
Khu vực trung tâm dự án	24,3	68,7	0,7	74,9
Khu vực cuối dự án	24,5	67,1	0,3	72,1
Phía Tây dự án giáp khu dân cư phường Bồ Đề	24,9	67,9	0,6	68,7
VN 26:2016/BYT	18 - 32	40 - 80	0,2 - 1,5	85 ⁽¹⁾
VN 26:2010/BTNMT	-	-	-	70

II. Kết quả phân tích không khí

Vị trí đo	Kết quả đo			
	CO mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	Bụi mg/m ³
Trong pháp thử nghiệm	PETECH-KK01	TCVN 6137-2009	TCVN 5971-1995	TCVN 5067-1995
Khu vực đầu dự án tiếp giáp đường Nguyễn Sơn	<2,68	0,069	0,085	0,21
Khu vực trung tâm dự án	<2,68	0,067	0,081	0,17
Khu vực cuối dự án	<2,68	0,062	0,080	0,11
Phía Tây dự án giáp khu dân cư phường Bồ Đề	<2,68	0,060	0,088	0,10
3733/2002/BYT/QĐ	40	10	10	4
VN 05:2013/BTNMT	30	0,2	0,35	0,3

Ghi chú:

1. Chỉ tiêu phối hợp nhà thầu phụ

2. VN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

3. QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm

4. 3733/2002/BYT/QĐ: Tiêu chuẩn vệ sinh môi trường làm việc

5. VN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn đối với khu vực thông thường.

6. VN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh.

CÁN BỘ PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG

VŨ THỊ LIÊN



XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

 Phó Tổng Giám đốc
 Cao Hà Minh

Chú ý: - KQPT trên chỉ phù hợp với mẫu thử của khách hàng đưa đến (gửi tới) hoặc mẫu do PTN lấy mẫu thử.

Không được sao chép hoặc tẩy xóa kết quả khi không được sự đồng ý của Trưởng Phòng thử nghiệm.

Thời gian lưu mẫu và giải quyết mọi thắc mắc không quá 7 ngày kể từ ngày trả KQPT. Kết quả NTP được ghi dấu (*).

PTN đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động Phân tích và Quan trắc Môi trường theo số hiệu VIMCERTS 129



17025:2005

Công ty CP Phát triển Dầu khí và CN Môi trường Việt Nam (PETECH)

PHÒNG THỬ NGHIỆM HÓA TỔNG HỢP

Địa chỉ: Cụm CN Từ Liêm – P. Phương Canh - Quận Nam Từ Liêm - TP. Hà Nội

ĐT: 024.35135388

Fax: 024.35135388

Email: infor@PETECH.vn

Http://www.PETECHVN.com.vn

Số: 3-2/12/2019/PT/PETECH

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2019

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu

Mẫu nước thải thí công (01 mẫu)

Tên khách hàng

Công ty TNHH Bắc Chương Dương

Địa điểm quan trắc

Dự án: Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở

Địa chỉ

Số 158 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, Q. Long Biên, TP. Hà Nội

Ngày quan trắc

26/11/2019

Ngày phân tích: 26/11/2019 - 03/12/2019

ST	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 02:2014/ BTNMT Cột B(Cmax)
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW2550B:2017	25,8	40
2	Màu	Pt/Co	SMEWW2120C:2017	37	150
3	pH	-	TCVN 6492:2011	6,8	5,5 - 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN6001-1:2008	22,9	50
5	TDS	mg/l	PETECH-N01	47	100
6	TSS	mg/l	TCVN6625:2000	21	-
7	Sunfua	mg/l	TCVN6637:2000	0,22	0,5
8	Amoni (tính theo N)	mg/l	SMEWW4500NH3B&F:2017	6,1	10
9	Tổng Nito	mg/l	TCVN6638:2000	11,5	40
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW5520B&F:2017	2,4	10
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	TCVN6622-1:2009	1,8	-
12	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	TCVN6202:2008	2,4	6
13	Tổng Coliforms	VK /100ml	TCVN6178-2:1996	1.500	5.000

Ghi chú: QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô. Cột B: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Nước thải công nghiệp xả vào hệ thống thoát nước đô thị áp dụng giá trị $C_{max} = C$

CÁN BỘ PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
VŨ THỊ LIÊN**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN****PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cao Hà Minh

Lưu ý: - KQPT trên chỉ phù hợp với mẫu thử của khách hàng đưa đến phòng thí nghiệm hoặc mẫu do PTN lấy mẫu về.
Không được sao chép hoặc tẩy xóa kết quả khi không được sự đồng ý của Trưởng Phòng thí nghiệm.
Thời gian lưu mẫu và giải quyết mọi thắc mắc không quá 7 ngày kể từ ngày trả KQPT. Kết quả NTP được ghi dấu (*).
PTN đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động Phân tích và Quản lý Môi trường theo số hiệu VIMCERTS 142



ISO 17025:2005

Công ty CP Phát triển Dầu khí và CN Môi trường Việt Nam (PETECH)

PHÒNG THỬ NGHIỆM HÓA TỔNG HỢP

Địa chỉ: Cụm CN Từ Liêm – P. Phương Canh - Quận Nam Từ Liêm - TP. Hà Nội

ĐT: 024.35135388

Fax: 024.35135388

Email: infor@PETECH.vn

Http://www.PETECHVN.com.vn

Số: 22-8/03/2019/PT/PETECH

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2019

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu

Mẫu nước thải thi công (01 mẫu)

Tên khách hàng

Công ty TNHH Bắc Chương Dương

Địa điểm quan trắc

Dự án: *Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở*

Địa chỉ

Số 158 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, Q. Long Biên, TP. Hà Nội

Ngày quan trắc

15/03/2019

Ngày phân tích: 15/03/2019 - 22/03/2019

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCTĐHN 02:2014/ BTNMT Cột B (Cmax)
1	Nhiệt độ	°C	27,5	40
2	Màu	Pt/Co	32	150
3	pH	-	7,0	5,5 - 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	26,4	50
5	TDS	mg/l	41	100
6	TSS	mg/l	18	-
7	Sunfua	mg/l	0,29	0,5
8	Amoni (tính theo N)	mg/l	5,6	10
9	Tổng Nitơ	mg/l	10,8	40
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	3,7	10
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	1,5	-
12	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	2,1	6
13	Tổng Coliforms	VK/100ml	2.400	5.000

Ghi chú: QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc về chất lượng nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô. Cột B: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Nước thải công nghiệp xả vào hệ thống thoát nước đô thị áp dụng giá trị $C_{max} = C$

CÁN BỘ PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
VŨ THỊ LIÊN**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN****TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Ghi chú: KQPT trên chỉ phù hợp với mẫu thử của khách hàng đưa đến, không phải là kết quả phân tích lấy mẫu tại hiện trường.

- Không được sao chép hoặc tẩy xóa kết quả khi không được sự đồng ý của Trưởng Phòng thử nghiệm.

- Thời gian lưu mẫu và giải quyết mọi thắc mắc không quá 7 ngày kể từ ngày trả KQPT. Kết quả NTP được ghi dấu (*).

- PTCH đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động Phân tích và Quan trắc Môi trường theo số hiệu VIMCERTS 149



Công ty CP Phát triển Dầu khí và CN Môi trường Việt Nam (PETECH)

PHÒNG THỬ NGHIỆM HÓA TỔNG HỢP

Địa chỉ: Cụm CN Từ Liêm – P. Phương Canh - Quận Nam Từ Liêm - TP. Hà Nội

ĐT: 024.35135388

Fax: 024.35135388

Email: infor@PETECH.vn

Http://www.PETECHVN.com.vn

Số: 22- 9 /03/2019/PT/PETECH

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2019

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu

Mẫu không khí (04 mẫu)

Tên khách hàng

Công ty TNHH Bắc Chương Dương

Địa điểm quan trắc

Dự án: Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở

Địa chỉ

Số 158 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, Q. Long Biên, TP. Hà Nội

Ngày quan trắc

15/03/2019

Ngày phân tích: 15/03/2019 - 22/03/2019

I. Các yếu tố vi khí hậu

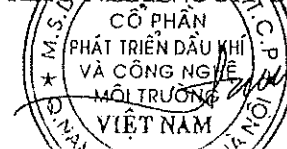
TT	Vị trí đo	Kết quả đo			
		Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	T/độ gió (m/s)	Tiếng ồn (dBA)
1	Khu vực đầu dự án tiếp giáp đường Nguyễn Sơn	26,4	71,4	0,3	69,6
2	Khu vực trung tâm dự án	26,2	70,2	0,6	75,2
3	Khu vực cuối dự án	26,3	71,8	0,5	74,8
4	Phía Tây dự án giáp khu dân cư phường Bồ Đề	26,0	71,6	0,3	68,2
QCVN 26:2016/BYT		18 - 32	40 - 80	0,2 - 1,5	85 ⁽¹⁾
QCVN 26:2010/BTNMT		-	-	-	70

II. Kết quả phân tích không khí

TT	Vị trí đo	Kết quả đo			
		CO mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	Bụi mg/m ³
1	Khu vực đầu dự án tiếp giáp đường Nguyễn Sơn	2,26	0,073	0,094	0,18
2	Khu vực trung tâm dự án	2,22	0,070	0,087	0,12
3	Khu vực cuối dự án	2,17	0,065	0,092	0,15
4	Phía Tây dự án giáp khu dân cư phường Bồ Đề	2,14	0,063	0,089	0,09
TC3733/2002/BYT/QĐ		40	10	10	4
QCVN 05:2013/BTNMT		30	0,2	0,35	0,3

Ghi chú:

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- ⁽¹⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- TC3733/2002/BYT/QĐ: Tiêu chuẩn vệ sinh môi trường làm việc
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn đối với khu vực thông thường.
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh.

CÁN BỘ PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
VŨ THỊ LIÊN**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN****TỔNG GIÁM ĐỐC**

Hà Thị Minh Huyền

Ghi chú: KQPT toàn chi phí nộp với mẫu thử của khách hàng gửi đến và gửi kết quả mẫu do PETECH phân tích.

- Không được sao chép hoặc tái xua kết quả khi không được sự đồng ý của Trưởng Phòng thử nghiệm.

- Thời gian lưu mẫu và giải quyết mọi thắc mắc không quá 7 ngày kể từ ngày trả KQPT. Kết quả NTP được ghi dấu (*)

- LƯU: chỉ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động Phân tích và Quan trắc Môi trường theo số hiệu VIMCERIS 149

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13...tháng 03...năm 2020

BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG VIỆC LẮP ĐẶT

Số: 01/158NS/CVLĐ

Dự án : Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở
Gói thầu : Cung cấp vật tư, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 110-150 m3/ ngày đêm
Hạng mục : Cung cấp vật tư, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 110-150 m3/ ngày đêm
Địa điểm xây dựng : Số 158 Nguyễn Sơn - Long Biên - Hà Nội.

1. Đối tượng nghiệm thu : Lắp đặt hệ thống đường ống.

2. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

a) Tư Vấn Quản lý dự án : Công Ty CP tư vấn quản lý dự án Việt Nam – PMC

Ông : Vũ Đức Long

Chức vụ : Phó giám đốc QLDA

Ông :

Chức vụ :

b) Tư Vấn Giám Sát: Công ty CP tư vấn đầu tư và xây lắp Hà Nội.

Ông : Nguyễn Thế Sinh

Chức vụ : Trưởng đoàn

Ông : Trương Ngọc Dương

Chức vụ : Phó đoàn TVSG

Ông : Lê Trọng Đức

Chức vụ: CBTVGS

c) Nhà thầu thi công: Công ty TNHH Thương mại Công nghệ Trường Phát

Ông : Trần Phúc Nghĩa

Chức vụ : Chỉ huy trưởng

Ông : Trần Anh Tuấn

Chức vụ : Chỉ huy phó

3. Thời gian nghiệm thu

Bắt đầu : Lúc: 8...h...30..., ngày 13... tháng 03... năm 2020.

Kết thúc : Lúc: 10...h...30..., ngày 13... tháng 03... năm 2020.

Địa điểm: Số 158 Nguyễn Sơn - Long Biên - Hà Nội.

4. Căn cứ nghiệm thu công việc lắp đặt.

a) Quy trình kiểm tra, giám sát, nghiệm thu đã được thống nhất giữa chủ đầu tư và các nhà thầu

b) Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công số YCNT/01/158NS/CVLĐ

c) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công:

d) Chỉ dẫn thi công/ thuyết minh thiết kế, tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu:.....

e) Các tiêu chuẩn và qui chuẩn về quản lý chất lượng nghiệm thu vật liệu sử dụng cho công trình:

- TCVN 4474:1987 Thoát nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 6151:1996 Ống và phụ tùng nối bằng polivinyll cứng (PVC-U) dùng để cấp nước – Yêu cầu kỹ thuật.

f) Nhật ký thi công quyền số: và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.

g) Biện pháp thi công, quy trình thi công: đã được phê duyệt.

h) Biên bản nghiệm thu vật liệu, sản phẩm lắp đặt đưa vào sử dụng số:.....

5. Nội dung và trình tự nghiệm thu công việc lắp đặt

- Kiểm tra các căn cứ nghiệm thu ở mục 4.
- Kiểm tra quá trình, kết quả thực hiện công việc lắp đặt
- Kiểm tra các số liệu đo đạc thực tế, so với yêu cầu của thiết kế, so sánh tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu.
- Kiểm tra các kết quả đo lường, vật liệu đưa vào sử dụng.

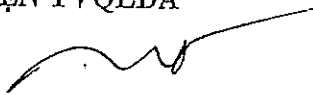
6. Đánh giá công việc lắp đặt

Đạt:.....

7. Ý kiến khác:.....

8. Kết luận:.....

ĐẠI DIỆN TVQLDA



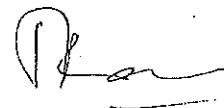
Vũ Đức Long

ĐẠI DIỆN TVGS



Nguyễn Thế Linh

NHÀ THẦU THI CÔNG



Trần Văn Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2020

BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG VIỆC LẮP ĐẶT

Số: 02/158NS/CVLĐ

Dự án : Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở
Gói thầu : Cung cấp vật tư, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 110-150 m3/ ngày đêm
Hạng mục : Cung cấp vật tư, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 110-150 m3/ ngày đêm
Địa điểm xây dựng : Số 158 Nguyễn Sơn - Long Biên - Hà Nội.

1. Đối tượng nghiệm thu : Lắp đặt bơm chìm.

2. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

a) Tư Vấn Quản lý dự án : Công Ty CP tư vấn quản lý dự án Việt Nam – PMC

Ông : Vũ Đức Long

Chức vụ : Phó giám đốc QLDA

Ông :

Chức vụ :

b) Tư Vấn Giám Sát: Công ty CP tư vấn đầu tư và xây lắp Hà Nội.

Ông : Nguyễn Thế Sinh

Chức vụ : Trưởng đoàn

Ông : Trương Ngọc Dương

Chức vụ : Phó đoàn TVSG

Ông : Lê Trọng Đức

Chức vụ: CBTVGS

c) Nhà thầu thi công: Công ty TNHH Thương mại Công nghệ Trường Phát

Ông : Trần Phúc Nghĩa

Chức vụ : Chỉ huy trưởng

Ông : Trần Anh Tuấn

Chức vụ : Chỉ huy phó

3. Thời gian nghiệm thu

Bắt đầu : Lúc: 10h30, ngày 11 tháng 03 năm 2020.

Kết thúc : Lúc: 10h30, ngày 11 tháng 03 năm 2020.

Địa điểm: Số 158 Nguyễn Sơn - Long Biên - Hà Nội.

4. Căn cứ nghiệm thu công việc lắp đặt.

a) Quy trình kiểm tra, giám sát, nghiệm thu đã được thống nhất giữa chủ đầu tư và các nhà thầu

b) Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công số YCNT/02/158NS/CVLĐ

c) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công:

- d) Chỉ dẫn thi công/ thuyết minh thiết kế, tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu:.....
- e) Các tiêu chuẩn và qui chuẩn về quản lý chất lượng nghiệm thu vật liệu sử dụng cho công trình:
- TCVN 4474:1987 Thoát nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCVN 6151:1996 Ống và phụ tùng nối bằng polivinyll cứng (PVC-U) dùng để cấp nước – Yêu cầu kỹ thuật.
- f) Nhật ký thi công quyển số: và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.
- g) Biện pháp thi công, quy trình thi công: đã được phê duyệt.
- h) Biên bản nghiệm thu vật liệu, sản phẩm lắp đặt đưa vào sử dụng số:.....

5. Nội dung và trình tự nghiệm thu công việc lắp đặt

- Kiểm tra các căn cứ nghiệm thu ở mục 4.
- Kiểm tra quá trình, kết quả thực hiện công việc lắp đặt
- Kiểm tra các số liệu đo đạc thực tế, so với yêu cầu của thiết kế, so sánh tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu.
- Kiểm tra các kết quả đo lường, vật liệu đưa vào sử dụng.

6. Đánh giá công việc lắp đặt

Đạt:.....

7. Ý kiến khác:.....

8. Kết luận:.....

ĐẠI DIỆN TVQLDA

Vũ Đức Long

ĐẠI DIỆN TVGS

Nguyễn Chế Linh

NHÀ THẦU THI CÔNG

Trần Anh Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2020

BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG VIỆC LẮP ĐẶT

Số: 03/158NS/CVLD

Dự án : Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở
Gói thầu : Cung cấp vật tư, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 110-150 m3/ ngày đêm
Hạng mục : Cung cấp vật tư, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 110-150 m3/ ngày đêm
Địa điểm xây dựng : Số 158 Nguyễn Sơn - Long Biên - Hà Nội.

1. Đối tượng nghiệm thu : Lắp đặt máy thổi khí, quạt gió.

2. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

a) Tư Vấn Quản lý dự án : Công Ty CP tư vấn quản lý dự án Việt Nam – PMC

Ông : Vũ Đức Long

Chức vụ : Phó giám đốc QLDA

Ông :

Chức vụ :

b) Tư Vấn Giám Sát: Công ty CP tư vấn đầu tư và xây lắp Hà Nội.

Ông : Nguyễn Thế Sinh

Chức vụ : Trưởng đoàn

Ông : Trương Ngọc Dương

Chức vụ : Phó đoàn TVSG

Ông : Lê Trọng Đức

Chức vụ: CBTVGS

c) Nhà thầu thi công: Công ty TNHH Thương mại Công nghệ Trường Phát

Ông : Trần Phúc Nghĩa

Chức vụ : Chỉ huy trưởng

Ông : Trần Anh Tuấn

Chức vụ : Chỉ huy phó

3. Thời gian nghiệm thu

Bắt đầu : Lúc: 8h...30, ngày 13... tháng 03... năm 2020.

Kết thúc : Lúc: 10h...30, ngày 13... tháng 03... năm 2020.

Địa điểm: Số 158 Nguyễn Sơn - Long Biên - Hà Nội.

4. Căn cứ nghiệm thu công việc lắp đặt.

a) Quy trình kiểm tra, giám sát, nghiệm thu đã được thống nhất giữa chủ đầu tư và các nhà thầu

b) Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công số YCNT/03/158NS/CVLD

c) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công:

d) Chỉ dẫn thi công/ thuyết minh thiết kế, tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu:.....

e) Các tiêu chuẩn và qui chuẩn về quản lý chất lượng nghiệm thu vật liệu sử dụng cho công trình:

- TCVN 4474:1987 Thoát nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 6151:1996 Ống và phụ tùng nối bằng polivinyli cứng (PVC-U) dùng để cấp nước – Yêu cầu kỹ thuật.

f) Nhật ký thi công quyển số: và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.

g) Biện pháp thi công, quy trình thi công: đã được phê duyệt.

h) Biên bản nghiệm thu vật liệu, sản phẩm lắp đặt đưa vào sử dụng số:.....

5. Nội dung và trình tự nghiệm thu công việc lắp đặt

- Kiểm tra các căn cứ nghiệm thu ở mục 4.
- Kiểm tra quá trình, kết quả thực hiện công việc lắp đặt
- Kiểm tra các số liệu đo đạc thực tế, so với yêu cầu của thiết kế, so sánh tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu.
- Kiểm tra các kết quả đo lường, vật liệu đưa vào sử dụng.

6. Đánh giá công việc lắp đặt

Đạt:.....

7. Ý kiến khác:.....

8. Kết luận:.....

ĐẠI DIỆN TVQLDA

Vũ Đức Long

ĐẠI DIỆN TVGS

Nguyễn Thế Linh

NHÀ THẦU THI CÔNG

Trần Anh Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2020

BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG VIỆC LẮP ĐẶT

Số: 04/158NS/CVLĐ

Dự án : Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở
Gói thầu : Cung cấp vật tư, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 110-150 m3/ ngày đêm
Hạng mục : Cung cấp vật tư, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 110-150 m3/ ngày đêm
Địa điểm xây dựng : Số 158 Nguyễn Sơn - Long Biên - Hà Nội.

1. Đối tượng nghiệm thu : Lắp đặt bình lọc áp lực, bình châm clo.

2. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

a) Tư Vấn Quản lý dự án : Công Ty CP tư vấn quản lý dự án Việt Nam – PMC

Ông : Vũ Đức Long

Chức vụ : Phó giám đốc QLDA

Ông :

Chức vụ :

b) Tư Vấn Giám Sát: Công ty CP tư vấn đầu tư và xây lắp Hà Nội.

Ông : Nguyễn Thế Sinh

Chức vụ : Trưởng đoàn

Ông : Trương Ngọc Dương

Chức vụ : Phó đoàn TVSG

Ông : Lê Trọng Đức

Chức vụ: CBTVGS

c) Nhà thầu thi công: Công ty TNHH Thương mại Công nghệ Trường Phát

Ông : Trần Phúc Nghĩa

Chức vụ : Chỉ huy trưởng

Ông : Trần Anh Tuấn

Chức vụ : Chỉ huy phó

3. Thời gian nghiệm thu

Bắt đầu : Lúc: 8h30, ngày 13 tháng 03 năm 2020.

Kết thúc : Lúc: 10h30, ngày 13 tháng 03 năm 2020.

Địa điểm: Số 158 Nguyễn Sơn - Long Biên - Hà Nội.

4. Căn cứ nghiệm thu công việc lắp đặt.

a) Quy trình kiểm tra, giám sát, nghiệm thu đã được thống nhất giữa chủ đầu tư và các nhà thầu

b) Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công số YCNT/04/158NS/CVLĐ

c) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công:

- d) Chỉ dẫn thi công/ thuyết minh thiết kế, tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu:.....
- e) Các tiêu chuẩn và qui chuẩn về quản lý chất lượng nghiệm thu vật liệu sử dụng cho công trình:
- TCVN 4474:1987 Thoát nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCVN 6151:1996 Ống và phụ tùng nối bằng polivinyll cứng (PVC-U) dùng để cấp nước – Yêu cầu kỹ thuật.
- f) Nhật ký thi công quyển số: và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.
- g) Biện pháp thi công, quy trình thi công: đã được phê duyệt.
- h) Biên bản nghiệm thu vật liệu, sản phẩm lắp đặt đưa vào sử dụng số:.....

5. Nội dung và trình tự nghiệm thu công việc lắp đặt

- Kiểm tra các căn cứ nghiệm thu ở mục 4.
- Kiểm tra quá trình, kết quả thực hiện công việc lắp đặt
- Kiểm tra các số liệu đo đạc thực tế, so với yêu cầu của thiết kế, so sánh tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu.
- Kiểm tra các kết quả đo lường, vật liệu đưa vào sử dụng.

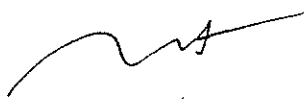
6. Đánh giá công việc lắp đặt

Đạt:.....

7. Ý kiến khác:.....

8. Kết luận:.....

ĐẠI DIỆN TVQLDA


Vũ Đức Long

ĐẠI DIỆN TVGS


Nguyễn Chế Linh

NHÀ THẦU THI CÔNG


Trần Anh Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2020

BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG VIỆC LẮP ĐẶT

Số: 05/158NS/CVLĐ

Dự án : Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở
Gói thầu : Cung cấp vật tư, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 110-150 m3/ ngày đêm
Hạng mục : Cung cấp vật tư, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 110-150 m3/ ngày đêm
Địa điểm xây dựng : Số 158 Nguyễn Sơn - Long Biên - Hà Nội.

1. Đối tượng nghiệm thu : Lắp đặt tủ điện điều khiển hệ thống.

2. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

a) Tư Vấn Quản lý dự án : Công Ty CP tư vấn quản lý dự án Việt Nam – PMC

Ông : Vũ Đức Long

Chức vụ : Phó giám đốc QLDA

Ông :

Chức vụ :

b) Tư Vấn Giám Sát: Công ty CP tư vấn đầu tư và xây lắp Hà Nội.

Ông : Nguyễn Thế Sinh

Chức vụ : Trưởng đoàn

Ông : Trương Ngọc Dương

Chức vụ : Phó đoàn TVSG

Ông : Lê Trọng Đức

Chức vụ: CBTVGS

c) Nhà thầu thi công: Công ty TNHH Thương mại Công nghệ Trường Phát

Ông : Trần Phúc Nghĩa

Chức vụ : Chỉ huy trưởng

Ông : Trần Anh Tuấn

Chức vụ : Chỉ huy phó

3. Thời gian nghiệm thu

Bắt đầu : Lúc:....h...30, ngày .12.... tháng .02.... năm 2020.

Kết thúc : Lúc:10....h...30, ngày .12.... tháng .02.... năm 2020.

Địa điểm: Số 158 Nguyễn Sơn - Long Biên - Hà Nội.

4. Căn cứ nghiệm thu công việc lắp đặt.

a) Quy trình kiểm tra, giám sát, nghiệm thu đã được thống nhất giữa chủ đầu tư và các nhà thầu

b) Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công số YCNT/05/158NS/CVLĐ

c) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công:.....

d) Chỉ dẫn thi công/ thuyết minh thiết kế, tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu:.....

e) Các tiêu chuẩn và qui chuẩn về quản lý chất lượng nghiệm thu vật liệu sử dụng cho công trình:

- TCVN 4474:1987 Thoát nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 6151:1996 Ống và phụ tùng nối bằng polivinyll cứng (PVC-U) dùng để cấp nước – Yêu cầu kỹ thuật.

f) Nhật ký thi công quyển số: và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.

g) Biện pháp thi công, quy trình thi công: đã được phê duyệt.

h) Biên bản nghiệm thu vật liệu, sản phẩm lắp đặt đưa vào sử dụng số.....

5. Nội dung và trình tự nghiệm thu công việc lắp đặt

- Kiểm tra các căn cứ nghiệm thu ở mục 4.
- Kiểm tra quá trình, kết quả thực hiện công việc lắp đặt
- Kiểm tra các số liệu đo đạc thực tế, so với yêu cầu của thiết kế, so sánh tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu.
- Kiểm tra các kết quả đo lường, vật liệu đưa vào sử dụng.

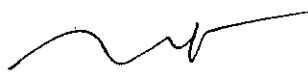
6. Đánh giá công việc lắp đặt

Đạt.....

7. Ý kiến khác:.....

8. Kết luận:.....

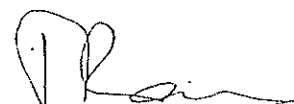
ĐẠI DIỆN TVQLDA


Vũ Đức Lợi

ĐẠI DIỆN TVGS


Nguyễn Chí Linh

NHÀ THẦU THI CÔNG


Trần An Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2020

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH
ĐƯA VÀO SỬ DỤNG
Số:/NT-HTCT/CT-HTLĐ

1. Dự án : Trung tâm thương mại văn phòng cho thuê và nhà ở
2. Hạng mục : Cung cấp vật tư, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 110-150 m³/ ngày đêm
3. Địa điểm XD : Số 158 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, TP. Hà Nội
4. Thời gian và địa điểm nghiệm thu :
Bắt đầu : 8h00 ngày 16 tháng 03 năm 2020
Kết thúc : 10h00 ngày 16 tháng 03 năm 2020
Tại: 158 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, TP. Hà Nội
5. Thành phần tham gia nghiệm thu:
 - 5.1. Đại diện Chủ đầu tư: Công ty TNHH Bắc Chương Dương
 - Bà : Vũ Thị Thu Thủy Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên
 - Ông : Đồng Vinh Quang Chức vụ: Cán bộ QLDA
 - Ông :..... Chức vụ:.....
 - 5.2. Tư vấn quản lý dự án: Công ty cổ phần tư vấn QLDA Việt Nam - PMC
 - Ông : Vũ Duy Thông Chức vụ: Phó Giám đốc
 - Ông : Vũ Đức Long Chức vụ: P.giám đốc tư vấn QLDA
 - Ông :..... Chức vụ:.....
 - 5.3. Nhà thầu tư vấn thiết kế: Công ty cổ phần INNO
 - Ông : Đoàn Văn Động Chức vụ: Tổng giám đốc
 - Ông : Chức vụ:
 - Ông :..... Chức vụ:.....
 - 5.4. Nhà thầu Tư vấn giám sát: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây lắp Hà Nội
 - Bà : Nguyễn Thị Bê Chức vụ: Tổng giám đốc
 - Ông : Nguyễn Thế Sinh Chức vụ: Trưởng đoàn TVGS
 - Ông :..... Chức vụ:.....
 - 5.5. Nhà thầu thi công xây dựng: Công ty TNHH TM CN Trường Phát
 - Ông : Trần Minh Quang Chức vụ: Giám đốc
 - Ông : Trần Phúc Nghĩa Chức vụ: Chỉ huy trưởng
6. Đánh giá về chất lượng của công trình xây dựng:

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- + Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu
- + Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, bản vẽ hoàn công
- + Phần chỉ dẫn kỹ thuật thiết kế, tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu
- + Những thay đổi thiết kế đã được chủ đầu tư chấp thuận liên quan đến đối tượng nghiệm thu
- + Biện pháp thi công, quy trình thi công
- + Nhật ký thi công xây dựng công trình và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.
- + Kết quả thí nghiệm
- + Hồ sơ pháp lý

b) Tiêu chuẩn nghiệm thu:

- + Nghị định 46/2015: Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng
- + TCVN 5637-1991: Quản lý chất lượng xây lắp công trình xây dựng
- + TCVN 4474:1987 Thoát nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế.
- + TCVN 6151:1996 Ống và phụ tùng nối bằng polivinyl cứng (PVC-U) dùng để cấp nước – Yêu cầu kỹ thuật.
- + TCVN 5308-1991: Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng
- + Các tiêu chuẩn khác có liên quan

7. Đánh giá về chất lượng và khối lượng hạng mục công trình xây dựng:

a) Tiến độ thi công hạng mục công trình:

Ngày khởi công:/...../20.....

Ngày hoàn thành:/...../20.....

b) Về chất lượng thi công hạng mục công trình xây dựng:

- Đối chiếu với bản vẽ đã được phê duyệt: Đạt yêu cầu kỹ thuật
- Đối chiếu với tiêu chuẩn kỹ thuật: Đạt yêu cầu

c) Về khối lượng:

- Khối lượng thi công theo bản vẽ thi công được phê duyệt và bảng kê khối lượng công việc hoàn thành trên công trường đã được nghiệm thu

d) Về biện pháp an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ, chống ô nhiễm môi trường và an toàn sử dụng:

- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn cháy nổ, chống ô nhiễm môi trường

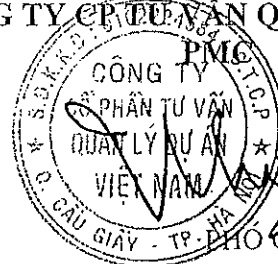
e) Những sửa đổi trong quá trình thi công so với thiết kế được duyệt: *Không*

8. Kết luận:

- Đồng ý nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình

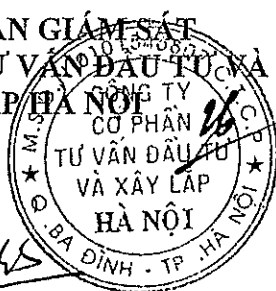
CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH BẮC CHƯƠng DƯƠNG

TƯ VẤN QLDA
CÔNG TY CP TƯ VẤN QLDA VIỆT NAM



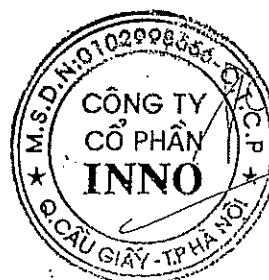
PHÓ GIÁM ĐỐC
Vũ Duy Thông

TƯ VẤN GIÁM SÁT
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY
LẬP HÀ NỘI



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Bé

TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN INNO



TỔNG GIÁM ĐỐC
ThS. Đoàn Văn Động

NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG
CÔNG TY TNHH TM CÀ TRƯỜNG PHÁT

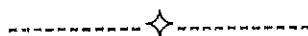


GIÁM ĐỐC
Trần Minh Quang



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



NGUỒN GỐC XUẤT XỨ

Hợp đồng kinh tế số 0312/2019/HĐKT/TP-BCD ký ngày 03/12/2019

Hạng mục: cung cấp vật tư, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 110-150m³/ ngày đêm

Công trình: Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở

Địa điểm: 158 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội.

CO: số 690294 ngày 17/6/2019 (bản sao công chứng)

CQ: ngày 10/6/2019 (bản sao công chứng)

CHO CÁC THIẾT BỊ SAU

TT	Tên hàng		Đvt	Số lượng
1	Bơm chìm nước thải bể điều hòa	Model: 80U2.75-55 <u>Thông số kỹ thuật:</u> - Đường kính ống xả: 80 mm	Cái	2
2	Bơm chìm nước thải bể hiếu khí	- Lưu lượng Q = 0.37 m ³ /min; - Cột áp H = 6 m - Điện áp: 3 pha / 380V / 50 Hz / 0.75 kW	Cái	2
<u>Xuất xứ:</u> TSURUMI-JAPAN				

Hà Nội, tháng 2 năm 2020

TSURUMI MANUFACTURING CO., LTD. 16-40, 4-CHOME, TSURUMI TSURUMI-KU OSAKA 538-8585, JAPAN PHONE: +81-6-6911-7271 FAX: +81-6-6911-0100	CERTIFICATE OF ORIGIN issued by The Osaka Chamber of Commerce & Industry Osaka, Japan
2. Consignee (Name, address, country) CONG THANH ENVIRONMENT-TECHNOLOGY CO., LTD 1A/9 BACH DANG ST., TAN BINH DIST., HOCHIMINH CITY, VIETNAM TAX ID: 0301478086 TEL: 84 28 62936050 FAX: 84 28 62936051	* Print ORIGINAL or COPY ORIGINAL 3. No. and date of Invoice 690294 June 10, 2019 4. Country of Origin JAPAN
5. Transport details FROM OSAKA, JAPAN TO HOCHIMINH, VIETNAM BY SEA	6. Remarks
7. Marks, numbers, number and kind of packages; description of goods TSURUMI BRAND SUBMERSIBLE PUMPS, JET AERATORS, ACCESSORIES, SPARE PARTS FOR SUBMERSIBLE PUMPS AND AIR BLOWERS CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH TSURUMI-ENVITECH 690294 C/NO. 1-45 TOTAL: 448 SETS 9 PCS Ngày: 11-02-2020 NO COMMERCIAL VALUE: CATALOGUE CT: 06.804 quyển số: SCT/BS 3,000 PCS	
9. Declaration by the Exporter The undersigned, as an authorized signatory, hereby declares that the above-mentioned goods were produced or manufactured in the country shown in box 4. OSAKA June 14, 2019 Place and Date: (Signature) (Name)	10. Certification The undersigned, hereby certifies on the basis of relative invoice and other supporting documents, that the above-mentioned goods originate in the country shown in box 4 to the best of its knowledge and belief. The Osaka Chamber of Commerce & Industry Authorized Signatory

CERTIFICATE OF QUALITY AND QUANTITY

To Cong Thanh Environment-Technology Co., Ltd. (ENVITECH)

We hereby certify that the under mentioned commodities were produced according to our standard specifications and passed our quality check.

Description & Quantity :

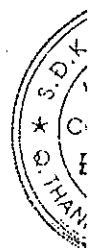
(TSURUMI BRAND SUBMERSIBLE PUMPS, JET AERATORS, ACCESSORIES, SPARE PARTS FOR SUBMERSIBLE PUMPS AND AIR BLOWERS)

1.	RSR-100 W/O M Serial No.	11kW 1700RPM R5-3170-1~5, R5-3171-1~5, R5-3172-1~5, R5-3173-1~5	20	SETS
2.	50U2.4-52 Serial No.	380-415V/50Hz B-11123029-058, B-11119146-155	40	SETS
3.	50C2.75-53 Serial No.	380-415V/50Hz B-11119489-498, B-11121383-392	20	SETS
4.	50C2.75S-52 Serial No.	220.230V/50Hz B-11121368-372	5	SETS
5.	40PU2.15S-54 Serial No.	220-240V/50Hz B-11119984-003	20	SETS
6.	50PU2.4S-53 Serial No.	220.230V/50Hz B-11120632-651	20	SETS
7.	50TM2.75-53 Serial No.	380-415V/50Hz B-11120585-589	5	SETS
8.	8-BER4 Serial No.	380-415V/50Hz B-11121393-396	4	SETS
9.	TOS-EJECTOR 8	-	4	SETS
10.	50B2.75S-52 Serial No.	220.230V/50Hz B-11121397-401	5	SETS

TSURUMI MANUFACTURING CO.,LTD.

www.tsurumipump.co.jp

16-40, 4-chome, Tsurumi, Tsurumi-Ku Osaka 538-8825, Japan



11.	80UZ43.7-51 Serial No.	380-415V/50Hz B-11124194-197	4	SETS
12.	80U2.75-55 Serial No.	380-415V/50Hz B-11122463-472,B-11120505-524	30	SETS
13.	80U21.5-53 Serial No.	380-415V/50Hz B-11124262-291	30	SETS
14.	100B42.2-E1 Serial No.	380-415V/50Hz B-11122035-049	15	SETS
15.	40PU2.15-53 Serial No.	380-415V/50Hz B-11120590-599	10	SETS
16.	40PU2.25S-53 Serial No.	220V/50Hz B-11120617-631	15	SETS
17.	150B422-55 Serial No.	380-415V/50Hz 19617378001-002	2	SETS
18.	50U2.75-56 Serial No.	380-415V/50Hz B-11120525-584	60	SETS
19.	50U21.5-53 Serial No.	380-415V/50Hz B-11124292-311	20	SETS
20.	RSA-50 W/O M Serial No.	1.5kW 1500RPM R5-3493-1-2	2	SETS
21.	RSR-50 W/O M Serial No.	2.2kW 1470RPM R5-3494-1-4	4	SETS
22.	40U2.25-52 Serial No.	380-415V/50Hz B-11115415-444	30	SETS
23.	50B2.75-53 Serial No.	380-415V/50Hz B-11115395-405	11	SETS
24.	MINI-FLOAT MF-3A W/6M CABLE		50	SETS
25.	100C42.2-E1 Serial No.	380-415V/50Hz 16525600045-046	2	SETS
26.	50PU2.4-53 Serial No.	380-415V/50Hz B-11115775-789	15	SETS

TSURUMI MANUFACTURING CO.,LTD.

www.tsurumipump.co.jp

16-40, 4-20-202, Tsurumi, Tsurumi-ku, Osaka 530-0835, Japan

27.	80U23.7-54 Serial No.	380-415V/50Hz B-11100672-676	5	SETS
28.	IMPELLER	- PN: 801-021G2922-9	6	PCS
29.	PUMP CASING	- PN: 801-02000005-9	3	PCS

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 11-02-2020

Số CT: 06-805-001 Quyển số: SCT/BS

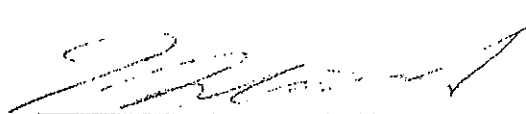


CÔNG CHỨNG VIÊN
Đoàn Ngà

Invoice No. 690294

Yours faithfully

Tsurumi Manufacturing Co., Ltd.
International Sales Division


Takeshi Watanabe
Deputy General Manager

TSURUMI MANUFACTURING CO., LTD.

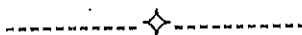
www.tsurumipump.co.jp

16-40, 4-chome, Tsurumi, Tsurumi-ku Osaka 538-K003, Japan



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



NGUỒN GỐC XUẤT XỨ

Hợp đồng kinh tế số 0312/2019/HĐKT/TP-BCD ký ngày 03/12/2019
Hạng mục: cung cấp vật tư, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt
công suất 110-150m³/ ngày đêm

Công trình: Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở
Địa điểm: 158 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội.

CO: số 12603 ngày 15/7/2019 (bản sao công chứng)

CQ: ngày 15/7/2019 (bản sao công chứng)

CHO CÁC THIẾT BỊ SAU

TT	Tên hàng	Đvt	Số lượng
1	Đĩa phân phối khí tĩnh <u>Thông số kỹ thuật:</u> - Model: ECD270 - Kích thước: D 270 mm	Cái	30
<u>Xuất xứ:</u> SSI USA			

Hà Nội, tháng 2 năm 2020

1. EXPORTER (Principal or seller-licensor and address including Zip Code) Stamford Scientific International, Inc. 4 Tucker Drive Poughkeepsie, NY 12603 USA Tel: 845-454-8171 Fax: 845-454-8094 ZIP CODE 12603		5. DOCUMENT NUMBER		5a. B/L OR AWB NUMBER	
3. CONSIGNEE TO CONG THANH ENVIRONMENT - TECHNOLOGY Co., Ltd. 1 A/9 Bach Dang Street Tan Binh District Ho Chi Minh City Vietnam		6. EXPORT REFERENCES INVOICE NO. 00017618 7/15/2019 Cust. P.O. 03/19/SSI			
4. NOTIFY PARTY / INTERMEDIATE CONSIGNEE (Name and address) CONG THANH ENVIRONMENT - TECHNOLOGY Co., Ltd. 1 A/9 Bach Dang Street Tan Binh District Ho Chi Minh City Vietnam		7. FORWARDING AGENT (Name and address - references)			
12. PRE-CARRIAGE BY		8. POINT (PROVINCE) OF ORIGIN OR FTZ NUMBER			
13. PLACE OF RECEIPT BY PRE-CARRIER		9. DOMESTIC ROUTING / EXPORT INSTRUCTIONS			
14. EXPORTING CARRIER		15. PORT OF LOADING / EXPORT		10. LOADING PIER / TERMINAL	
16. FOREIGN PORT OF UNLOADING (Vessel and air only)		17. PLACE OF DELIVERY BY ON-CARRIER Vietnam		11. TYPE OF MOVE 11a. CONTAINERIZED: Vessel only ☐ YES ☐ NO	
MARKS AND NUMBERS (18)		NUMBER OF PACKAGES (19)		CERTIFICATE OF ORIGIN (20)	
AS ADDRESSED		170 box (5 Pallet)		9" disc diffuser with EPDM membrane and 3/4" NPT connection Ngày: 11-02-2020 PVC Grommet for 6mm PVC, PN16 pipe Số CT: 06.80.40 Quyển số: SCT/BS 3" coarse bubble cap diffuser with EPDM membrane and 3/4" NPT connection 12" economy disc diffuser with EPDM membrane and 3/4" NPT connection Stamp: S.D.K.H. OI B.A. V.A.N. H.O. C.ONG C.H.U.N.G. Đ.À.N. N.G.À. Q. TH.À.N.H. X.U.À.N. - T.P. H.À. N.Ò. I.	
				GROSS WEIGHT (21) 3,147.7 Kgs	
				MEASUREMENT (21) 16.3 CBM	
				C OR F (23) D	
27. VALIDATED LICENSE NO. / GENERAL LICENSE SYMBOL		28. ECCN (when required)			
The undersigned _____ (Owner or Agent), does hereby declare for the above named shipper the goods as described above were shipped on the above date and consigned as indicated and are products of <u>Vietnam</u>. Dated at <u>HOUSTON, TX</u> on the <u>15</u> day of <u>JULY</u> 20 <u>19</u> Sworn to before me this <u>15</u> day of <u>JULY</u> 20 <u>19</u>					
CÔNG CHỨNG VIÊN JAMAL GHAZWAN Notary Public, State of Texas My Comm. Exp. 01-04-2020 NOTARY ID# 130483281 7-22-19					
SIGNATURE OF OWNER OR AGENT The undersigned _____ is the duly authorized representative of the importer and of the goods described above and hereby certifies that the goods are the property of the importer and are being imported into the United States. Secretary: _____					



Stamford Scientific International, Inc.
4 Tucker Drive
Poughkeepsie, N.Y. 12603 U.S.A.

Tel: 845-454-8171 Fax: 845-454-8094
Email: info@ssiaeration.com
www.ssiaeration.com

July 15, 2019

Ref: Quality Certification
CONG THANH ENVIRONMENT – TECHNOLOGY Co., Ltd., PO#03/19/SSI
SSI Order #17618

QUALITY CERTIFICATION

This is to certify that we have supplied Three Thousand (3,000) pcs of AFD270-E, 9" disc diffuser with EPDM membrane and 3/4" NPT connection, Five Thousand (5,000) pcs of GR6 Grommet, PVC Grommet for 6mm PVC, PN 16 pipe, One Thousand (1,000) pcs of AFC75E, 3" coarse bubble cap diffuser with EPDM membrane and 3/4" NPT connection and Five Hundred (500) pcs of ECO350-E, 12" economy disc diffuser with EPDM membrane and 3/4" NPT connection, for SSI#17618 per their PO#03/19/SSI.

Stamford Scientific Intl. Inc (SSI) hereby certifies that the goods referenced above and shipped herein have been manufactured, inspected and tested according to accepted industry data and standards. The parts are new and unused, and comply in all respects with current industry standards.

Stamford Scientific Intl Inc (SSI) warrants products manufactured by it to be free of defects in materials and workmanship for a period of twelve (12) months from date of initial use or eighteen (18) months from date of shipment to the first purchaser, whichever occurs first.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

This certification is issued as a requirement of their purchase order.

Ngày: 11-02-2020

SSI
Colleen A. Kalinowski
colleen@ssiaeration.com

Số: 06.804.01 Quyển số: SET/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN
Đoàn Ngã



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



NGUỒN GỐC XUẤT XỨ

Hợp đồng kinh tế số 0312/2019/HĐKT/TP-BCD ký ngày 03/12/2019
Hạng mục: cung cấp vật tư, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt
công suất 110-150m³/ ngày đêm
Công trình: Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở
Địa điểm: 158 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội.

CO: số 180149775172601891 ngày 18/3/2019 (bản
sao công chứng)

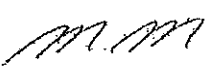
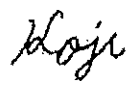
CQ: ngày 03/10/2018 (bản sao công chứng)

CHO CÁC THIẾT BỊ SAU

TT	Tên hàng	Đvt	Số lượng
1	Giá thể vi sinh Nisshinbo Model: CC - 10B - Quy cách: 12.5kg/1m ³ qui khô	Bộ	2
<u>Xuất xứ:</u> Nisshinbo Nhật			



Hà Nội, tháng 2 năm 2020

1. Goods consigned from (Exporter's name, address, country) Asia Associates, Inc. No. 1 Nan-On Bldg., 21-2, Rishi-Shinbashi, 2-Chome Minato-Ku, Tokyo 105-0003, JAPAN		Reference No. 180149775172601891 THE AGREEMENT ON COMPREHENSIVE ECONOMIC PARTNERSHIP AMONG MEMBER STATES OF THE ASSOCIATION OF SOUTHEAST ASIAN NATIONS AND JAPAN (AJCEP AGREEMENT) CERTIFICATE OF ORIGIN  FORM AJ Issued in <u>Japan</u>	
2. Goods consigned to (Importer's/Consignee's name, address, country) HAI NGUYEN TRADING CO., LTD. 130/10 HONG LAC STREET- WARD 11- TAN BINH DISTRICT, HO CHI MINH CITY, VIETNAM		4. For Official Use ☐ Preferential Treatment Given Under AJCEP Agreement ☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s)	
3. Means of transport and route (as far as known) Shipment date <u>March 16, 2019</u> Vessel's name/Aircraft etc. <u>INTERASIA ADVANCE V. S211</u> Port of discharge <u>HO CHI MINH CITY, VIETNAM</u>		Signature of Authorised Signatory of the Importing Country	
Item number (as necessary); Marks and numbers of packages; Number and kind of packages; Description of goods (including quantity where appropriate and HS number of the Importing Party at 6-digit level)		6. Preference criteria (see Notes overleaf)	7. Quantity (gross or net weight or other quantity)
1) : POLYURETHANES (SPONGE) 392113 CHỨNG THỰC-BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH Ngày: 25-02-2020 05917 01 Số CT: Quyền số: SCT/BS  Marks and numbers: HAI NGUYEN TRADING CO., LTD. POLYURETHANES (SPONGE) AQUAPOROUS 33.6M3 (420 KGS) HISSHINBO CHEMICAL INC. MADE IN JAPAN Number and kind of packages: 7 FLECON BAGS (FLEXIBLE CONTAINER BAG OF 60KGS NET)		8. Number and date of invoices 101029 March 7, 2019	
9. Remarks: ☐ Third Country Involving ☒ Issued Retroactively		CÔNG CHỨNG VIỆN Chu Cảnh Hương	
10. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct; that all the goods were produced in <u>Japan</u> and that they comply with the requirements specified for these goods in the AJCEP Agreement for the goods exported to <u>(VIETNAM)</u> Place and date <u>Tokyo, March 18, 2019</u> Printed name <u>Mai Mizuma</u> Signature  Company of authorised signatory <u>Asia Associates, Inc.</u>		11. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. Competent Governmental Authority or Designee: <u>The Japan Chamber of Commerce and Industry</u> Place and date <u>Tokyo, March 18, 2019</u> Printed name <u>Hideko Kojima</u> Signature  Stamp: 	

DATE: October 03, 2018

No. 31-181003-01

NISSHINBO Chemical INC.
Quality Assurance Department
Heat Insulation Quality Assurance Sec.
M. Harashige

Masahide Harashige

CERTIFICATE OF ANALYSIS

1. Commodity: POLYURETHANES (SPONGE)-AQUAPOROUSGEL CC-10B2. Lot. No. BJ26V

3. The results of test

Test items	Unit	Acceptable value	Measured value	Judgement
size	mm	10.0±1.0	10.1	Pass
density	kg/m ³	12.5±6	12.5	Pass
Volume swelling ratio	%	190±18	185	Pass
cell number	number/25mm	13~20	16	Pass

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 25-02-2020

Số CT: 05916151 Quyển số: SCT/BS

* MANUFACTURER: NISSHINBO CHEMICAL INC

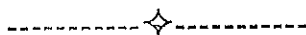


CÔNG CHỨNG VIÊN
Chu Cảnh Hưng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



NGUỒN GỐC XUẤT XỨ

Hợp đồng kinh tế số 0312/2019/HĐKT/TP-BCD ký ngày 03/12/2019
Hạng mục: cung cấp vật tư, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt
công suất 110-150m³/ ngày đêm

Công trình: Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở
Địa điểm: 153 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội.

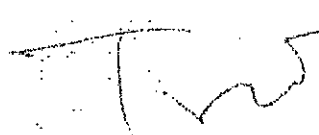
CC: số 690837 ngày 22/11/2019 (bản sao công chứng)

CQ: ngày 06/11/2019 (bản sao công chứng)

CHO CÁC THIẾT BỊ SAU

TT	Tên hàng	Đvt	Số lượng
1	Máy thổi khí Model: TSK2-65 <u>Thông số kỹ thuật:</u> - Lưu lượng: [2.25 m ³ /min] - Áp lực: [4.0m] - Vòng tua đầu máy: 1,750rpm. - Điện áp: 380v - 3Ph - 4Pole - 50Hz - 4.0kW.	Cái	2
<u>Xuất xứ:</u> TSURUMI-JAPAN			

Hà Nội, tháng 2 năm 2020

1. Exporter (Name, address, country): TSURUMI MANUFACTURING CO., LTD. 16-40, 4-CHOME, TSURUMI TSURIMI-KU OSAKA 538-8535, JAPAN PHONE: +81-6-6911-7271 FAX: +81-6-6911-0100	CERTIFICATE OF ORIGIN Issued by The Osaka Chamber of Commerce & Industry Osaka, Japan																
2. Consignee (Name, address, country): CONG THANH ENVIRONMENT-TECHNOLOGY CO., LTD 1A/9 BACH DANG ST., TAN BINH DIST., HOCHIMINH CITY, VIETNAM TAX ID: 0301478086 TEL: 84 28 62936050 FAX: 84 28 62936051		3. No. and date of Invoice 690837 November 06, 2019 4. Country of Origin JAPAN															
5. Transport details FROM OSAKA, JAPAN TO HOCHIMINH, VIETNAM BY ST GREEN V Q21A On 2019/11/20		6. Remarks															
<table border="0" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 70%;">7. Marks, numbers, number and kind of packages; description of goods</td> <td style="width: 30%;">8. Quantity</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="text-align: center;"><u>TSURUMI BRAND AIR BLOWERS</u></td> </tr> <tr> <td>Q01QITSRX TSR2-50 SPEC. L 1300RPM, 3.7KW</td> <td>6 SETS</td> </tr> <tr> <td>Q01QITSRX TSR2-65 SPEC. L 1600RPM, 4.0KW</td> <td>10 SETS</td> </tr> <tr> <td>Q01QITSRX TSR2-80 SPEC. L 1900RPM, 5.5KW</td> <td>10 SETS</td> </tr> <tr> <td>Q01QITSRX TSR2-100 SPEC. L 2200RPM, 7.5KW</td> <td>6 SETS</td> </tr> <tr> <td>Q01QITSRX TSR2-150 SPEC. L 1150RPM, 30KW</td> <td>10 SETS</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="text-align: right;">TOTAL: 42 SETS</td> </tr> </table>		7. Marks, numbers, number and kind of packages; description of goods	8. Quantity	<u>TSURUMI BRAND AIR BLOWERS</u>		Q01QITSRX TSR2-50 SPEC. L 1300RPM, 3.7KW	6 SETS	Q01QITSRX TSR2-65 SPEC. L 1600RPM, 4.0KW	10 SETS	Q01QITSRX TSR2-80 SPEC. L 1900RPM, 5.5KW	10 SETS	Q01QITSRX TSR2-100 SPEC. L 2200RPM, 7.5KW	6 SETS	Q01QITSRX TSR2-150 SPEC. L 1150RPM, 30KW	10 SETS	TOTAL: 42 SETS	
7. Marks, numbers, number and kind of packages; description of goods	8. Quantity																
<u>TSURUMI BRAND AIR BLOWERS</u>																	
Q01QITSRX TSR2-50 SPEC. L 1300RPM, 3.7KW	6 SETS																
Q01QITSRX TSR2-65 SPEC. L 1600RPM, 4.0KW	10 SETS																
Q01QITSRX TSR2-80 SPEC. L 1900RPM, 5.5KW	10 SETS																
Q01QITSRX TSR2-100 SPEC. L 2200RPM, 7.5KW	6 SETS																
Q01QITSRX TSR2-150 SPEC. L 1150RPM, 30KW	10 SETS																
TOTAL: 42 SETS																	
CI TSURUMI C/NO: 1-42 MADE IN TAIWAN Ngày: 28-02-2020 SỐ CT: 6176 91/BS  CÔNG CHỨNG VIÊN <i>Trương Thị Nga</i>																	
9. Declaration by the Exporter The undersigned, as an authorized signatory, hereby declares that the above-mentioned goods were produced or manufactured in the country shown in box 4. OSAKA November 22, 2019 Place and Date:  (Signature)	10. Certification The undersigned, hereby certifies, on the basis of relative Invoice and other supporting documents, that the above-mentioned goods originate in the country shown in box 4 to the best of its knowledge and belief. The Osaka Chamber of Commerce & Industry  Authorized Signatory																

DATE: 06-Nov-19
(Page: 1/1)

CERTIFICATE OF QUALITY AND QUANTITY

To Cong Thanh Environment-Technology Co., Ltd. (ENVITECH)

We hereby certify that the under mentioned commodities were produced according to our standard specifications and passed our quality check.

Description & Quantity :

(TSURUMI BRAND AIR BLOWERS)

1.	TSR2-50 Serial No.	1300RPM 3.7KW 19J050107-112	6	SETS
2.	TSR2-65 Serial No.	1600RPM 4.0KW 19J065066-075	10	SETS
3.	TSR2-80 Serial No.	1300RPM 5.5KW 19J080079-088	10	SETS
4.	TSR2-100 Serial No.	1600RPM 11KW 19J100099-104	6	SETS
5.	TSR2-150 Serial No.	1150RPM 30KW 19J150015-024	10	SETS

Invoice No. 690837

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Yours faithfully

Ngày: 11-02-2020

Tsurumi Manufacturing Co., Ltd.
International Sales Division

Số CT: 06804 Quyển số: 1 SCT/RS



Takeshi Watanabe
Deputy General Manager

CÔNG CHỨNG VIÊN

Đoàn Ngà

TSURUMI MANUFACTURING CO., LTD.

www.tsurumipump.co.jp



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



NGUỒN GỐC XUẤT XỨ

Hợp đồng kinh tế số 0312/2019/HĐKT/TP-BCD ký ngày 03/12/2019
Hạng mục: cung cấp vật tư, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt
công suất 110-150m³/ ngày đêm
Công trình: Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở
Địa điểm: 158 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội.

CO: số 690764 ngày 30/10/2019 (bản sao công chứng)

CQ: ngày 21/10/2019 (bản sao công chứng)

CHO CÁC THIẾT BỊ SAU

TT	Tên hàng		Đvt	Số lượng
1	Bơm bùn bể lắng	Model: 50U2.4-52 <u>Thông số kỹ thuật:</u>	Cái	2
2	Bơm bùn bể khử trùng	- Điện áp: 3 pha / 380V / 50 Hz / 0.4 kW - Đường kính ống xả: 50 mm - Lưu lượng Q = 9 m ³ /giờ; - Cột áp H = 6 m	Cái	1
<u>Xuất xứ:</u> TSURUMI-JAPAN				

Hà Nội, tháng 2 năm 2020

TSURUMI MANUFACTURING CO., LTD. 16-40, 4-CHOME, TSURUMI TSURUMI-KU, OSAKA, JAPAN		CERTIFICATE OF ORIGIN issued by The Osaka Chamber of Commerce & Industry Osaka, Japan	
2. Consignee (Name, address, country) CONG THANH ENVIRONMENT-TECHNOLOGY CO., LTD 1A/9 BACH DANG ST., TAN BINH DIST., HOCHIMINH CITY, VIETNAM TAX ID: 0301478086 TEL: 84 28 62936050 FAX: 84 28 62936051		1. Form ORIGINAL or COPY ORIGINAL	
		3. No. and date of Invoice 690764 OCTOBER 21, 2019	
		4. Country of Origin JAPAN	
5. Transport details FROM OSAKA, JAPAN TO HOCHIMINH, VIETNAM BY WAN HAI 271 S143		6. Remarks	
7. Marks, numbers, number and kind of packages; description of goods <u>TSURUMI BRAND SUBMERSIBLE PUMPS, SCUM SKIMMERS, MIXERS, AIR BLOWERS,</u> <u>ACCESSORIES, AND SPARE PARTS FOR SUBMERSIBLE PUMPS</u> TSURUMI-ENVITECH 690764 C/NO. 1-34		8. Quantity TOTAL: 518 SETS 30 PCS	
DETAILS AS PER ATTACHED SHEET CHUNG THUC BAN SAU ĐỒNG VỚI BẢN CHỈ			
Ngày: 11-02-2020 SỐ CT: 06804 Quyển số: 01 BCT/BS			
			
CÔNG CHỨNG VIÊN Đoàn Ngà			
9. Declaration by the Exporter The undersigned, as an authorized signatory, hereby declares that the above-mentioned goods were produced or manufactured in the country shown in box 4. OSAKA OCTOBER 30, 2019 Place and Date: _____ (Signature) _____ (Name) TORU MIWA		10. Certification The undersigned, hereby certifies, on the basis of relative invoice and other supporting documents, that the above-mentioned goods originate in the country shown in box 4 to the best of its knowledge and belief. The Osaka Chamber of Commerce & Industry Authorized Signatory _____ (Signature) _____	
Certificate No.		11. Date, Signature and Stamp of Consignee, if any	

CERTIFICATE OF QUALITY AND QUANTITY

To Cong Thanh Environment-Technology Co., Ltd. (ENVITECH)

We hereby certify that the under mentioned commodities were produced according to our standard specifications and passed our quality check.

Description & Quantity :

(TSURUMI BRAND SUBMERSIBLE PUMPS, SCUM SKIMMERS, MIXERS, AIR BLOWERS, ACCESSORIES, AND SPARE PARTS FOR SUBMERSIBLE PUMPS)

1.	MR21NF400-51 Serial No.	380V/50Hz 19625118001-030	30	SETS
2.	MR21NF250-51 Serial No.	380V/50Hz 19625119001-020	20	SETS
3.	MR21NF750-51 Serial No.	380V/50Hz 19655120001-030	30	SETS
4.	RSR-125 W/O M Serial No.	15KW 1,650RPM R5-3730-1-4, R5-3731-1-4	8	SETS
5.	8-FSP3 Serial No.	200V/50Hz 19629607001	1	SET
6.	50B2.4-52 Serial No.	380-415V/50Hz B-11143927-956	30	SETS
7.	80B21.5-52 Serial No.	380-415V/50Hz B-11142735-754	20	SETS
8.	100C42.2-E1 Serial No.	380-415V/50Hz B-11143064-068	5	SETS
9.	50PU2.4-53 Serial No.	380-415V/50Hz B-11143334-365	32	SETS

TSURUMI MANUFACTURING CO.,LTD.

www.tsurumipump.co.jp

16-40, 1-chome, Tsurumi, Tsurumi-ku, Osaka 538-0205, Japan

Phone (+81) 6-6011-7271

Fax (+81) 6-6011-0100

e-mail info@tsurumipump.com

10.	50PU2.75-53 Serial No.	380-415V/50Hz B-11142705-734	30	SETS
11.	40U2.25-52 Serial No.	380-415V/50Hz B-11143897-926	30	SETS
12.	50U2.4-52 Serial No.	380-415V/50Hz B-11144209-308	100	SETS
13.	50U2.75-56 Serial No.	380-415V/50Hz B-11143727-756	30	SETS
14.	80U2.75-55 Serial No.	380-415V/50Hz B-11143757-776	20	SETS
15.	TOS-EJECTOR 22/37	-	4	SETS
16.	RSA-50 Serial No.	1.5KW R5-3910-1-6	6	SETS
17.	80SF211-53 Serial No.	380-415V/50Hz 19630870001-002	2	SETS
18.	TOS80SF211-53 Serial No.	380-415V/50Hz 19630871001-002	2	SETS
19.	50TM2.75S-53 Serial No.	220V/50Hz B-11144454-467	14	SETS
20.	TOK4-A	-	29	SETS
21.	TOK4-P	-	75	SETS
22.	MOUTH RING	- PN: 801-03410615-9	7	PCS
23.	WEAR RING	- PN: 801-03110212-9	5	PCS
24.	MECHANICAL SEAL	- PN: 801-02500118-9	1	PCE
25.	MOUTH RING	- PN: 801-03442614-9	4	PCS

TSURUMI MANUFACTURING CO.,LTD.

www.tsurumipump.co.jp

10-10, 4-chome, Isurumi, Tenmachi-ku, Osaka 553-8383, Japan

Phone: +81-6-6911-7271

Facsimile: +81-6-6911-0100

E-mail: info@tsurumi.co.jp

26.	PUMP CASING	-	4	PCS
		PN: 801-02000105-9		
27.	IMPELLER	-	4	PCS
		PN: 801-02100047-9		
28.	MECHANICAL SEAL	-	4	PCS
		PN: 801-02500073-9		
29.	IMPELLER	-	1	PCE
		PN: 801-02100886-9		

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.

Ngày: 11-02-2020

SỐ CT: 06.805.001. Quyển số: SCT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN
Đoàn Ngà

Invoice No. 690764

Yours faithfully

Tsurumi Manufacturing Co., Ltd.
International Sales Division

[Signature]
Takeshi Watanabe
Deputy General Manager

TSURUMI MANUFACTURING CO., LTD.

www.tsurumipump.co.jp

10-40, 4-chome, Tsurumi, Tsurumi-ku, Osaka 538-8585, Japan

Phone: +81-6-6911-7271

Facsimile: +81-6-6911-9100

e-mail: info@tsurumi-pump.co.jp